



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
SAIGON COMMERCIAL BANK

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
SAIGON COMMERCIAL BANK

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Kết nối để **THÀNH CÔNG**



Kết nối để
THÀNH CÔNG



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
SAIGON COMMERCIAL BANK

Hội sở: 927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Tp.HCM
ĐT: (08) 39 230 666 - Fax: (08) 39 225 888 - **SWIFT:** SACLVNVX
Email: scb@scb.com.vn - **Website:** www.scb.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2012

NỘI DUNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	5
Thông điệp của Tổng Giám đốc	7
■ Kết nối NGUỒN LỰC , tăng CƯỜNG SỨC MẠNH	
GIỚI THIỆU TỔNG QUAN	11
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	12
Chính sách chất lượng	13
Quá trình hình thành và phát triển	14
■ Kết nối TRI THỨC , dẫn lối THÀNH CÔNG	18
Cơ cấu tổ chức	20
Sơ đồ tổ chức	22
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	26
Giới thiệu Ban Kiểm soát	27
Giới thiệu Ban Điều hành	32
Quản trị nhân sự	34
Đào tạo nguồn nhân lực	
■ Kết nối NIỀM TIN , nâng tầm VỊ THẾ	39
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2012	40
Bối cảnh kinh tế toàn cầu và Việt Nam	42
Những thành tựu nổi bật trong năm 2012	
■ Kết nối CÔNG NGHỆ , sẵn sàng BỨT PHÁ	62
CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG	64
Quản trị công nghệ	66
Hoạt động Thẻ và Ngân hàng điện tử	
■ Kết nối NĂNG LỰC , gia tăng THÀNH QUẢ	71
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	73
Thông tin chung	75
Báo cáo của Ban Điều hành	79
Báo cáo tài chính hợp nhất	145
Báo cáo tài chính riêng lẻ	
■ Kết nối KHÁCH HÀNG , lan tỏa VƯỜN XA	154
Mạng lưới hoạt động	156
Công ty liên quan	158
Mạng lưới hoạt động	





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), lời đầu tiên thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin kính chúc Quý vị sức khỏe, thành đạt, vạn sự như ý.

Kính thưa Quý vị!

Năm 2012, mặc dù nền kinh tế Việt Nam có những điểm sáng như: kiểm chế lạm phát ở mức 6,81%, giảm đáng kể lãi suất; “đảo chiều” cán cân thương mại sang xuất siêu; giữ tỷ giá ổn định và tăng mạnh lượng dự trữ ngoại tệ, đảm bảo an sinh xã hội... nhưng nền kinh tế trong nước vẫn tiếp tục đứng trước nhiều khó khăn và thách thức lớn. Kinh tế thế giới chưa có dấu hiệu phục hồi và chịu hệ lụy từ “vách đá tài chính” của Mỹ, khủng hoảng nợ công Châu Âu leo thang và bất ổn chính trị tại khu vực Trung Đông... Trong nước, thị trường bất động sản đóng băng, thị trường chứng khoán âm ỉ, nợ xấu ngân hàng gia tăng, hàng tồn kho lớn, sức mua giảm sút và hàng loạt doanh nghiệp phá sản...

Trong bối cảnh khó khăn đó, yêu cầu tái cấu trúc toàn diện nền kinh tế trở nên cấp thiết. Chương trình tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế đã được Đảng và Chính phủ xác định, ưu tiên trước mắt trong 5 năm tới đặt trọng tâm vào ba trụ cột: tái cơ cấu đầu tư, tái cơ cấu hệ thống tài chính và tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước. Trong đó, tái cơ cấu các ngân hàng thương mại là mục tiêu đầu tiên của tái cơ cấu hệ thống tài chính. Đây là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, nhằm sớm giúp nền kinh tế thoát khỏi khó khăn, từng bước khôi phục và phát triển; giúp hệ thống tài chính nói chung, và các ngân hàng thương mại nói riêng hoạt động an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2012 theo Quyết định số 2716/QĐ-NHNN ngày 26/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở tự nguyện hợp nhất của ba ngân hàng TMCP: Ngân hàng Sài Gòn, Việt Nam Tín Nghĩa và Đệ Nhất. Việc hợp nhất ba Ngân hàng là một sự kiện hết sức có ý nghĩa, thể hiện quyết định sáng suốt của các cổ đông và Hội đồng Quản trị ba ngân hàng, là sự hưởng ứng tích cực, tiên phong vào công cuộc tái cơ cấu theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và NHNN. Sau một năm hoạt động kể từ thời điểm hợp nhất, với sự đồng lòng, quyết tâm của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBNV SCB, sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cơ quan quản lý các cấp, các ngành và đặc biệt là sự ủng hộ mạnh mẽ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, của các

ngân hàng bạn, SCB đã từng bước đạt được những mục tiêu đề ra và xử lý những tồn tại cũ của các ngân hàng trước hợp nhất trong năm 2012. Đây là động lực quan trọng giúp SCB vững bước phát triển trong thời gian tới.

Trên cơ sở định hướng mục tiêu của chính sách tiền tệ năm 2013, kế hoạch tái cơ cấu SCB sau hợp nhất giai đoạn 2013 - 2014 đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, và trên cơ sở những kết quả mà Ngân hàng đã đạt được trong năm 2012, Hội đồng Quản trị SCB xác định năm 2013 sẽ là năm tổng lực để SCB hoàn thành các mục tiêu trong đề án tái cơ cấu, thông qua các giải pháp: tăng vốn điều lệ thêm 30%, củng cố thị phần - thị trường, cơ cấu Tài sản Có, tập trung xử lý nợ quá hạn - nợ xấu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trên hệ thống Corebanking Flexcube nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị Ngân hàng và gia tăng tiện ích cho khách hàng.

Với những khó khăn, thách thức còn ở phía trước, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng Quản trị SCB rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự tin tưởng của Quý Cổ đông, sự hợp tác của các nhà đầu tư và các đối tác chiến lược, sự chia sẻ, hỗ trợ của các Ngân hàng bạn cùng Quý Khách hàng và đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Ban chỉ đạo tái cơ cấu, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Ủy - Ủy ban nhân dân TPHCM, các cấp, các ngành. Chúng tôi tin tưởng rằng, bằng sức mạnh đoàn kết của tập thể CBNV SCB, SCB sẽ hoàn thành kế hoạch tái cơ cấu ngân hàng theo kế hoạch đã đề ra, xây dựng SCB phát triển theo đúng định hướng, hoạt động an toàn, bền vững và xứng tầm với tên gọi “Sài Gòn - Hòn ngọc Viễn đông” mà các cổ đông ngay từ những ngày đầu hợp nhất đã lựa chọn và gửi gắm niềm tin. Chúng tôi khẳng định SCB sẽ luôn là một địa chỉ đáng tin cậy, một người bạn đồng hành với khách hàng không chỉ trong năm tài chính 2013 mà còn trong những năm tiếp theo.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin kính chúc Quý vị lãnh đạo, Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Quý Đối tác luôn vững bước phát triển và cùng với SCB đạt nhiều thành công trong tương lai.

Trân trọng kính chào,

NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý Khách hàng, Quý Đối tác và Quý vị Cổ đông!

Năm 2012 là năm thật sự có nhiều ý nghĩa, mang dấu ấn quan trọng đánh dấu giai đoạn mới của Ngân hàng TMCP Sài Gòn hợp nhất (SCB) với những khởi đầu đầy thử thách và những cơ hội phía trước. Đứng trước những khó khăn của nền kinh tế, của ngành tài chính ngân hàng cũng như nội tại của Ngân hàng nhưng SCB vẫn vững vàng vượt qua và đạt được những thành quả đáng ghi nhận chính là nhờ sự hỗ trợ tích cực của các cơ quan quản lý Nhà nước, sự tin tưởng, ủng hộ của Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, sự định hướng đúng đắn của Hội đồng Quản trị và đặc biệt sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên.

Tổng tài sản của SCB đạt 149.206 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch huy động vốn năm 2012 với tổng mức huy động thị trường 1 đạt 106.712 tỷ đồng, tăng 28.103 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 37,5% so với đầu năm, đã giúp SCB ổn định thanh khoản, hoàn trả nợ vay tái cấp vốn cho NHNN, nợ vay BIDV và đối tác liên ngân hàng. Việc cơ cấu Tài sản Có, xử lý nợ quá hạn - nợ xấu trong năm 2012 đã hoàn thành mục tiêu đề ra nhằm từng bước cải thiện chất lượng tài sản, nâng cao năng lực tài chính tương xứng với quy mô của ngân hàng sau giai đoạn hợp nhất. Ngoài ra, công tác quản trị điều hành được tăng cường, bộ máy tổ chức được cơ cấu lại và kiện toàn. Hệ thống ngân hàng lõi (Corebanking Flexcube) cũng được triển khai hoàn thành, các loại hình sản phẩm và dịch vụ được đa dạng hóa để từ đó nâng cao chất lượng phục vụ và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng. Đây chính là những nền tảng vững chắc để SCB phát triển vượt bậc trong thời gian tới.

Năm 2013 là năm thứ hai SCB triển khai để án hợp nhất và tái cơ cấu toàn diện hoạt động Ngân hàng. Do đó, hoạt động trong năm 2013 có tính chất bản lề quyết định sự thành công của để án hợp nhất và tái cơ cấu Ngân hàng. Mục tiêu hoạt động của SCB trong năm 2013 là: **"Kiện toàn bộ máy tổ chức, củng cố và nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị, kiểm soát, điều hành, hiện đại hóa công nghệ thông tin - Tạo nền tảng cho sự phát triển trung dài hạn"**. Để thực hiện thành công mục tiêu hoạt động trong năm 2013, SCB cần triển khai mọi mặt hoạt động dựa trên các giải pháp nòng cốt như sau:

- ✦ Thứ nhất, tiếp tục cơ cấu lại chất lượng Tài sản Có - Tài sản Nợ, lành mạnh hóa tình hình tài chính, trong đó ưu tiên xử lý những tổn động và nâng cao các tỷ lệ an toàn hoạt động.
- ✦ Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện danh mục sản phẩm dịch vụ, phát huy tối đa sản phẩm tiền gửi và sản phẩm bảo trợ, gia tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ trong tổng thu nhập.
- ✦ Thứ ba, hoàn thiện công nghệ ngân hàng trên nền tảng hệ thống ngân hàng lõi Oracle Flexcube, chú trọng phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử.
- ✦ Thứ tư, nâng cao năng lực quản lý rủi ro, nghiên cứu và đưa vào ứng dụng các mô hình quản trị rủi ro tiên tiến, tăng cường kiểm tra kiểm soát nội bộ.
- ✦ Thứ năm, kiện toàn bộ máy điều hành năng động, sáng tạo, minh bạch nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành hoạt động ngân hàng.
- ✦ Thứ sáu, xây dựng và phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ, phân cấp phân quyền của các Phòng/Ban, Đơn vị, hoàn tất định biên nhân sự trong toàn hệ thống, tiến tới kiện toàn bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn và hiệu quả.

Từ những thế mạnh sẵn có cùng sự quyết tâm của toàn thể CBNV và sự hỗ trợ từ Ngân hàng Nhà nước, sự tin tưởng và ủng hộ của Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, SCB chắc chắn sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra trong năm 2013, phát huy được thế mạnh về năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng quản lý điều hành để nhanh chóng trở thành một trong những tập đoàn tài chính ngân hàng hàng đầu Việt Nam và mang tầm vóc quốc tế, đủ sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường trong và ngoài nước.

Trân trọng,

LÊ KHÁNH HIẾN
Tổng Giám đốc



Kết nối **NGUỒN LỰC**
tăng cường **SỨC MẠNH**

Từ thế mạnh vốn có của 3 Ngân hàng tiền nhiệm, Chúng tôi, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn, tự hào khi hội tụ những tài sản hữu hình và vô hình để trở thành một trong năm Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam.



144.814^{tỷ đồng}
Tổng tài sản sau hợp nhất

Chính thức hợp nhất vào ngày 01/01/2012, đây là cột mốc mang tính chất bước ngoặt hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của ba Ngân hàng, đánh dấu một bước phát triển vượt bậc về quy mô, công nghệ, nhân lực và mạng lưới hoạt động của Ngân hàng. Trên cơ sở hợp nhất về nguồn lực, SCB cam kết thực hiện tốt nhất nội dung chính sách chất lượng đối với khách hàng, kết hợp thực hiện các chiến lược đồng bộ đến năm 2016, phấn đấu trở thành một trong những Ngân hàng hàng đầu Việt Nam, mang tầm vóc quốc tế, đủ sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường trong và ngoài nước.

Giới thiệu
TỔNG QUAN

Tầm nhìn - Sứ mạng - Giá trị cốt lõi	12
Chính sách chất lượng	13
Quá trình hình thành và phát triển	14

TẦM NHÌN

Trở thành **1** trong **5** NGÂN HÀNG
Thương mại Cổ phần HÀNG ĐẦU tại Việt Nam

SỨ MẠNG HOẠT ĐỘNG

Hài hòa lợi ích XÃ HỘI - KHÁCH HÀNG -
NGƯỜI LAO ĐỘNG - đảm bảo giá trị CỔ ĐÔNG

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

KHÁCH HÀNG là TRỌNG TÂM
ĐỔI MỚI - SÁNG TẠO - CHUYÊN NGHIỆP
ĐOÀN KẾT - CHIA SẺ - HỢP TÁC



CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Cam kết với khách hàng

- ✦ Luôn đồng hành, tôn trọng, lắng nghe, chia sẻ thông tin và giải quyết toàn bộ các yêu cầu của khách hàng bằng giải pháp tối ưu nhất.
- ✦ Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại với tinh thần phục vụ tận tâm nhất và đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng.

Cam kết với cổ đông

- ✦ Tối đa hóa giá trị và lợi ích cổ đông.
- ✦ Phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và uy tín trên thương trường.

Cam kết với xã hội

- ✦ Sự tồn tại và phát triển của SCB luôn luôn hài hòa với lợi ích xã hội.
- ✦ Luôn quan tâm bảo vệ môi trường và đóng góp vì phát triển cộng đồng.

Cam kết với nhân viên

- ✦ Tạo cho nhân viên một môi trường làm việc năng động, tích cực và sáng tạo nhất.
- ✦ Công bằng, minh bạch trong chính sách đãi ngộ và phát triển nghề nghiệp.

Cam kết với chính mình

- ✦ Không ngừng nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng và trình độ chuyên môn, giữ vững và phát huy phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ nhân viên.
- ✦ Liên tục cải tiến, đổi mới công nghệ hướng tới ngân hàng hiện đại và chuyên nghiệp.



“Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (hợp nhất) được thành lập theo Quyết định số 2716/QĐ-NHNN ngày 26/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên cơ sở tự nguyện hợp nhất của ba Ngân hàng trước đây: Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa, Ngân hàng TMCP Đệ Nhất.”

10.584 TỶ ĐỒNG
Vốn điều lệ sau khi hợp nhất

SCB

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT 80.914 TỶ ĐỒNG,
VỐN ĐIỀU LỆ ĐẠT 4.185 TỶ ĐỒNG

FCB

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT 16.651 TỶ ĐỒNG,
VỐN ĐIỀU LỆ ĐẠT 3.000 TỶ ĐỒNG

TNB

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT 49.683 TỶ ĐỒNG,
VỐN ĐIỀU LỆ ĐẠT 3.399 TỶ ĐỒNG

SCB (hợp nhất)

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT 144.814 TỶ ĐỒNG,
VỐN ĐIỀU LỆ ĐẠT 10.584 TỶ ĐỒNG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)

Thành lập năm 1992. Tính đến 31/12/2011, tổng tài sản đạt 80.914 tỷ đồng, vốn điều lệ đạt 4.185 tỷ đồng, mạng lưới hoạt động gồm 117 Điểm Giao dịch.

Ngân hàng TMCP Đệ Nhất (FCB)

Thành lập năm 1993. Tính đến 31/12/2011, tổng tài sản đạt hơn 16.651 tỷ đồng, vốn điều lệ đạt 3.000 tỷ đồng, mạng lưới hoạt động gồm 28 Điểm Giao dịch.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (TNB)

Thành lập năm 1992. Tính đến 31/12/2011, tổng tài sản đạt 49.683 tỷ đồng, vốn điều lệ đạt 3.399 tỷ đồng, mạng lưới hoạt động gồm 85 Điểm Giao dịch.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn hợp nhất (SCB)

Được cấp giấy phép và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2012 theo Giấy phép số 283/GP-NHNN ngày 26/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đây là bước ngoặt trong lịch sử phát triển của cả 03 Ngân hàng, đánh dấu sự thay đổi về quy mô, sự phát triển vượt bậc về công nghệ, nhân lực, mạng lưới, ... để SCB nhanh chóng trở thành một trong những Ngân hàng hàng đầu Việt Nam và mang tầm vóc quốc tế, đủ sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường trong và ngoài nước. Từ đó, cung cấp giải pháp tài chính linh hoạt, chất lượng cao nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của đối tượng khách hàng mục tiêu cũng như nâng cao giá trị và quyền lợi cho cổ đông.

Sau hợp nhất, quy mô hoạt động của Ngân hàng TMCP Sài Gòn xếp vào nhóm 04 Ngân hàng có quy mô hoạt động lớn trong 14 ngân hàng TMCP có trụ sở chính tại Tp. HCM. Vào thời điểm 01/01/2012, một vài số liệu hoạt động nổi bật của Ngân hàng TMCP Sài Gòn như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

	SCB	FCB	TNB	SCB hợp nhất
Ngày thành lập	06/06/1992	27/04/1993	22/08/1992	01/01/2012
Tổng tài sản	80.914	16.651	49.683	144.814
Vốn điều lệ	4.185	3.000	3.399	10.584
Huy động TT1	39.215	8.414	31.693	78.609
Cho vay	43.747	3.774	18.549	66.070
Mạng lưới	117	28	85	230
Lợi nhuận sau thuế	58	106	130	294
Nhân sự	2.353	624	1.173	4.150



Kết nối **TRI THỨC**
dẫn lối **THÀNH CÔNG**

Tri thức là nguồn sức mạnh vô hạn, được thừa kế nguồn nhân lực chất lượng và đầy kinh nghiệm từ ba Ngân hàng, Chúng tôi tiếp tục nỗ lực phấn đấu cho những kiến thức mới, những trải nghiệm mới để được phụng sự cộng đồng một cách toàn tâm toàn ý.

4.150_{người}

Tổng số nhân viên sau hợp nhất

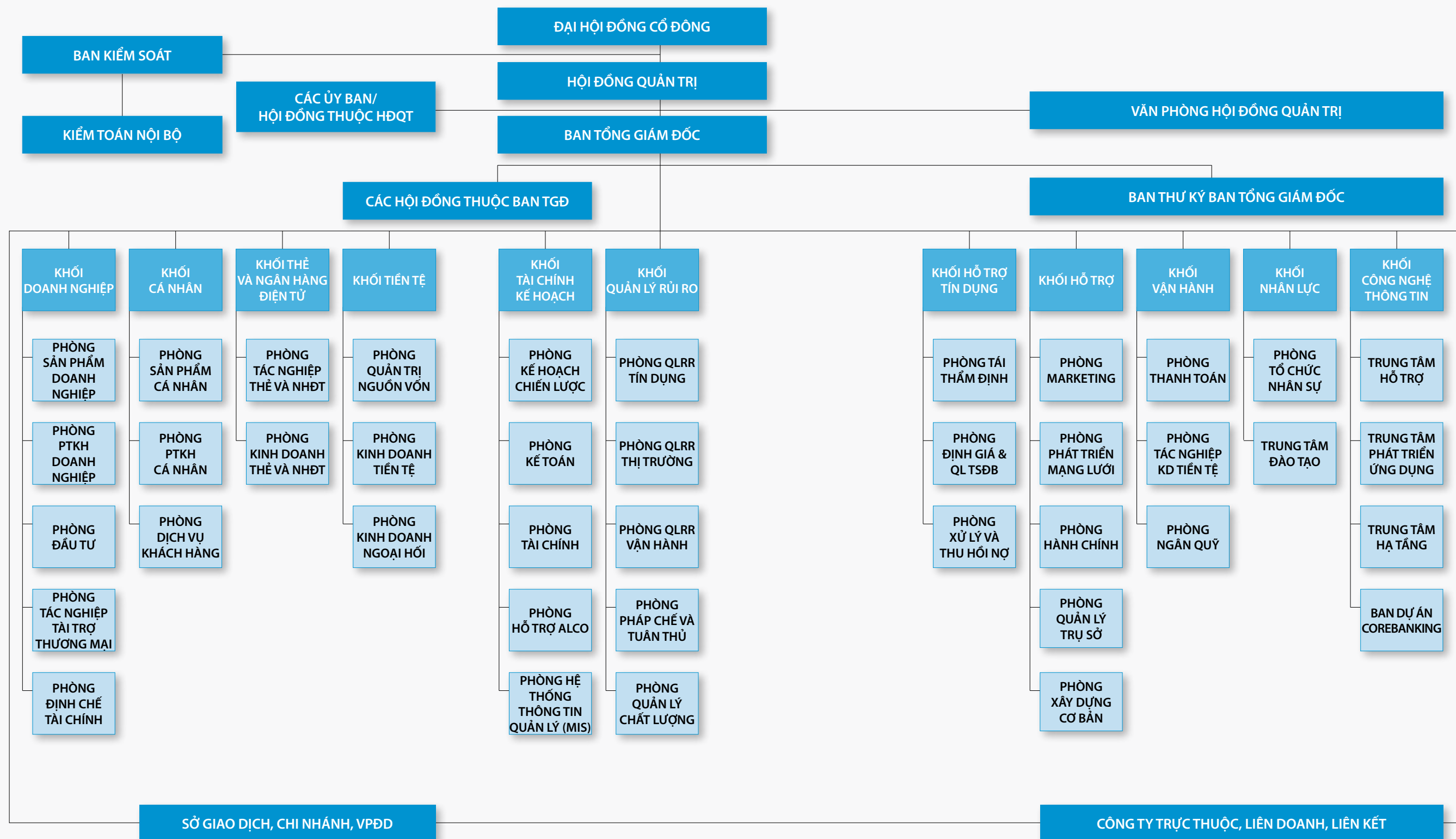
Con người là chìa khóa thành công và tri thức là nguồn sức mạnh vô hạn giúp SCB vươn đến những tầm cao mới. Với một đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm và lực lượng cán bộ nhân viên trẻ, năng động kế thừa từ ba Ngân hàng, SCB tập trung nâng cao, tận dụng tối đa khả năng sáng tạo của họ thông qua các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động quản trị điều hành, thực hiện tái cơ cấu mô hình tổ chức theo hướng hợp lý và tăng cường hoạt động huấn luyện, đào tạo; nhằm tạo ra bộ máy tổ chức hoạt động hiệu quả và linh hoạt, một nguồn nhân lực chất lượng, luôn đồng hành và lớn mạnh cùng Ngân hàng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Sơ đồ tổ chức	20
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	22
Giới thiệu Ban Kiểm soát	26
Giới thiệu Ban Điều hành	27
Quản trị nhân sự	32
Đào tạo nguồn nhân lực	34



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





Bà **NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG**
Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế năm 1997 với chuyên ngành Kinh doanh Tiền tệ - Tín dụng ngân hàng. Năm 2008 tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý hành chính công - Học viện Hành chính Quốc gia Việt Nam. Ngoài ra, Bà còn tham gia nhiều khóa học chuyên tu khác. Trước khi đảm nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Bà Nguyễn Thị Thu Sương nguyên là Chủ tịch Ngân hàng TMCP Đệ Nhất và Bà cũng từng giữ nhiều vị trí khác nhau tại các công ty, cơ quan hành chính nhà nước.



Ông **LAM LEE G.**
Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT

Ông Lam đã tốt nghiệp tại nhiều trường đại học danh tiếng: Tiến sĩ Kinh tế Phát triển - ĐH Hong Kong, Thạc sĩ QTKD - ĐH Ottawa, Cử nhân Luật - ĐH Manchester Metropolitan, Thạc sĩ Luật Doanh nghiệp - ĐH Wolverhampton. Với kinh nghiệm làm việc tại các công ty tầm cỡ như: Quản lý cấp cao Công ty Bell Canada, Cố vấn cấp cao công ty Ernst & Young, Tổng Giám đốc Công ty Viễn thông Hong Kong, Giám đốc Điều hành Tập đoàn New World Telephone Group; Chủ tịch, Giám đốc Điều hành và Phó Chủ tịch HĐQT - Chia Tai Enterprises International Limited. Hiện nay, Ông đang giữ chức Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **UÔNG VĂN NGỌC ẨN**
Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Ngân hàng của Trường Cao cấp Ngân hàng Tp. HCM, Ông Ẩn tiếp tục lấy bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Hệ thống Thông tin. Ông công tác và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng như: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Nam, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Từ tháng 06/2012, Ông được bổ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **VÕ THÀNH HÙNG**
Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học Toán - Lý tại Đại học Quốc gia Belorussia (Nga), Chứng chỉ Chương trình Thương mại và Tài chính cho Cán bộ quản lý - Học viện Thương mại Quốc tế Singapore, Chứng chỉ Chương trình mini MBA cho cán bộ quản lý - Viện Đại học CNAM (Paris - Pháp). Từ năm 1989-2011, Ông Hùng lần lượt nắm giữ vị trí Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần An Phú. Từ tháng 06/2012, Ông đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **TRẦN THÍCH TÔN**
Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - ĐH Tài chính Kế toán Tp. HCM. Hiện nay, Ông Tôn là Phó Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Ông từng nắm giữ nhiều chức danh tại các đơn vị như: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Trường Sơn, Giám đốc chi nhánh Công ty CP Đầu tư An Đông và nhiều công ty khác.



Ông LÊ KHÁNH HIỀN
Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngữ văn Anh, sau đó Ông Hiền tiếp tục lấy bằng Thạc sĩ Kinh tế của Học viện Ngân hàng. Từ năm 1996-2005, Ông công tác tại Ngân hàng Nhà nước CN Tp. HCM với nhiều vị trí khác nhau. Ông cũng từng công tác tại nhiều ngân hàng trên địa bàn Tp. HCM như: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á, Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định. Từ năm 2010, Ông chuyển về công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và giữ nhiều chức vụ khác nhau như: Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Hội đồng Tín dụng - Đầu tư, Trưởng Ban Kiểm soát... Từ ngày 17/06/2012 đến nay, Ông giữ chức Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông ĐÌNH VĂN THÀNH
Thành viên HĐQT

Tốt nghiệp Cử nhân Đại học ngành Tài chính - Tín dụng trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM, Chứng chỉ hành nghề định giá Bất động sản. Ông Đình Văn Thành từng đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau tại các Công ty, Đơn vị như Kế toán trưởng Trung tâm Hóa Nông - Viện Khoa học Việt Nam nay là Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Phó Giám đốc Tài chính Kinh doanh Cty TNHH SX - TM - DV Đông Anh; Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Trung tâm CINCO - Công ty Đầu tư và Xây dựng Thanh niên Xung Phong; Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Tín dụng - Đầu tư Ngân hàng TMCP Đệ Nhất... Từ ngày 01/01/2012, Ông là Thành viên HĐQT, Chủ tịch Hội đồng Tín dụng - Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông TRẦN THUẬN HÒA
Thành viên HĐQT

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp - Đại học Tài chính Kế toán và Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Ngoại thương - Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, Ông Hòa hiện là Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại các đơn vị như: Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Minh Hòa Phú, Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Kenanga VN.



Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN
Thành viên HĐQT độc lập

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Học viện AIT (Thái Lan), Bà từng là giảng viên tại Đại học Kinh tế TP HCM, đồng thời tham gia vào một số dự án của các tổ chức phi chính phủ (NGOs) trong lĩnh vực: Tài chính vi mô, phát triển cộng đồng, các chương trình bình đẳng giới. Bà Nguyễn Thị Phương Loan hiện đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT độc lập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Bà PHẠM THU PHONG
Trưởng Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế năm 1995, Bà Thu Phong về công tác tại Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Bình Tân Tp. HCM với nhiều chức vụ khác nhau. Từ năm 2007, Bà chuyển về công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn với nhiều chức danh như: Phó Phòng Kiểm soát nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát. Từ tháng 06/2012 đến nay, Bà giữ vị trí Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Bà VÕ THỊ MƯỜI
Thành viên chuyên trách
Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh và Chứng nhận Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bà Võ Thị Mười công tác tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa với nhiều chức danh khác nhau như: Kế toán trưởng, Trưởng phòng kiểm toán nội bộ, Thành viên HĐQT. Từ tháng 01/2012, Bà đảm nhiệm vị trí Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông TRẦN CHẤN NAM
Thành viên chuyên trách
Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán Đại học Kinh tế Tp. HCM và Cử nhân chuyên ngành Ngữ văn - Đại học KHXHNV Tp. HCM, Ông Nam có kinh nghiệm khi làm việc tại nhiều đơn vị như: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Quỹ trợ vốn CEP, Chuyên viên phân tích tín dụng Ngân hàng TMCP Á Châu, Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Đệ Nhất. Từ tháng 01/2012, Ông nắm giữ vị trí Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông LÊ KHÁNH HIỂN
Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngữ văn Anh, sau đó Ông Hiển tiếp tục lấy bằng Thạc sĩ Kinh tế của Học viện Ngân hàng. Từ năm 1996-2005, Ông công tác tại Ngân hàng Nhà nước CN Tp. HCM với nhiều vị trí khác nhau. Ông cũng từng công tác tại nhiều ngân hàng trên địa bàn Tp. HCM như: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á, Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định. Từ năm 2010, Ông chuyển về công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và giữ nhiều chức vụ khác nhau như: Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Hội đồng Tín dụng - Đầu tư, Trưởng Ban Kiểm soát... Từ ngày 17/06/2012 đến nay, Ông giữ chức Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông DIỆP BẢO CHÂU
Phó Tổng Giám đốc -
Khối Doanh nghiệp

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế ngành Ngân hàng và Cử nhân Ngữ văn Anh, sau đó Ông Châu tiếp tục lấy bằng Thạc sĩ Kinh tế của Trường ĐH Ngân hàng Tp. HCM. Với bề dày kinh nghiệm công tác tại các ngân hàng như: Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam, Ngân hàng Liên doanh Việt Thái. Năm 2007, Ông về công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông NGUYỄN VĂN THANH HẢI
Phó Tổng Giám đốc - Khối Cá nhân

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Ngân hàng Trường ĐH Ngân hàng Tp. HCM, Ông Hải có nhiều kinh nghiệm khi công tác tại nhiều ngân hàng khác nhau như: Ngân hàng TMCP Đại Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Nam Đô. Từ tháng 08/2003, Ông Hải về công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và đảm nhiệm nhiều chức danh khác nhau. Từ ngày 01/01/2012, Ông giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Ngân Hàng TMCP Sài Gòn.



Ông LA HỮU NGHĨA
Phó Tổng Giám đốc - Khối Tiền tệ

Sau khi tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường ĐH Kinh tế, Ông Nghĩa về công tác tại Ngân hàng Eximbank trong nhiều năm liền. Ông từng giữ những chức vụ quan trọng tại các ngân hàng như: Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Nam; Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đệ Nhất. Từ 01/01/2012, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân Hàng TMCP Sài Gòn.



Ông PHẠM VĂN PHI
Phó Tổng Giám đốc - Khối Hỗ trợ tín dụng

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế ngành Kinh doanh Tiền tệ - Tín dụng, Ông Phi lấy tiếp bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường ĐH Kinh tế Tp. HCM. Sau 6 năm làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Tp. HCM, Ông chuyển về công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn với nhiều chức danh khác nhau. Hiện tại, Ông đang giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Bà NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN
Phó Tổng Giám đốc - Khối Hỗ trợ

Tốt nghiệp cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế Tp. HCM. Tốt nghiệp Kỹ sư Lâm nghiệp chuyên ngành Lâm sinh của trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM. Hiện đang theo học khóa Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Điều hành Quốc tế Trường PGSM (Paris Graduate School Management). Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại Ngân hàng TMCP Đệ Nhất và Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Từ 08/2012 đến nay, Bà giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Ngân Hàng TMCP Sài Gòn.



Ông NGUYỄN NGỌC THỊNH
Phó Tổng Giám đốc - Khối Nhân lực

Lấy bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Trường ĐH Quốc tế ADAM, Ông Thịnh từng giữ các vị trí tại các ngân hàng như: Phó Giám đốc Ngân hàng NN&PTNN tỉnh Đắk Lắk, Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Nam, Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đệ Nhất. Sau khi hợp nhất 3 Ngân hàng, hiện nay, Ông đang giữ chức Phó Tổng Giám đốc Ngân Hàng TMCP Sài Gòn.



Ông LÊ MINH HUẤN
Phó Tổng Giám đốc - Khối CNTT

Tốt nghiệp Kỹ sư Máy tính Trường ĐH Bách khoa Tp. HCM, Ông Huấn đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn như: Giám đốc Ban triển khai các Dự án CNTT HDBank, Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng CNTT Ngân hàng TMCP Đệ Nhất. Từ 01/01/2012, Ông giữ chức Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông LẠI QUỐC TUẤN
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Phụ trách Khu vực Hà Nội

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đại học Tổng hợp Hà Nội và Cử nhân Luật, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Ông Tuấn có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính khi công tác tại các tổ chức: Công ty Tài chính Bưu điện, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Nam Á. Ông từng đảm nhiệm những chức vụ quan trọng: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á, Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Hà Nội... Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông NGUYỄN TUẤN CƯỜNG
Kế toán trưởng

Tốt nghiệp Cử nhân ngành Ngân hàng Trường Cao cấp Ngân hàng Tp. HCM, Ông Cường có nhiều kinh nghiệm khi công tác tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Từ tháng 09/2006, Ông chuyển về công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và giữ nhiều vị trí khác nhau như: Trưởng Trung tâm Thanh toán, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính Tổng hợp. Từ ngày 01/01/2012 đến nay, Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông NGUYỄN NGỌC SƠN
Giám đốc Khối Thẻ và NHĐT

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh doanh Tiền tệ Tín dụng Trường ĐH Kinh tế Tp. HCM, Ông Sơn lấy tiếp bằng Thạc sĩ Kinh tế Phát triển Việt Nam - Hà Lan Trường ĐH Kinh tế Tp. HCM. Từ tháng 01/1998 đến tháng 07/2004, Ông công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam. Từ tháng 08/2004 đến tháng 12/2011, Ông Sơn về công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Từ ngày 01/01/2012 đến nay, Ông là Giám đốc Khối Thẻ và Ngân hàng Điện tử, Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông LƯU QUỐC THẮNG
Giám đốc Khối Quản lý rủi ro

Sau khi tốt nghiệp cử nhân tại nhiều trường đại học ở Việt Nam như: Đại học Thương mại Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ, Ông Thắng tiếp tục lấy bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Trường Columbia Southern University. Ông có kinh nghiệm khi làm việc tại nhiều đơn vị khác nhau. Từ tháng 3/1998 đến tháng 12/2011, Ông Thắng công tác tại Ngân hàng TMCP Đệ Nhất với nhiều chức danh quan trọng. Từ ngày 01/01/2012 đến nay, Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Bà NGUYỄN NGỌC QUYÊN
Giám đốc Khối Vận hành

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Tín dụng Trường Đại học Cần Thơ và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Trường ĐH Help (Malaysia), Bà Quyên từng công tác tại nhiều ngân hàng như: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL, Ngân hàng TMCP Quốc Tế, Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông, Ngân hàng TMCP Đệ Nhất. Từ ngày 01/01/2012 đến nay, Bà giữ chức Giám đốc Khối Vận hành Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông NGUYỄN VĂN HOÀNG
Giám đốc Khối Nhân lực

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế ngành Ngân hàng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM, Ông Hoàng về công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn từ tháng 08/2003 với nhiều chức danh như: Trưởng Phòng Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh Tân Bình, Phó Tổng Giám đốc. Từ ngày 01/01/2012 đến nay, Ông giữ chức Giám đốc Khối Nhân lực Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



3.959^{CBNV}
Số lượng nhân sự

QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Đối mặt với rất nhiều khó khăn và thử thách trong năm đầu tiên hợp nhất, SCB không những hoạt động ổn định mà còn đạt mức tăng trưởng khá. Đóng góp vào thành công này là sự cố gắng, nỗ lực của đội ngũ cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống. Bên cạnh đó, SCB với chính sách trả lương theo hiệu quả công việc, mang tính cạnh tranh cao và nhiều phong trào thi đua khen thưởng sẽ là môi trường lý tưởng cho những ứng viên muốn gia nhập ngôi nhà chung SCB.

Số lượng nhân sự	3.959 CBNV
Trong đó:	
Trình độ Trên Đại học	71 CBNV, chiếm 1,8%
Trình độ Đại học	2.266 CBNV, chiếm 57,2%
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	545 CBNV, chiếm 13,8%
Trình độ khác	1.077 CBNV, chiếm 27,2%
Độ tuổi bình quân	32 tuổi

Trong năm 2012, SCB đã đạt được nhiều thành công đáng kể trong công tác quy hoạch lại cơ cấu nhân sự, xây dựng mô hình tổ chức mới theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với quy mô và tầm cỡ của một định chế tài chính hiện đại.

- ✦ Bố trí, ổn định công việc cho tất cả lao động trong toàn hệ thống SCB ngay sau hợp nhất, tạo môi trường để cán bộ nhân viên yên tâm công tác và cống hiến cho Ngân hàng.
- ✦ Xây dựng cơ cấu tổ chức theo tiêu chuẩn của một Ngân hàng hiện đại, bao gồm 11 khối, tách bạch các chức năng kinh doanh, giám sát và hỗ trợ.
- ✦ Cơ cấu và sắp xếp lại bộ máy nhân sự từ Hội sở chính đến Chi nhánh/Phòng Giao dịch phù hợp với quy mô đơn vị.
- ✦ Hoàn thiện các quy chế, quy trình liên quan đến hoạt động tổ chức nhân sự, đảm bảo hệ thống tổ chức nhân sự hoạt động hiệu quả và đúng quy định.
- ✦ Rà soát, xem xét lại mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng Phòng/Ban/Trung tâm Hội sở, hoàn tất việc xây dựng bản mô tả công việc theo từng chức danh làm cơ sở để xây dựng định biên nhân sự một cách phù hợp nhất nhằm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- ✦ Bước đầu triển khai xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành công việc theo cá nhân (KPI - Key Performance Indicators) nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của toàn thể nhân viên Ngân hàng, đồng thời nâng cao năng suất lao động.

Với chủ trương luôn đem đến cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc năng động, tích cực với một chính sách đãi ngộ công bằng và minh bạch, một số nội dung liên quan đến chính sách nhân sự mà SCB đã thực hiện trong năm 2012 như sau:

- ✦ Xây dựng các chính sách chi trả tiền lương, phụ cấp trên cơ sở đảm bảo cuộc sống để người lao động an tâm cống hiến cho SCB.
- ✦ Chi trả tiền lương theo năng suất lao động, theo chất lượng hiệu quả công việc.

- ✦ Phát động nhiều phong trào thi đua khen thưởng trong công tác huy động vốn.
- ✦ Quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thể hiện qua các chính sách như: Khen thưởng động viên CBNV nhân các ngày lễ lớn, tổ chức khám sức khỏe, chúc mừng và tặng quà cho CBNV vào các ngày sinh nhật, kết hôn, đồng thời thăm hỏi khi người lao động ốm đau, tang chế,...

“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt chú trọng đào tạo phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp và xem đây là lợi thế cạnh tranh của SCB là mục tiêu chính của hoạt động đào tạo tại SCB trong năm 2012.”

202

Lớp đào tạo nội bộ cho 12.564 lượt cán bộ nhân viên

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

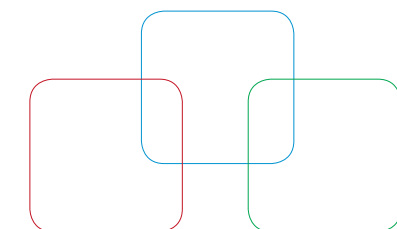
Đào tạo nghiệp vụ, quy trình, quy chế cho cán bộ nhân viên toàn Ngân hàng nhằm chuẩn hóa các hoạt động của ngân hàng và giảm thiểu rủi ro vận hành trong quá trình tác nghiệp; tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng nội bộ và bên ngoài; trong đó, tập trung đào tạo đội ngũ quản lý cấp cao, quản lý cấp trung và đội ngũ nhân viên bán hàng.

Theo đó, trong năm 2012, SCB đã tổ chức 202 lớp đào tạo nội bộ cho 12.564 lượt cán bộ nhân viên (tăng 28% so với kế hoạch năm đề ra), tạo điều kiện cho 143 cán bộ nhân viên tham gia 23 chương trình đào tạo/hội thảo bên ngoài Ngân hàng.

Để đảm bảo cho công tác triển khai và vận hành Corebanking mới đạt hiệu quả cao, SCB đã thực hiện đào tạo cho 100% CBNV tác nghiệp trên hệ thống Corebanking Flexcube với 2.977 lượt người (vượt 16% so với kế hoạch) đã được đào tạo sử dụng thuần thục hệ thống Corebanking mới.

Xây dựng mới và tu chỉnh hơn 10 chương trình đào tạo các kỹ năng như: Giao tiếp, tư vấn bán hàng, quản lý thời gian,... nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả trong công tác bán hàng nói riêng và hiệu quả làm việc của cán bộ nhân viên nói chung.

Công nhận 22 giảng viên nội bộ bao gồm cả giảng viên chuyên trách và kiêm nhiệm công tác đào tạo nội bộ góp phần thực hiện chủ trương tiết kiệm chi phí chung của SCB.





Kết nối **NIỀM TIN**
nâng tầm VỊ THẾ

Thời gian qua, SCB đã nhận được sự tin tưởng từ Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và các Nhà đầu tư, chưa dừng lại ở đó, Chúng tôi không ngừng phát huy thế mạnh về năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng quản lý điều hành để nhanh chóng trở thành một trong những tập đoàn tài chính hàng đầu Việt Nam và mang tầm vóc quốc tế.



78.609^{tỷ đồng}

Tổng vốn huy động TT1 sau hợp nhất

Thực hiện quá trình hợp nhất trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, SCB đã phải đối mặt với không ít những trở ngại và thử thách. Tuy nhiên, với sự tin tưởng của Quý Khách hàng, tin cậy của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, các cơ quan quản lý Nhà nước, SCB không ngừng phát huy các thế mạnh về tài chính, quy mô hoạt động, nguồn nhân lực và năng lực quản trị điều hành để vượt qua trở ngại, thực hiện tái cơ cấu hoạt động ngân hàng về mọi mặt và đã đạt được những thành công trong quá trình hợp nhất.

Báo cáo **KẾT QUẢ** **KINH DOANH 2012**

Bối cảnh kinh tế toàn cầu và Việt Nam 40
Những thành tựu nổi bật năm 2012 42

BỐI CẢNH KINH TẾ TOÀN CẦU VÀ VIỆT NAM



Năm 2012 được coi là năm kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhịp độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiếp tục suy yếu. Kinh tế châu Âu chưa thoát khỏi khủng hoảng nợ công kéo dài suốt ba năm qua. Kinh tế Mỹ và Nhật Bản phát triển "lạch". Các nền kinh tế mới nổi tăng trưởng khá nhanh như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil cũng không đủ sức giúp kinh tế thế giới tránh khỏi đi xuống như kỳ vọng khi mà chính các nước này cũng chưa thể thoát khỏi tình trạng khó khăn kinh tế.

Báo cáo tình hình và triển vọng kinh tế thế giới năm 2013 của Liên hợp quốc công bố tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2012 là 2,2%, thấp hơn so với mức dự báo 2,5% hồi tháng 06/2012 và tiếp tục tăng trưởng với mức 2,4% trong năm 2013 và 3,2% trong năm 2014.

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2012 liên tục phải đối mặt với những diễn biến phức tạp, bộc lộ nhiều hạn chế nội tại xuất phát từ mô hình tăng trưởng theo chiều rộng mà đến nay đã đến lúc phải thay đổi. Bên cạnh đó, việc ưu tiên kiểm chế lạm phát, và tái cơ cấu nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô cũng góp phần vào việc kìm hãm đà tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2012.

➤ **Tăng trưởng kinh tế đạt thấp:** Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế gặp khó khăn, cả nước tập

trung thực hiện mục tiêu ưu tiên kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thì mức tăng GDP 5,03% trong năm 2012 được coi là hợp lý và thể hiện xu hướng cải thiện qua từng quý.

➤ **Lạm phát được kiểm chế nhưng diễn biến phức tạp:** Lạm phát cả năm 2012 là 6,81%, đã được kiểm chế trong mục tiêu đề ra là 8%. Kết quả này là rất tích cực so với mức tăng 11,75% của năm 2010 và 18,13% của năm 2011 nhưng vẫn còn chứa đựng nhiều diễn biến phức tạp.

➤ **Xuất siêu trong năm 2012:** Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt 114,6 tỷ USD, tăng 18% so với năm 2011, kim ngạch nhập khẩu đạt 114,3 tỷ USD, tăng 7,1% so với năm trước. Như vậy, lần đầu tiên Việt Nam xuất siêu 284 triệu USD kể từ năm 1993. Trong đó, hoạt động xuất nhập khẩu tập trung tăng trưởng đối với khu vực doanh nghiệp FDI.

➤ **Tăng trưởng tín dụng thấp:** Tính đến cuối năm 2012, tín dụng tăng khoảng 8,91% so với cuối năm 2011, trong đó tín dụng bằng VND tăng 11,51%, tín dụng bằng ngoại tệ giảm 1,56%. Tín dụng nông nghiệp, nông thôn tăng khoảng 8%, tín dụng xuất khẩu tăng khoảng 14%, tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng khoảng 6,15%. Dư nợ cho vay các lĩnh vực không khuyến khích

giảm và chiếm tỷ trọng khoảng 4,4% so tổng dư nợ cho vay nền kinh tế.

➤ **Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giảm mạnh** về mức định hướng đề ra nhưng với lộ trình giảm nhanh hơn dự kiến, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ, đặc biệt là diễn biến của lạm phát. Lãi suất huy động giảm từ 3-6%/năm, lãi suất cho vay giảm 5-9%/năm so với cuối năm 2011 và đã trở về mức lãi suất cuối năm 2007.

➤ **Khu vực doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn:** Năm 2012 có hơn 55.000 doanh nghiệp giải thể, phá sản. Tính chung cả hai năm 2011 và 2012, cả nước đã có khoảng 100.000 doanh nghiệp giải thể, phá sản hoặc ngừng hoạt động. Con số này bằng với 50% tổng số doanh nghiệp rút khỏi thị trường trong 20 năm qua.

➤ **Thị trường bất động sản đình trệ chưa có khả năng phục hồi:** Thị trường bất động sản nhà ở hoạt động trầm lắng, giá cả sụt giảm ở tất cả các phân khúc thị trường. Số lượng giao dịch bất động sản giảm mạnh, thậm chí nhiều dự án không có giao dịch.

➤ **Thị trường ngoại hối diễn biến tích cực, ổn định dưới sự giám sát chặt chẽ của NHNN:** Sau hàng

loạt những giải pháp nhằm kiểm soát biến động tỷ giá ngoại tệ trong biên độ 2-3%, tỷ giá giao dịch VND/USD trên thị trường tương đối ổn định. Đô la Mỹ tháng 12/2012 giảm 0,96% so với tháng 12/2011, tỷ giá niêm yết mua bán VND/USD của các ngân hàng thương mại đang phổ biến quanh mức 20.830 - 20.870 VND/USD, giá vàng tháng 12/2012 tăng 0,4% so với tháng 12/2011.

➤ **Môi trường Kinh tế - Chính trị:** Có những diễn biến mới và ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình kinh tế trong nước, đặc biệt là tình hình hoạt động của các TCTD và khu vực doanh nghiệp Nhà nước.

Trước diễn biến phức tạp và theo chiều hướng ngày càng khó khăn hơn của nền kinh tế nói chung và của thị trường tài chính - ngân hàng nói riêng, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp chỉ đạo, điều hành nhằm đảm bảo thanh khoản, ổn định thị trường tiền tệ, thị trường ngoại tệ, vàng, giảm nhanh mặt bằng lãi suất cho vay và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ một cách chặt chẽ và thận trọng, đảm bảo không tạo áp lực lên mục tiêu kiểm chế lạm phát và tình trạng đô la hóa hay vàng hóa nền kinh tế.

“Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn xuất phát từ tình hình kinh tế và một số vấn đề phải xử lý trong quá trình hợp nhất ngân hàng, hoạt động của SCB trong năm 2012 vẫn có nhiều mảng sáng đáng ghi nhận.”

4.392 TỶ ĐỒNG
Tăng trưởng tổng tài sản

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA SCB NĂM 2012



Tổng tài sản đạt 149.206 tỷ đồng, tăng 4.392 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 3% so với đầu năm.

- Hoàn thành kế hoạch huy động vốn của năm 2012 với tổng mức huy động TT1 cuối năm 2012 đạt 106.712 tỷ đồng, tăng 28.103 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 35,7% so với đầu năm. Đây là kết quả của sự cố gắng trong công tác bán hàng và nỗ lực triển khai các sản phẩm/chương trình huy động vốn hấp dẫn trong năm 2012.
- Hoàn thành kế hoạch trả tái cấp vốn đã đề ra trong năm 2012 với tổng doanh số chi trả đạt 10.855 tỷ đồng; bên cạnh đó, SCB cũng đã chi trả toàn bộ khoản vay hỗ trợ thanh khoản của BIDV trị giá 2.464 tỷ đồng và các khoản vay trên thị trường liên ngân hàng trị giá 15.648 tỷ đồng. Đây được xem là nỗ lực đáng biểu dương của SCB trong quá trình củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động sau quá trình hợp nhất.
- Cải thiện và tăng cường chất lượng danh mục cho vay và tài sản, tổng dư nợ cho vay cuối năm 2012 đạt 88.155 tỷ đồng và là nguồn thu chính trong cơ cấu thu nhập của SCB; nợ quá hạn giảm 8,4% so với đầu năm; thực hiện tái định giá tài sản đảm bảo bởi các công ty định giá

độc lập có uy tín nhằm nâng cao hiệu quả quản lý khoản vay.

- Hoàn tất triển khai hệ thống Corebanking Oracle Flexcube cho Hội sở và 230 Điểm Giao dịch trên toàn quốc, chính thức sử dụng chung một ngân hàng lõi cho toàn hệ thống SCB; hoàn tất chuyển đổi hệ thống thẻ nội địa Narada sang Cardworks của eProtea và triển khai hệ thống Internet Banking Oracle Flexcube và hoàn tất chuyển đổi dữ liệu của 120.000 khách hàng trên hệ thống Internet Banking của SCB cũ sang hệ thống Internet banking mới.
- Triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng cho chủ Thẻ và Internet banking SCB như: Dịch vụ thanh toán trực tuyến, billing, topup, thanh toán hóa đơn tiền điện, tiền nước, điện thoại, ADSL, thanh toán mua sắm trên mạng như vé máy bay, game, vé xem phim...
- Hoàn tất việc triển khai Dự án triển khai thẻ tín dụng quốc tế MasterCard, dự kiến việc phát hành thẻ MasterCard sẽ được thực hiện trong đầu năm 2013.

- Chính thức đưa vào hoạt động Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn trên cơ sở hợp nhất 03 Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản của 03 Ngân hàng trước hợp nhất.
- Áp dụng một số mô hình, tiêu chí quản lý rủi ro như: Phương pháp đo lường theo chuẩn mực Basel II, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, phương pháp tính toán chênh lệch lãi suất bình quân đầu ra - đầu vào, mô hình tái định giá, mô hình Duration (mô hình thời lượng) trong việc đo lường rủi ro lãi suất, giới hạn rủi ro thanh khoản, lãi suất, tỷ giá và các tỷ lệ an toàn hoạt động.
- Triển khai mô hình kiểm soát rủi ro 3 vòng bảo vệ theo tư vấn của Công ty Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam, bao gồm: Vòng 1 - Kiểm soát nội bộ, Vòng 2 - Quản lý rủi ro và Vòng 3 - Kiểm toán nội bộ.
- Ổn định bộ máy tổ chức và tiến hành xây dựng cơ cấu tổ chức theo tiêu chuẩn của một Ngân hàng quốc tế hiện đại, bao gồm 11 khối, tách bạch các chức năng kinh doanh, giám sát và hỗ trợ; thực hiện cơ cấu và sắp xếp lại bộ máy nhân sự trong toàn hệ thống trên cơ sở phù hợp với quy mô đơn vị, đảm bảo hiệu quả hoạt động.

- Bố trí, ổn định công việc cho toàn bộ lao động trong toàn hệ thống SCB sau hợp nhất và tạo môi trường thuận lợi để cán bộ nhân viên công tác và cống hiến cho ngân hàng; bước đầu triển khai xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành công việc theo cá nhân (KPI) nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của toàn thể nhân viên Ngân hàng, đồng thời nâng cao năng suất lao động.
- Kiện toàn bộ máy quản trị điều hành với đội ngũ nhân sự cấp cao giàu kinh nghiệm và tâm huyết với sự phát triển của SCB; đồng thời, bổ khuyết các vị trí lãnh đạo cấp trung (Giám đốc, Phó Giám đốc Phòng/Ban Hội sở, Chi nhánh/Sở Giao dịch) bằng những nhân sự có chuyên môn và nhiệt huyết để củng cố năng lực quản trị doanh nghiệp.
- Thành lập các Hội đồng, Ban, Ủy ban tham mưu cho hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành như: Ủy ban Chiến lược và Phát triển, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Đầu tư Tài chính, Hội đồng Kỷ luật, Hội đồng Thi đua Khen thưởng, Ban xử lý nợ, Ban chỉ đạo phòng chống rửa tiền, Ban triển khai giao dịch một cửa, Ban Bancassurance.

“Tiếp tục lấy khách hàng cá nhân là phân khúc khách hàng chủ lực, hoạt động huy động vốn trong năm 2012 của SCB đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh phục vụ khách hàng thông qua việc triển khai thành công các sản phẩm, chính sách tiền gửi hấp dẫn, giúp gia tăng giá trị cho khách hàng; đồng thời hỗ trợ tích cực cho thanh khoản của ngân hàng, đóng góp đáng kể vào quá trình tái cơ cấu toàn diện hoạt động của SCB sau một năm hợp nhất.”

HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN

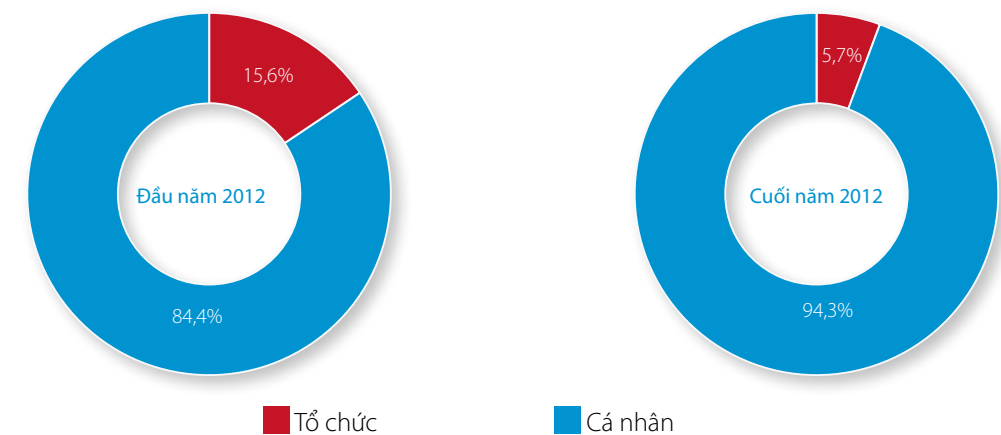
Trong năm 2012, SCB đã liên tục triển khai nhiều sản phẩm, chính sách huy động tiền gửi hấp dẫn với cơ chế lãi suất phù hợp, mang tính cạnh tranh cao, tự hào là một trong những Ngân hàng uy tín, ghi dấu ấn đối với Khách hàng bởi những sản phẩm, chính sách huy động tiền gửi linh hoạt và toàn diện. Có thể kể đến một số sản phẩm tiền gửi dành cho Khách hàng cá nhân như: “Hợp nhất triệu lộc xuân”, “Tận hưởng mùa hè cùng SCB”, “Vận may tỷ phú”, “Giáng sinh lung linh - Rinh quà đẳng cấp”,...; các sản phẩm huy động dành cho Khách hàng doanh nghiệp như: “Thanh toán đa lợi”, “Đầu tư linh hoạt”, “SCB 100+” cùng các chính sách Khách hàng VIP, chính sách ưu đãi dành cho Khách hàng trung niên, cao tuổi. Thông qua đó, SCB đã thu hút được sự quan tâm và ủng hộ của Khách hàng trên cả nước; tạo dựng được một lực lượng Khách hàng trung thành, đồng thời giúp SCB tiếp cận và thu hút thêm Khách hàng mới.

Tính chung cho cả năm 2012, tổng nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư (huy động TT1) của SCB đạt 106.712 tỷ đồng, tăng 28.103 tỷ đồng, tỷ lệ tăng tương đương 35,7% so với đầu năm, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 2.300 tỷ đồng/tháng. Khả năng tăng trưởng mạnh và ổn định của nguồn vốn huy động đã góp phần củng cố và gia tăng thanh khoản của Ngân hàng, giúp SCB đảm bảo cao nhất khả năng chi trả; đồng thời trên cơ sở nguồn vốn huy động tăng thêm này, SCB đã thực hiện hoàn trả tổng cộng 10.855 tỷ đồng đối với các khoản vay tái cấp vốn từ Ngân hàng Nhà nước và trên 15.648 tỷ đồng đối với các khoản huy động từ tổ chức tín dụng khác.

Cơ cấu nguồn vốn huy động TT1 của SCB cũng đã có nhiều chuyển biến khả quan, hỗ trợ tích cực cho quá trình tái cơ cấu toàn diện hoạt động của Ngân hàng, cụ thể:

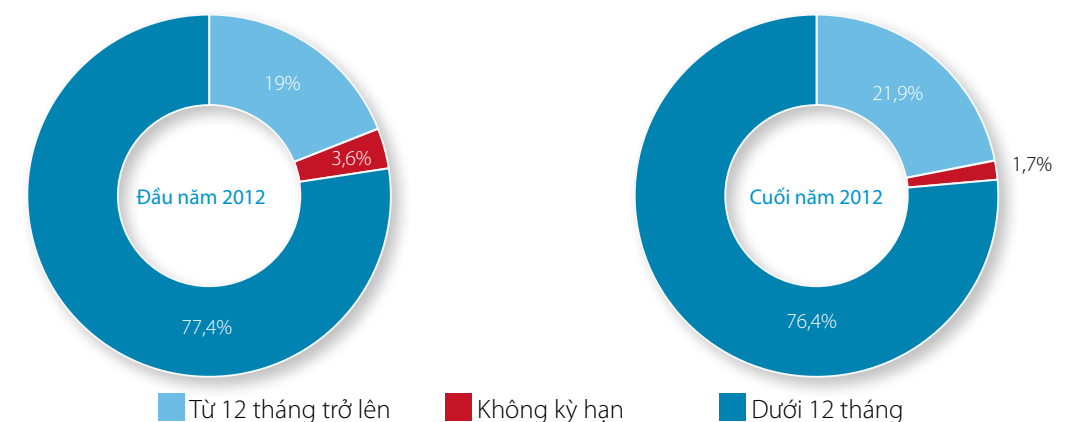
✦ Cơ cấu huy động theo đối tượng khách hàng thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng huy động từ khách hàng cá nhân; theo đó huy động từ cá nhân tăng 50,9% và hiện đang chiếm 94,3% huy động TT1.

Biểu đồ: Cơ cấu huy động TT1 theo đối tượng khách hàng năm 2012



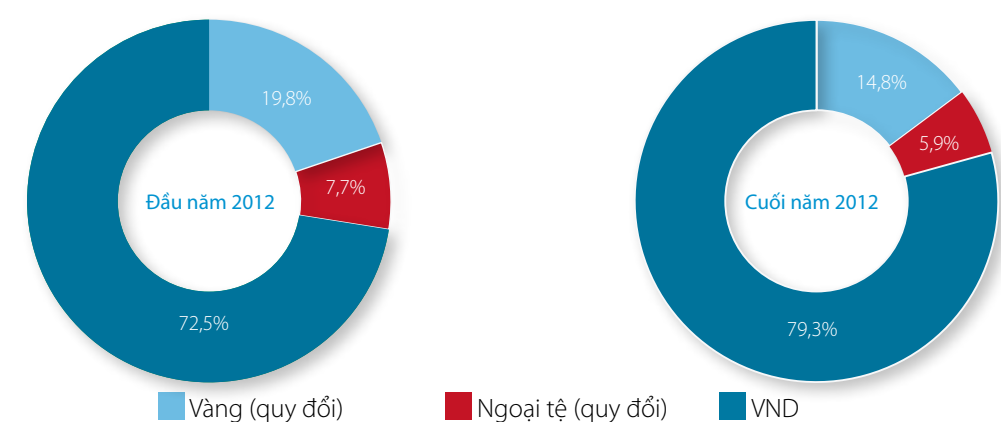
✦ Cơ cấu huy động theo kỳ hạn có xu hướng cải thiện đối với tiền gửi kỳ hạn dài (trên 12 tháng); theo đó nguồn vốn huy động trên 12 tháng tăng 55,6% so với đầu năm và hiện đang chiếm 21,9% huy động TT1.

Biểu đồ: Cơ cấu huy động TT1 theo kỳ hạn năm 2012



✦ Cơ cấu huy động theo loại tiền được cải thiện theo hướng an toàn hơn với sự tăng trưởng mạnh của huy động VND; theo đó nguồn vốn huy động VND tăng 49,0% so với đầu năm và hiện đang chiếm 79,3% huy động TT1.

Biểu đồ: Cơ cấu huy động TT1 theo loại tiền năm 2012





88.155 TỶ ĐỒNG
Tổng mức dư nợ cho vay

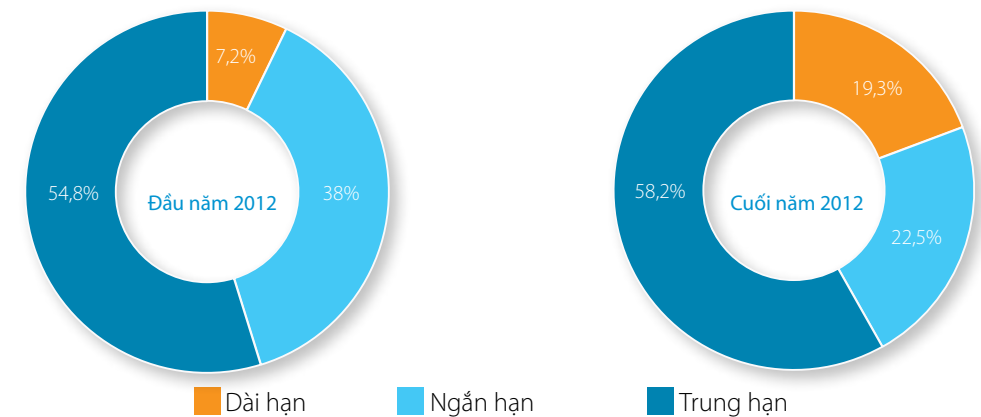
HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

“Trong năm 2012, SCB chủ trương tăng trưởng tín dụng hạn chế, trong đó chủ yếu tập trung cơ cấu, thu hồi các khoản nợ kém chất lượng, kết hợp tăng trưởng tín dụng đối với khách hàng thuộc các lĩnh vực ưu tiên.”

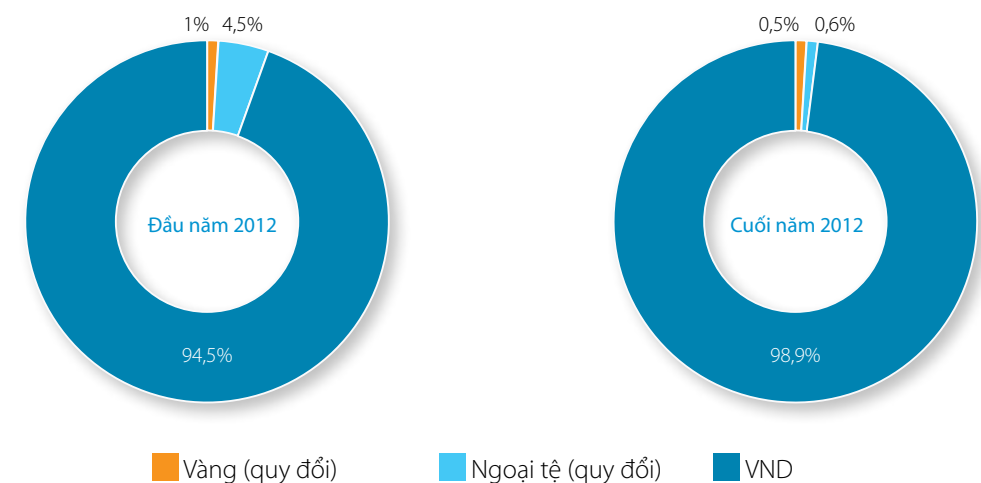
Tính đến 31/12/2012, tổng mức dư nợ cho vay của SCB đạt mức 88.155 tỷ đồng, tăng 22.085 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 33,4% so với đầu năm. Trong đó, nợ quá hạn của SCB đã giảm 8,4% so với thời điểm đầu năm, chủ yếu do hoạt động tín dụng trong năm 2012 tập trung vào các hoạt động cơ cấu, thu hồi nợ nhằm cải thiện chất lượng danh mục cho vay.

Bên cạnh đó, với chủ trương đồng hành, chia sẻ khó khăn đối với khách hàng, đặc biệt là khách hàng doanh nghiệp, SCB chủ trương tăng trưởng tín dụng có chọn lọc, trong đó tập trung doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực ưu tiên, với các sản phẩm cho vay tiêu biểu như: “Cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn”, “Cho vay thu mua lúa gạo”, “Cho vay nuôi, chế biến thủy hải sản”. Ngoài ra, SCB vẫn tiếp tục áp dụng các chính sách ưu đãi cho khách hàng như Chính sách ưu đãi lãi suất đối với khách hàng chuyển doanh thu về SCB; đặc biệt, trong năm 2012, thực hiện chủ trương của Ngân hàng Nhà nước, SCB đã liên tục giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Biểu đồ: Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn trong năm 2012



Biểu đồ: Cơ cấu dư nợ theo loại tiền trong năm 2012



200 TRIỆU USD
Doanh số thanh toán quốc tế

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

Hoạt động kinh doanh ngoại hối tại SCB trong năm 2012 luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngoại hối của khách hàng và cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất với một số hoạt động nổi bật trong năm 2012 như sau:

- Luôn đảm bảo đủ số lượng vàng và ngoại tệ đáp ứng nhu cầu của khách hàng với tỷ giá thích hợp và cạnh tranh theo từng thời điểm. Tính đến ngày 31/12/2012 tổng doanh số mua bán USD và ngoại tệ khác của SCB đạt hơn 1.426,8 triệu USD.
- Phát triển nhiều sản phẩm phái sinh như giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi v.v... nhằm giúp khách hàng chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Doanh số trong năm 2012 của các sản phẩm này cũng đạt hơn 188 triệu USD.
- Củng cố và phát triển các hoạt động kinh doanh vàng - ngoại tệ, bảo đảm việc tác nghiệp tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cũng như quy trình, quy định của SCB.
- Chính thức trở thành một trong các điểm được phép kinh doanh vàng miếng trên cơ sở được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG QUỐC TẾ

Sau hợp nhất, SCB triển khai đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thanh toán quốc tế; áp dụng mô hình Trung tâm xử lý chứng từ để đưa hoạt động thanh toán quốc tế tại SCB theo hướng tập trung chuyên môn hóa trong việc xử lý chứng từ; chuẩn hóa các quy trình, quy chế hoạt động theo hệ thống chỉ tiêu đo lường chất lượng ISO nhằm đảm bảo quá trình tác nghiệp được thống nhất trong toàn hệ thống. Một số hoạt động ngân hàng quốc tế nổi bật trong năm 2012 như sau:

- Tổng doanh số hoạt động thanh toán quốc tế trong năm 2012 đạt gần 200 triệu USD. Trong đó, doanh số thanh toán xuất khẩu tăng 61% so với cùng kỳ năm trước góp phần quan trọng trong việc tăng nguồn cung ngoại tệ cho SCB.
- Triển khai dịch vụ chuyển tiền thanh toán lên đến 140 loại ngoại tệ, chuyển tiền bằng hối phiếu ngân hàng, tư vấn lập hồ bộ chứng từ xuất khẩu,... đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng.
- Chính thức trở thành đại lý cấp 1 của Công ty Kiểu hối Western Union, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong hoạt động kiểu hối tại SCB. Doanh số và số món chi trả kiểu hối Western Union tăng đều trong năm, đem lại nguồn thu ổn định và giảm bớt chi phí quản lý ngoại tệ tiền mặt cho Ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

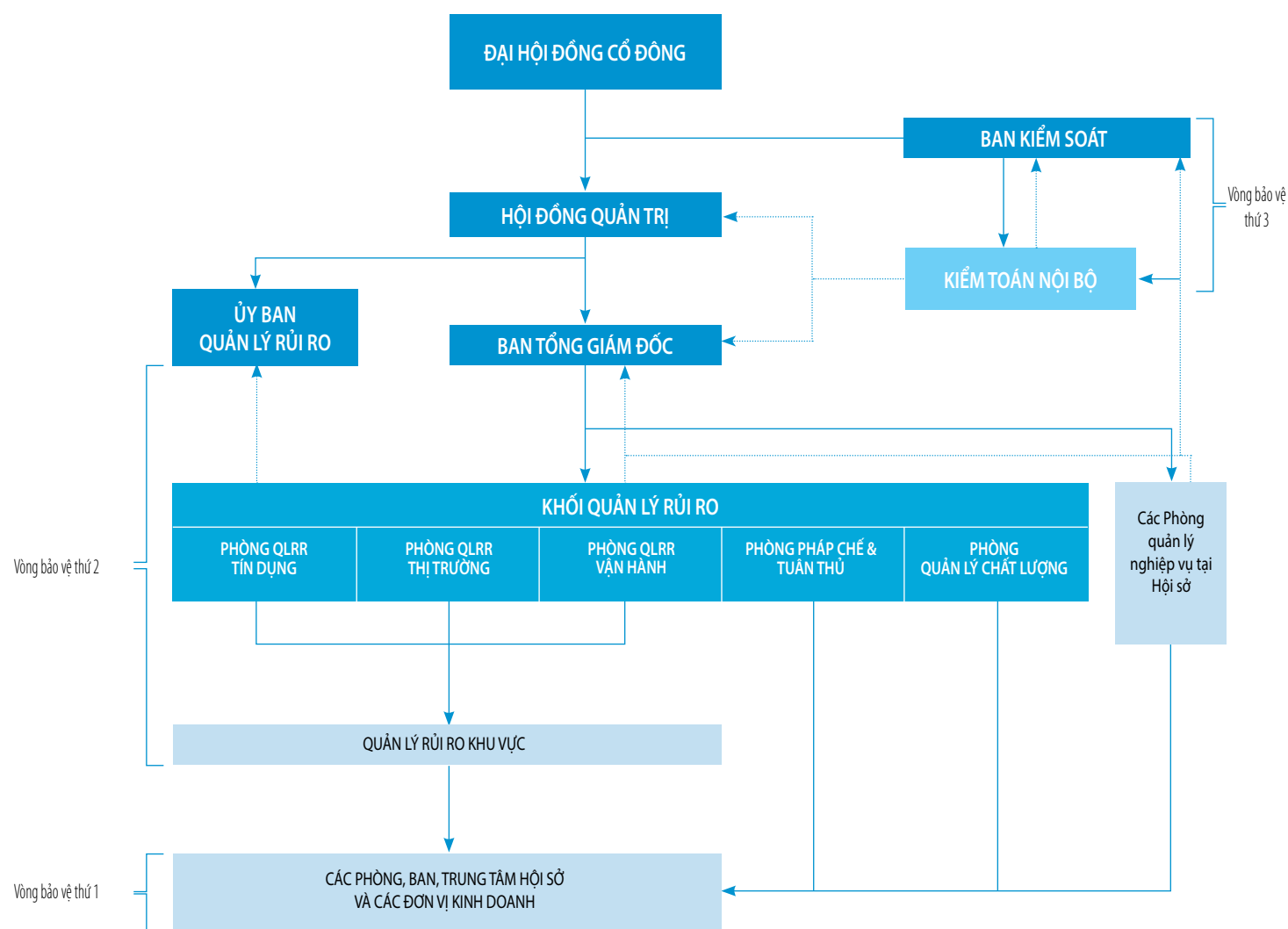
“Trong năm 2012, SCB đã xây dựng kế hoạch đầu tư phù hợp với nội lực cũng như chiến lược phát triển của ngân hàng trong thời gian tới. Theo đó, trong năm 2012, SCB chủ trương rà soát các khoản đầu tư nhằm thực hiện thu hồi và tái cơ cấu danh mục theo hướng an toàn, hiệu quả, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật nói chung và SCB nói riêng.”

- Tích cực thực hiện thu hồi các khoản đầu tư chưa đạt mức lợi suất kỳ vọng của SCB. Tính đến ngày 31/12/2012, tổng giá trị các khoản đầu tư của SCB giảm 20.152 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 53,85% so với đầu năm.
- Thực hiện chuyển nhượng lại một phần trái phiếu doanh nghiệp cho tổ chức phát hành và các đối tác nhận chuyển nhượng với tổng giá trị trái phiếu chuyển nhượng theo mệnh giá là 273 tỷ đồng, chiếm 1,35% tổng giá trị đầu tư giảm. Như vậy, tính đến ngày 31/12/2012, giá trị đầu tư trái phiếu còn lại chiếm 64,3% tổng giá trị toàn danh mục.
- Trên cơ sở phân tích xu hướng của thị trường chứng khoán, SCB nhận thấy chưa phù hợp để thực hiện cơ cấu danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết trong thời gian này. Do đó, đến cuối năm 2012, tổng giá trị cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán không thay đổi so với ngày 01/01/2012 chiếm 0,44% tổng giá trị toàn danh mục.
- Đối với danh mục góp vốn - đầu tư dài hạn, SCB chủ yếu góp vào các công ty để trở thành cổ đông sáng lập hoặc đối tác chiến lược. Do đó, phần lớn các công ty thuộc danh mục góp vốn (bao gồm cả góp vốn vào dự án), SCB đều tham gia Hội đồng Quản trị hoặc với tư cách cổ đông lớn nên có quyền quyết định các vấn đề lớn của dự án cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của phần lớn các công ty trong danh mục góp vốn nên phần nào hạn chế rủi ro cũng như có cơ hội mở rộng các mảng hoạt động khác cho SCB. Vì vậy, mảng hoạt động này trong năm cũng chỉ giảm 3,35% so với ngày 01/01/2012 và chiếm 5,4% tổng giá trị toàn danh mục.
- Thực hiện hợp nhất 03 công ty con - Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản của 03 Ngân hàng thành 01 Công ty vào ngày 30/11/2012 nhằm khai thác triệt để các thế mạnh của các Công ty này thông qua việc cung cấp dịch vụ định giá tài sản thế chấp và mua bán nợ của SCB. Bên cạnh đó, việc hợp nhất 03 công ty sẽ giảm bớt chi phí hoạt động nhằm nâng cao quả hiệu quả kinh doanh và mang lại lợi ích cao nhất cho Ngân hàng.

“Sau hợp nhất, công tác quản lý rủi ro tại SCB luôn được chú trọng nhằm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng luôn an toàn, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.”

QUẢN TRỊ RỦI RO, KIỂM TRA KIỂM SOÁT

SCB xây dựng và triển khai mô hình kiểm soát rủi ro theo 3 vòng bảo vệ trên cơ sở tư vấn của Công ty Kiểm toán E&Y, bao gồm: Vòng 1 - Kiểm soát nội bộ, Vòng 2 - Quản lý rủi ro và Vòng 3 - Kiểm toán nội bộ.



HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Thiết lập và triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, ngay sau khi hợp nhất và trong năm 2012, SCB đã xây dựng một hệ thống các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức phù hợp và được tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.

rủi ro thị trường đối với các danh mục đầu tư thông qua việc áp dụng Mô hình VaR (Value at Risk); hoàn tất việc xây dựng hệ thống các chỉ số giới hạn rủi ro thị trường đối với các mảng hoạt động kinh doanh chính của SCB.

- ✦ Không ngừng cải tiến và nâng cao các thang đo hệ số an toàn hoạt động và các chỉ số CAMELS nhằm bắt kịp với xu hướng quản trị rủi ro quốc tế cũng như phù hợp với điều kiện thực tế của SCB.

QUẢN LÝ RỦI RO

Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý rủi ro, các quy chế, quy trình liên quan để tạo hành lang pháp lý cho hoạt động quản lý rủi ro như Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị, Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO), khối Quản lý rủi ro trực thuộc Ban điều hành (bao gồm P. QLRRTD, P. QLRRTT, P. QLRRVH). Hoạt động của 03 mảng quản lý rủi ro trong năm 2012 có những nét nổi bật cụ thể như sau:

Quản lý rủi ro tín dụng

- ✦ Xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ tiên tiến với sự hợp tác của Công ty Kiểm toán Quốc tế Ernst & Young, phù hợp quy định của NHNN về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro. Đây là công cụ hiệu quả hỗ trợ công tác thẩm định, ra quyết định cho vay và giúp đánh giá chính xác mức độ rủi ro từng khoản vay, phân loại nợ theo thông lệ quốc tế, là cơ sở để nâng cao chất lượng tín dụng và trích lập dự phòng phù hợp.
- ✦ Tăng cường công tác kiểm tra giám sát trước, trong và sau khi cho vay nhằm phát hiện và kịp thời cảnh báo các rủi ro có thể xảy ra; ban hành các quy định chế tài nghiêm ngặt các hành vi vi phạm trong công tác tín dụng.

Quản lý rủi ro thị trường

- ✦ Cập nhật kịp thời diễn biến thị trường trong ngoài nước làm nền tảng cho công tác dự báo biến động thanh khoản, lãi suất, tỷ giá; từ đó, có kế hoạch dự phòng cho các tình huống xấu nhất ảnh hưởng đến an toàn thanh khoản, lợi nhuận, và giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của SCB.
- ✦ Hoàn tất việc xây dựng hệ thống đo lường

Quản lý rủi ro vận hành

- ✦ Xác định và đo lường rủi ro vận hành; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng ngừa, giảm nhẹ rủi ro vận hành; giám sát công tác quản lý rủi ro vận hành.
- ✦ Thực hiện chức năng giám sát tuân thủ và kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện quy định về quản lý rủi ro vận hành; thực hiện chế độ báo cáo, lưu trữ thông tin về quản lý rủi ro vận hành và tình hình khắc phục sự không phù hợp được phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát.
- ✦ Xây dựng hệ thống dữ liệu rủi ro vận hành ngày càng hoàn thiện, phục vụ cho việc tra cứu và là nền tảng dữ liệu để xây dựng phần mềm hỗ trợ phân tích rủi ro vận hành.
- ✦ Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, nâng cao tinh thần cảnh giác và ý thức trách nhiệm đến từng cán bộ nhân viên nhằm đảm bảo tình hình an ninh, an toàn tài sản cho ngân hàng và khách hàng trong hoạt động thường nhật và đặc biệt là trong các dịp Lễ, Tết.
- ✦ Xây dựng hoàn thiện phương án đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, hạn chế tối đa thời gian gián đoạn khi có sự cố xảy ra, đảm bảo công tác phục vụ khách hàng tốt nhất.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Xây dựng và hoàn thiện bộ máy kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát; xây dựng và đưa vào vận hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ, sổ tay kiểm toán nội bộ, chính sách, chiến lược kiểm toán nội bộ.



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

“Xác định mục tiêu hàng đầu là củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác trên thị trường tài chính ngân hàng trong và ngoài nước, trong năm 2012, SCB tiếp tục tích cực thực hiện tìm kiếm các đối tác chiến lược trong và ngoài nước và đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ.”

Kịp thời cập nhật thông tin về quá trình hợp nhất ngân hàng đến các đối tác, nhanh chóng hoàn thành việc thống nhất tài khoản Nostro tại các ngân hàng đại lý nước ngoài, nhờ đó, SCB không những củng cố được các quan hệ hợp tác sẵn có trước đây, tạo thuận lợi cho các hoạt động truyền thống như thanh toán quốc tế, nguồn vốn, kinh doanh ngoại hối,... mà còn mở ra cơ hội hợp tác với các đối tác trong việc phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ.

Đang duy trì 15 tài khoản Nostro với nhiều loại ngoại tệ thông dụng trong thanh toán quốc tế tại các ngân hàng có uy tín trên thế giới. Tính đến 31/12/2012, SCB cũng đã thiết lập quan hệ đại lý với 7.530 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại 84 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

Chính thức trở thành đại lý chính tại Việt Nam của Western Union - Công ty hàng đầu về dịch vụ tài chính toàn cầu kể từ ngày 01/06/2012. Việc trở thành đại lý chính của Western Union đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ kiều hối của SCB, tăng nguồn thu phí từ dịch vụ.

Tiến hành hợp tác với một số công ty bảo hiểm để tiến tới phát triển loại hình dịch vụ Bancassurance tại Ngân hàng trong thời gian tới.

Nhận được sự hỗ trợ trong công tác đào tạo từ một số định chế tài chính nước ngoài có uy tín tại Việt Nam như Deutsche Bank, JP Morgan Chase Bank.

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Sau khi triển khai và áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 tại các Phòng/Ban/Trung tâm Hội sở và các Chi nhánh, với 8 nguyên tắc quản lý chất lượng như sau:

1. Hướng đến khách hàng.
2. Thể hiện rõ nét vai trò của cấp lãnh đạo.
3. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng có sự tham gia của tất cả CBNV trong Ngân hàng.
4. Tiếp cận theo quá trình, chuỗi công việc.
5. Quản lý theo hệ thống với cái nhìn toàn diện.
6. Ra các quyết định dựa trên sự kiện, các dữ liệu đo lường.
7. Tạo mối quan hệ hợp tác cùng có lợi với các nhà cung cấp.
8. Luôn hướng đến sự đổi mới, tiến bộ hơn thông qua việc cải tiến liên tục.

Hoạt động Ngân hàng của SCB ngày càng thống nhất và hoàn thiện hơn, tiến đến các dịch vụ Tài chính - Ngân hàng hiện đại theo chuẩn quốc tế.

SCB đã chuẩn hóa hệ thống văn bản của Ngân hàng về hình thức và nội dung, đảm bảo việc kiểm soát chất lượng của mọi hoạt động tại Ngân hàng.

Trong năm 2012, SCB đã tổ chức các đợt đào tạo “Nhận thức chung về quản lý chất lượng” cho CBNV, ban hành các quy trình khung của hệ thống quản

lý chất lượng như: Chính sách chất lượng 2012-2016, mục tiêu chất lượng 2012, quy trình kiểm soát tài liệu, quy trình kiểm soát hồ sơ, sổ tay chất lượng,...; đồng thời, Ngân hàng cũng xây dựng cơ chế quản lý tập trung vào chất lượng, hướng về Khách hàng theo trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân, đơn vị.

Quan trọng nhất là việc ban hành Hệ thống tài liệu chất lượng - các quy trình tác nghiệp cho các mảng nghiệp vụ khác nhau, áp dụng trên toàn hệ thống SCB. Trên cơ sở đó nhân viên nghiệp vụ có thể dễ dàng thực hiện nghiệp vụ một cách chính xác, nhanh chóng, các cấp quản lý có thể giám sát hiệu quả mức độ tuân thủ và hoàn thành công việc đã giao.

Sau một năm hoạt động, hệ thống tài liệu chất lượng với hơn 250 văn bản do Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc ban hành đã tương đối đầy đủ, đáp ứng được các mục tiêu hoạt động của SCB.

Cũng trong năm 2012, SCB đã thực hiện một đợt điều tra mức độ hài lòng của khách hàng (bao gồm cả khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức) với dịch vụ tiền gửi của ngân hàng. Mục tiêu chính là tìm ra những cách thức mới để thỏa mãn nhu cầu đa dạng của các phân khúc khách hàng khác nhau ở một mức độ cao hơn.



“Sau hợp nhất, SCB tập trung thực hiện hai nhiệm vụ chính là: Quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới hoạt động và tiếp tục tìm kiếm địa điểm phù hợp để mở rộng mạng lưới hoạt động. Sang năm 2013, SCB sẽ tiếp tục phát triển hoạt động của các đơn vị trong hệ thống theo chiều sâu, tăng quy mô PGD/QTK và mở mới thêm nhiều địa điểm giao dịch trong cả nước khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.”

HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

“Trong bối cảnh cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng khốc liệt, năm 2012, SCB tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, phấn đấu thực hiện phương châm hoạt động “Hoàn thiện vì Khách hàng” thông qua nhiều chương trình chăm sóc khách hàng cụ thể và đã nhận được nhiều sự ủng hộ tình cảm của khách hàng dành cho sản phẩm và dịch vụ của SCB.”

Hoàn thiện và phát triển các kênh dịch vụ chăm sóc khách hàng như Hotline, Hộp thư góp ý, Email góp ý, Website nhằm tư vấn, cung cấp thông tin chuẩn xác, thống nhất, nhanh chóng về các sản phẩm, dịch vụ của SCB; từ đó góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, quảng bá thương hiệu và uy tín của SCB.

Xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của giao dịch viên để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng trong toàn hệ thống; đồng thời xây dựng bộ phận giám sát chất lượng phục vụ khách hàng.

Thực hiện khảo sát thực tế các giao dịch, nhu cầu, thị hiếu và sự thỏa mãn của khách hàng trong toàn hệ thống. Kết quả khảo sát đã góp phần ngày càng hoàn thiện và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng của SCB.

Chú trọng công tác đào tạo và tự đào tạo cho cán bộ nhân viên toàn hệ thống về sản phẩm, dịch vụ của SCB để nâng cao hiệu quả công tác tư vấn và phục vụ khách hàng.

Triển khai nhiều chương trình chăm sóc khách hàng nhằm gia tăng sự thỏa mãn của khách hàng đối với sản phẩm và dịch vụ của SCB. Cụ thể như: Chương trình chăm sóc khách hàng lớn nhân dịp Tết Trung thu; chương trình “Dành cho một nửa yêu thương” nhân kỉ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, chương trình tặng lịch nhân dịp năm mới 2013,...

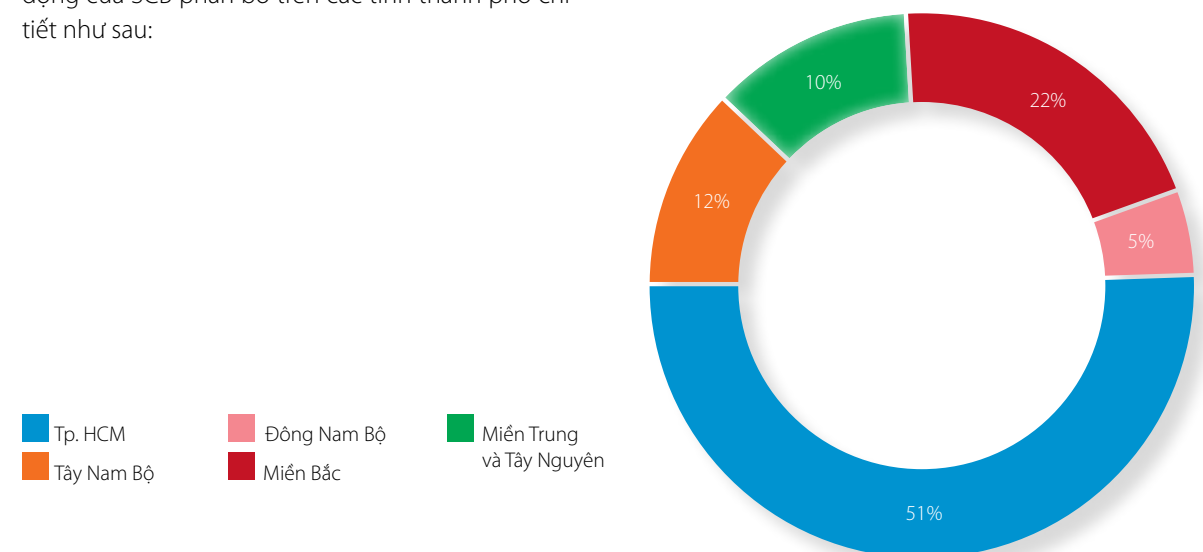
Xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management), bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi tình hình quan hệ giao dịch của các khách hàng lớn.

QUẢN LÝ MẠNG LƯỚI

Tính đến cuối năm 2012, SCB hoạt động với mạng lưới khá rộng gồm 231 đơn vị giao dịch trên 26 tỉnh/thành phố của cả nước. Trong đó có: 01 Hội sở, 01 Sở Giao dịch, 49 Chi nhánh, 121 Phòng Giao dịch, 57 Quỹ Tiết kiệm và 02 Điểm Giao dịch.

Xét về số lượng các đơn vị giao dịch, SCB đứng vị trí thứ 04 trong số các ngân hàng thương mại cổ phần có trụ sở tại Tp. Hồ Chí Minh. Mạng lưới hoạt động của SCB phân bố trên các tỉnh thành phố chi tiết như sau:

Trong năm 2012, SCB cũng đã hoàn tất thủ tục thành lập mới và đưa vào hoạt động 01 Phòng Giao dịch trực thuộc Chi nhánh Đồng Nai tại Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và 01 Điểm Giao dịch trực thuộc Chi nhánh Tân An tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.



Biểu đồ mạng lưới hoạt động của SCB phân bố theo khu vực



“Với nền tảng tài chính vững mạnh từ sự hợp nhất 3 Ngân hàng, cùng với chiến lược sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả, SCB đã sẵn sàng vươn lên những tầm cao mới, trở thành một trong những tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam mang tầm vóc quốc tế, thương hiệu SCB là thương hiệu Việt được mọi người tin dùng.”

CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

SCB đang nỗ lực không ngừng để tạo dựng một trong những thương hiệu mạnh quốc gia. Trọng tâm trong chiến lược xây dựng thương hiệu của SCB chính là cam kết mang lại cho khách hàng sự quan tâm đúng mực, xứng đáng với sự tín nhiệm và kỳ vọng của khách hàng dành cho ngân hàng. Đồng thời, SCB cung cấp các lựa chọn đa dạng về sản phẩm và dịch vụ ngân hàng, để từ đó tạo ra sự khác biệt của SCB với các ngân hàng khác trên thị trường. Đây là một triết lý kinh doanh cơ bản và đã trở thành mục tiêu dài hạn trong việc tạo dựng niềm tin và sự gắn kết dài lâu nơi khách hàng và sẽ giúp SCB trở thành ngân hàng được lựa chọn hàng đầu tại Việt Nam.

Mục tiêu của hoạt động xây dựng thương hiệu là giúp định vị SCB trong tâm trí khách hàng với hình ảnh của một ngân hàng năng động, hiện đại, dễ dàng tiếp cận, tham gia tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế và cộng đồng. Điển hình là chương trình “SCB thấp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam” và “SCB chăm lo tết cho người nghèo”; thông qua các chương trình này, các trẻ em nghèo cũng như các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại 26 tỉnh thành

trên toàn quốc được cấp học bổng, nhận những phần quà để tiếp tục đến trường và có thêm niềm vui khi đón chào năm mới. Bên cạnh đó, các chương trình bán hàng tổng hợp như: “Tháng vàng SCB”, “Tháng hồng SCB” hay các sản phẩm khuyến mại: “Hợp nhất triệu lộc xuân”, “Tận hưởng mùa hè cùng SCB”, “Gửi trọn niềm tin”, “Giáng sinh lung linh, Rinh quà đẳng cấp”... đã góp phần mang thương hiệu SCB đến gần hơn với khách hàng và được quảng bá sâu rộng ra khắp mọi miền đất nước. Ngoài việc cung cấp các sản phẩm của một ngân hàng thương mại truyền thống, SCB cũng đã tập trung vào đầu tư công nghệ như chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Corebanking) từ hệ thống Core Smart Bank sang hệ thống Core Flexcube, nâng cấp hệ thống ngân hàng trực tuyến (Internet Banking), phát hành thẻ SCB MasterCard theo chuẩn EMV, đây được xem là những công nghệ vượt trội hiện nay trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng. Chính những đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ đã giúp cho SCB có thể tích hợp các hệ thống dịch vụ ngân hàng trên toàn bộ mạng lưới các Điểm Giao dịch trong mọi loại hình dịch vụ. Điều này mang lại cho SCB lợi thế cạnh tranh khi giao dịch với thời gian nhanh chóng giúp gia tăng

chất lượng dịch vụ và khả năng tạo ra những sản phẩm ưu việt cho khách hàng, đáp ứng tối đa các nhu cầu chính đáng của khách hàng, cho dù đó là khách hàng khó tính nhất.

Sau một năm hợp nhất, Ngân hàng còn gặp nhiều khó khăn nhưng các hoạt động truyền thông và quảng bá thương hiệu vẫn được ưu tiên thực hiện thông qua các chương trình tài trợ (với báo Sài Gòn Giải Phóng) hay hợp tác tổ chức hội thảo chuyên đề như Hội thảo về nhân sự trong ngành tài chính ngân hàng với Info TV... Các nỗ lực truyền thông thương hiệu đã giúp cho tần suất xuất hiện của thương hiệu SCB trên các phương tiện thông tin đại chúng từ 15-20 lần/tháng. Trong năm 2012, thương hiệu SCB đã trở nên quen thuộc hơn với Khách hàng trên toàn quốc. Nếu xét giá trị truyền thông tính theo tổng số (căn cứ vào lượng tin bài, mật độ xuất hiện trên các báo viết, báo điện tử), trong năm qua SCB luôn đứng ở nhóm đầu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Định hướng chiến lược truyền thông và quảng bá thương hiệu trong năm 2013: Chiến lược truyền thông và quảng bá thương hiệu của SCB

trong năm 2013 có định hướng nhất quán và mục tiêu kinh doanh rõ ràng, đưa thương hiệu SCB là thương hiệu được mọi người tiêu dùng ưa thích. Để thực hiện được mục tiêu này, Ngân hàng đã triển khai chương trình “Làm mới thương hiệu” như một hoạt động ưu tiên trong hoạt động kinh doanh. Xét về tổng thể mọi mặt của thương hiệu, từ hoạt động kinh doanh đến các hoạt động marketing, năm 2013 sẽ là năm ghi dấu ấn mạnh mẽ của SCB trong lòng mọi khách hàng Việt Nam. Từ đó, SCB mong muốn hướng tới những mục tiêu vươn cao hơn, xa hơn, đáp ứng cao hơn những kỳ vọng của Khách hàng, Cổ đông, Cơ quan quản lý. Với những nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng các hệ thống chuyên nghiệp, nâng cao các giá trị mang đến cho Khách hàng, đào tạo đội ngũ nhân viên giàu tri thức luôn tận tâm, SCB chắc chắn sẽ vươn lên những tầm cao mới, là niềm tự hào của ngành Ngân hàng Việt Nam.



“Lấy Khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động kinh doanh và hướng về cộng đồng trong hoạt động xã hội, triết lý này đã thấm sâu vào từng hoạt động, văn hóa, tập quán kinh doanh của SCB.”

CÁC CÔNG TÁC TỪ THIỆN XÃ HỘI

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của các ngân hàng riêng lẻ tiền nhiệm trước đây cũng như ngân hàng hợp nhất sau này, SCB luôn tin rằng một ngân hàng hay một doanh nghiệp không thể phát triển thịnh vượng mà không hỗ trợ cộng đồng nơi mình đang hoạt động. Với triết lý trên, nhiều hoạt động từ thiện đã được khởi xướng từ Ngân hàng hay bản thân tấm lòng của chính cán bộ nhân viên SCB. Những hoạt động xã hội được thực hiện một cách đa dạng như: Giúp đỡ người nghèo, hỗ trợ đồng bào vùng thiên tai lũ lụt hay trao tặng những phần quà đầy tình nghĩa cho các cựu chiến binh, cũng có khi đóng góp xây dựng cầu, đường cho bà con vùng sâu vùng xa,... còn nhiều nghĩa cử cao đẹp của SCB hướng đến cộng đồng, kể cả những địa phương không có Điểm Giao dịch của SCB cũng luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ từ SCB ngay khi cần thiết. Để hoạt động vì cộng đồng được vươn xa hơn, có sức lan tỏa mạnh mẽ hơn, giúp ích thiết thực hơn cho cộng đồng, các hoạt động vì trách nhiệm xã hội được SCB gắn chặt vào sự nghiệp hoạt động chung của Ngân hàng với định hướng rõ ràng. Đặc biệt, các hoạt động về an sinh xã hội, giáo dục luôn được SCB ưu tiên và quan tâm nhất, SCB đã có các hoạt động thiết thực như xây dựng nhà tình nghĩa, trao tặng quà cho bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các cựu chiến binh hay cung cấp cơ sở vật chất, học bổng, quỹ khuyến học. Thông qua những hành

động này SCB mong muốn cùng chính quyền các cấp, các thành phần trong xã hội góp phần xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Chương trình học bổng “SCB thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam” là minh chứng sống động cho các nỗ lực vượt bậc của SCB về những gì SCB đang cố gắng làm để hỗ trợ cộng đồng nói chung và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên hành trình đi tìm “con chữ” nói riêng. Trong chương trình này, SCB đã trao tặng hơn 2.300 suất học bổng, mỗi học bổng trị giá 1.200.000 đồng cho các em học sinh từ cấp 1 cho đến cấp 3 tại 26 tỉnh thành trên toàn quốc. Cho dù giá trị mỗi suất học bổng không lớn nhưng đó chính là sự quan tâm thiết thực của SCB để góp phần động viên các em học sinh vượt qua những khó khăn vươn lên trong học tập cũng như củng cố niềm tin trên bước đường học vấn.

Ngoài các chương trình hỗ trợ trong lĩnh vực giáo dục, SCB cũng đã hỗ trợ cho đồng bào nghèo có vốn để thực hiện những ước mơ khiêm nhường, đáng quý của mình thông qua chương trình “Vượt lên chính mình” được phát sóng trên kênh HTV9.

Cho những nghĩa cử cao đẹp được lan tỏa xa hơn, đến được với xã hội nhiều hơn trong năm 2013: Để một lần nữa khẳng định tâm niệm “Kinh doanh không đơn thuần chỉ là tìm kiếm lợi nhuận mà còn

là điều kiện để chăm lo cho cộng đồng tốt hơn”, hỗ trợ tối đa việc xây dựng cộng đồng tốt hơn. SCB sẽ nỗ lực chung tay góp sức vì cộng đồng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu với các định hướng rõ ràng hơn. Trong đó phát huy sức mạnh của cả cộng đồng sẽ được Ngân hàng tập trung thực hiện. SCB không chỉ huy động sự tham gia của cán bộ nhân viên mà còn kêu gọi sự chung tay từ các nhà hảo tâm, mạnh thường quân khác; cá nhân hay doanh nghiệp là Khách hàng, Đối tác của SCB vào công tác đầy cao quý này. Công tác từ thiện và trách nhiệm xã hội sẽ được ưu tiên thực hiện vào các hoạt động giáo dục và an sinh xã hội bởi vì đây chính là những lĩnh vực cần quan tâm đặc biệt để cùng nâng cao chất lượng cuộc sống của cả cộng đồng. Tích cực tham gia hoạt động xã hội, thể hiện tấm lòng tương thân tương ái là một nét đẹp truyền thống của cán bộ nhân viên Ngân hàng trong suốt thời gian qua và nét đẹp này sẽ được SCB phát huy mạnh mẽ hơn trong năm 2013 cũng như các năm tiếp theo nhằm góp phần phần vào sự phát triển chung của xã hội, một xã hội ngày càng giàu mạnh hơn, hạnh phúc hơn.

- Tài trợ Chợ hoa Xuân Nhâm Thìn 2012 tại Quận 2.
- Tài trợ giao lưu thư pháp Phụ nữ tại Trung tâm Văn hóa Quận 5.
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng Nông thôn mới tại Đồng Tháp.
- Ủng hộ Quỹ khuyến học, khuyến tài tại Cần Thơ.
- Tài trợ Cuộc thi Bắn pháo hoa Quốc tế tại Đà Nẵng.
- Ủng hộ Học sinh nghèo tại xã Kampot Campuchia.
- Tài trợ Festival Dừa Bến Tre.
- Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa tại Trà Vinh.
- Hỗ trợ Quỹ học bổng huyện Tam Bình - Vĩnh Long.
- Tài trợ Diễn đàn hợp tác Kinh tế DBSCL - Tiền Giang 2012.





Kết nối **CÔNG NGHỆ**
sẵn sàng **BỨT PHÁ**

Lấy định hướng phát triển công nghệ làm đầu,
Chúng tôi đầu tư phát triển và đưa vào sử dụng
những sản phẩm công nghệ hiện đại, kịp thời
theo đuổi sự phát triển của thời đại để mang lại
những sản phẩm dịch vụ tốt nhất và tin cậy nhất.

138.300

triệu đồng
chi phí đầu tư cho công nghệ

Để tạo đà cho sự bứt phá ngoạn mục, nhằm vươn đến những tầm cao và giá trị mới, việc phát triển công nghệ phải đi trước một bước, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Từ nhận thức đó, SCB đã mạnh dạn đầu tư triển khai hệ thống Corebanking Oracle Flexcube và định hướng phát triển hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại; nhằm đem đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất, tin cậy nhất và có hàm lượng kỹ thuật cao nhất; đồng thời phục vụ cho công tác quản trị điều hành, đảm bảo cho Ngân hàng hoạt động hiệu quả và an toàn.

CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG

Quản trị công nghệ 64
Hoạt động Thẻ và Ngân hàng điện tử 66





“Năm 2012 đánh dấu bước phát triển vượt bậc của SCB trong hoạt động hiện đại hóa công nghệ ngân hàng khi triển khai thành công hệ thống ngân hàng lõi Oracle Flexcube và nhiều chương trình phần mềm hiện đại áp dụng trên toàn hệ thống SCB. Việc đầu tư công nghệ hiện đại và đồng bộ giúp cho hoạt động quản trị ngân hàng của SCB được triển khai một cách tối ưu và hiệu quả, đảm bảo an toàn dữ liệu, dự báo và quản trị rủi ro tốt hơn.”

QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ

Nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ trong sự phát triển của Ngân hàng, ngay từ đầu năm, SCB đã quyết định lựa chọn đầu tư và triển khai hệ thống Corebanking Oracle Flexcube.

Corebanking Flexcube của Oracle là ngân hàng lõi hiện đại trên thế giới với nhiều ưu điểm nổi bật như: Nền tảng công nghệ và kiến trúc hiện đại, có khả năng module hóa và tham số hóa cao giúp cho ngân hàng dễ dàng phát triển sản phẩm dịch vụ; tốc độ xử lý giao dịch nhanh và hỗ trợ đa ngôn ngữ, đa tiền tệ; cung cấp đầy đủ thông tin quản trị toàn diện, xử lý rủi ro và an toàn bảo mật cao,...

Trong năm 2012, Ban dự án triển khai Corebanking với 51 thành viên đã thực hiện và hoàn thành các bước phân tích hệ thống, chuyển đổi dữ liệu, soạn thảo tài liệu, đào tạo nghiệp vụ Corebanking cho toàn hệ thống, thực hiện các đợt diễn tập và tiến hành golive cho toàn hệ thống. Tóm tắt tiến độ và quá trình triển khai Corebanking trong năm 2012 như sau:

✦ **Triển khai Trung tâm dữ liệu và Hạ tầng kỹ thuật:** Đây là phần việc khá quan trọng trong Dự án Corebanking; tuy nhiên SCB đã hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch dự kiến. Các công việc đã thực hiện cụ thể như sau:

- Xây dựng và đã đưa vào sử dụng Trung tâm dữ liệu (Data center) theo tiêu chuẩn quốc tế TIE-942 đảm bảo cho hệ thống máy chủ, kho dữ liệu và hệ thống mạng trên toàn hệ thống SCB hoạt động liên tục, an toàn và bảo mật. Hệ thống máy chủ và hệ thống lưu trữ dữ liệu cũng đã được cài đặt và đưa vào vận hành trong năm 2012.
- Thực hiện kết nối Hệ thống mạng WAN hợp nhất từ các Điểm Giao dịch trong toàn hệ thống SCB hợp nhất về Trung tâm dữ liệu.
- Thực hiện nâng cấp các máy tính cá nhân tại các đơn vị để đáp ứng yêu cầu về cấu hình để vận hành Corebanking Flexcube.

✦ **Triển khai đào tạo CBNV sử dụng Core Flexcube:** Tổng số học viên tham gia đào tạo là 2.977 người được chia thành 87 lớp, tổng số thời lượng cho việc học và đào tạo là 260 ngày.

✦ **Triển khai golive Corebanking Flexcube trong toàn hệ thống:** Từ ngày 24/09/2012, SCB bắt đầu thực hiện golive đợt đầu tiên, trải qua 5 đợt golive với 5 lần chuyển đổi dữ liệu và gần 20 đợt diễn tập, tính đến 31/12/2012, SCB đã hoàn tất golive Corebanking Oracle Flexcube cho toàn hệ thống, bao gồm Hội sở và 230 Điểm Giao dịch. Hệ thống mới đã đi vào vận hành, đáp ứng khả năng phục vụ khách hàng, triển khai sản phẩm và quản trị điều hành.

Trên cơ sở được tổ chức thẻ quốc tế MasterCard cấp giấy phép thành viên mới cho ngân hàng hợp nhất, SCB đã phối hợp với nhiều đối tác trong và ngoài nước để cho ra đời sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu SCB MasterCard.

Thẻ SCB MasterCard là loại thẻ kết hợp từ và chip theo chuẩn EMV (Europay - MasterCard - Visa), có khả năng lưu trữ các thông tin quan trọng được mã hóa với độ bảo mật cao. Đây là công nghệ cải tiến vượt trội so với công nghệ thẻ từ trước đây, mang lại cho khách hàng độ an toàn cao với dữ liệu thẻ được bảo mật nhiều tầng bằng các lớp mã hóa và khóa hệ thống giúp giảm thiểu rủi ro,

giả mạo, nhằm tạo sự yên tâm cho khách hàng khi sử dụng thẻ. Chủ thẻ có thể sử dụng thẻ SCB MasterCard để giao dịch tại máy ATM, đơn vị chấp nhận thẻ và các website thương mại điện tử chấp nhận thanh toán thẻ MasterCard trong lãnh thổ Việt Nam và trên thế giới.

Nhằm hoàn thiện sản phẩm trước khi triển khai đến khách hàng trong năm 2013, SCB đang triển khai thử nghiệm sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế SCB MasterCard cho đối tượng là cán bộ nhân viên SCB.

Triển khai hệ thống Datawarehouse cho SCB hợp nhất bao gồm 272 báo cáo quản trị nội bộ và các báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước. Đến nay các báo cáo đã và đang dần được hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu hoạt động ngày càng phát triển của ngân hàng.

Triển khai thành công phần mềm xếp hạng tín dụng, phần mềm quản lý văn bản điều hành, hệ thống email cho toàn ngân hàng hợp nhất, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý ngân hàng để thi, khảo thí trực tuyến và đưa tất cả vào hoạt động phục vụ cho hoạt động quản trị điều hành tại SCB.

Triển khai thành công hệ thống Ngân hàng điện tử Oracle Flexcube, hệ thống thẻ nội địa và thẻ quốc tế MasterCard tích hợp vào Corebanking Flexcube và đưa vào phục vụ khách hàng kể từ 31/12/2012.

“Muốn nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, công nghệ phải đi trước một bước. Và trong năm 2012, dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử của SCB đã đạt nhiều thành quả trong quá trình hoàn thiện, cải tiến công nghệ, từng bước nâng cao khả năng đáp ứng đối với nhu cầu khách hàng. Trong đó, hoạt động nổi bật bao gồm việc hợp nhất hệ thống thẻ và eBanking, kết nối hệ thống thẻ, eBanking và triển khai Internet Banking vào hệ thống Corebanking Flexcube.”

1.252 TỶ ĐỒNG
Doanh số giao dịch qua kênh eBanking

HOẠT ĐỘNG THẺ VÀ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

Chuyển đổi hệ thống thẻ, Internet Banking và kết nối vào hệ thống Corebanking Flexcube

- Trên lộ trình phát triển dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, nếu như năm 2008 là năm đánh dấu một cột mốc quan trọng bằng việc SCB xây dựng thành công hệ thống ATM Switch và đưa hệ thống phát hành thẻ độc lập đi vào hoạt động. Năm 2012 được xem là cột mốc thứ hai khi SCB đã chuyển đổi thành công hệ thống thẻ Narada sang hệ thống mới Cardworks hiện đại hơn, bảo mật hơn; đồng thời kết nối vào hệ thống Corebanking mới - Flexcube. Việc chuyển đổi hệ thống thẻ với chi phí đầu tư đáng kể nhằm tạo nền tảng vững chắc trong việc mang đến cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ đa dạng, phong phú với chất lượng cao.
- Thực hiện triển khai hệ thống Internet Banking Oracle Flexcube và hoàn tất chuyển đổi dữ liệu của 120.000 khách hàng trên hệ thống Internet Banking của SCB cũ sang hệ thống Internet Banking mới. Hiện nay hệ thống Internet Banking mới đã hoạt động tương đối ổn định và mang lại nhiều tiện ích cho các khách hàng.

Tối ưu hóa kênh dịch vụ eBanking

- Tính đến cuối năm 2012, doanh số giao dịch qua kênh eBanking đạt hơn 1.252 tỷ đồng.
- Song song với quá trình chuyển đổi Corebanking Flexcube, SCB đã thực hiện hợp nhất hệ thống eBanking của 03 Ngân hàng trên nền tảng ngân hàng lõi Flexcube, nhằm tạo điều kiện phát triển các dịch vụ, tiện ích gia tăng trong tương lai. Với chứng chỉ xác thực của Verisign trong việc mã hóa đường truyền từ máy tính cá nhân của khách hàng đến máy chủ SCB, cộng với phương thức xác thực linh hoạt và an toàn qua SMS Banking hoặc Entrust Token, khách hàng có thể yên tâm sử dụng các tiện ích do dịch vụ eBanking mang lại như: Chuyển tiền Online trong và ngoài hệ thống, gửi/ tất toán/ tái tục tài khoản tiết kiệm, tra cứu thông tin tài khoản và các thao tác khác mà không ngại rủi ro, không sợ bị đánh cắp hoặc sao chép thông tin. Đây là một phương thức giao dịch nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, mọi lúc mọi nơi, khách hàng có thể thực hiện các giao dịch 24/7 mà không cần phải đến ngân hàng.

- Triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng cho chủ Thẻ và khách hàng sử dụng dịch vụ Internet Banking của SCB thông qua việc ký hợp tác với ECPay trong việc cung cấp dịch vụ thanh toán tiền điện qua Cổng thanh toán ECPay, thành lập Ban triển khai Dịch vụ thanh toán hóa đơn và ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác về việc hợp tác triển khai dịch vụ thanh toán hóa đơn với VNPay.

Củng cố và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thẻ và ngân hàng điện tử

- Tính đến thời điểm cuối năm 2012, SCB đã phát hành hơn 31.515 thẻ ghi nợ nội địa, trong đó bao gồm bộ thẻ Tài - Lộc - Phú - Quý với màu sắc phong thủy và hạn mức giao dịch vượt trội nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của nhiều đối tượng khách hàng, thẻ đồng thương hiệu liên kết với các trường học, doanh nghiệp với nhiều ưu đãi đặc quyền cho chủ thẻ.

- Bên cạnh công tác chăm sóc khách hàng hiện hữu, trong năm 2012, SCB không ngừng gia tăng và hình thành mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ rộng khắp trên cả nước. Tính đến cuối năm 2012, SCB đã triển khai lắp đặt 133 máy POS tại các khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ với doanh số thanh toán đạt 188 tỷ đồng.
- Nhằm hưởng ứng chủ trương của Chính phủ về việc khuyến khích các đơn vị hành chính sự nghiệp cũng như các doanh nghiệp chi lương qua tài khoản thẻ, trong năm 2012, SCB đã triển khai dịch vụ chi lương qua thẻ cho 51 doanh nghiệp với tổng doanh số chi lương đạt 524 tỷ đồng.
- Trong thời gian tới, cùng với việc triển khai sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế cho khách hàng, SCB sẽ tập trung nâng cao chất lượng các sản phẩm thẻ nội địa, mở rộng mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ, phát triển thêm nhiều tiện ích mới trên ATM và eBanking.



Kết nối **NĂNG LỰC**
gia tăng **THÀNH QUẢ**

Tại SCB, những nỗ lực luôn được ghi nhận.
Chúng tôi phấn đấu từng ngày, nỗ lực từng giờ để
tạo ra hiệu quả công việc ở mức tốt nhất, mang
lại niềm vui và sự hài lòng nơi Quý Khách hàng.

17.317

tỷ đồng

Thu nhập lãi
và các khoản thu nhập tương tự

Năm 2012 là năm đầu tiên ngân hàng hợp nhất đi vào hoạt động, Ngân hàng tập trung thực hiện các giải pháp tái cơ cấu tài chính, nhằm nâng cao chất lượng Tài sản Nợ - Tài sản Có. Với sự hội tụ về nhân lực, vật lực và tài lực, SCB đã đạt được những thành quả đáng kể trong hoạt động kinh doanh: Quy mô hoạt động mở rộng, nguồn vốn tăng trưởng nhanh và ổn định, chất lượng tài sản ngày càng nâng cao, nguồn thu nhập ngày càng được củng cố. Kết quả khả quan này trở thành động lực cho sự phát triển mạnh mẽ, vững chắc của ngân hàng trong những năm tiếp theo, giúp SCB tiếp tục khẳng định vị thế, phấn đấu thực hiện mục tiêu trở thành một trong năm Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.



Báo cáo TÀI CHÍNH

Thông tin chung 73
Báo cáo của Ban Điều hành 75
Báo cáo tài chính hợp nhất 79
Báo cáo tài chính riêng lẻ 145

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN

Báo cáo của Ban Điều hành và
Các Báo cáo Tài chính Hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN CHUNG	73
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	75
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	77
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	79
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	82
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	83
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	85

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn với tên tiếng Anh là Saigon Commercial Bank được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chính thức cấp Giấy phép số 283/GP-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2011 về việc thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn trên cơ sở hợp nhất tự nguyện của ba ngân hàng là Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Đệ Nhất và Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa. Ngân hàng TMCP Sài Gòn (ngân hàng hợp nhất) chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một (01) Sở Giao dịch, bốn mươi chín (49) Chi nhánh, một trăm hai mươi mốt (121) Phòng Giao dịch, năm mươi bảy (57) Quỹ Tiết kiệm và hai (02) Điểm Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

CÔNG TY CON

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012, Ngân hàng có ba (03) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309818866 ngày 12/9/2011	Quản lý nợ, mua bán nợ, xác định giá trị tài sản, khai thác và quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309893373 ngày 30/3/2010	Quản lý nợ, mua bán nợ, xác định giá trị tài sản, khai thác và quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Đệ Nhất	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310342437 ngày 27/9/2010	Quản lý nợ, mua bán nợ, xác định giá trị tài sản, khai thác và quản lý tài sản	100%

Được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo Công văn số 6758/NHNN-TTGSNH ngày 17 tháng 10 năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện việc hợp nhất ba công ty con nói trên thành Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Công ty này chính thức hoạt động kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312083851 và tiếp nhận toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của ba công ty trước khi hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho từng năm tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và công ty con, và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2013

Số tham chiếu: 61002130/15756398

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (“Ngân hàng”) và công ty con được trình bày từ trang 79 đến trang 143, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

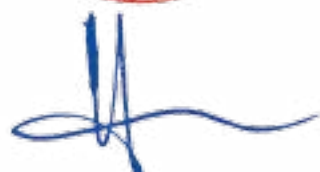
Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý một số vấn đề sau:

- » Trong năm 2012, được sự chấp thuận của NHNN, Ngân hàng đã từng bước triển khai Đề án hợp nhất và tái cấu trúc Ngân hàng, trong đó nội dung chính là thực hiện các phương án xử lý nợ và cơ cấu danh mục tài sản có của Ngân hàng. Cụ thể, Ngân hàng đã thực hiện việc thu hồi và cơ cấu các khoản nợ xấu, các khoản ủy thác đầu tư và các khoản tạm ứng có chất lượng thấp để thay thế bằng khoản vay mới có chất lượng tín dụng và chất lượng tài sản đảm bảo tốt hơn dựa trên cơ sở kết quả định giá độc lập tài sản đảm bảo. Ngân hàng cũng nhận tài sản đảm bảo để cản trừ nghĩa vụ trả nợ của một số khoản nợ xấu. Ban Điều hành của Ngân hàng tin tưởng rằng, các biện pháp xử lý nợ và cơ cấu lại danh mục tài sản có của Ngân hàng được thực hiện theo đúng Đề án hợp nhất và tái cấu trúc Ngân hàng đã được phê duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước, góp phần cải thiện tình hình tài chính và hoạt động của Ngân hàng trong năm 2012.
- » Bao gồm trong khoản lãi dự thu cho vay khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Thuyết minh 15.3 – Các khoản lãi, phí phải thu) có lãi dự thu của các khoản cho vay khách hàng có thời hạn trả lãi hàng năm và trên một năm vào cuối thời hạn của hợp đồng tín dụng. Ban Điều hành của Ngân hàng tin tưởng rằng số tiền lãi dự thu này sẽ được các khách hàng thanh toán đầy đủ theo lịch thanh toán thỏa thuận.

» Như được trình bày trong Thuyết minh 42.3. - Rủi ro thanh khoản, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có các khoản nợ đã quá hạn thanh toán bao gồm tiền vay NHNN, tiền gửi và vay các TCTD khác và các khoản nợ khác, Ngân hàng đồng thời cũng có một số khoản phải thu đã quá hạn nhưng chưa thu hồi được gây ra khó khăn về thanh khoản và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Ban Điều hành của Ngân hàng đã nhận biết được các vấn đề này và đã thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì hoạt động kinh doanh liên tục như tăng cường thu hồi các khoản nợ đến hạn và nợ xấu, duy trì tiền gửi của các khách hàng cũ và tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới, tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các TCTD khác, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động... Đồng thời, Ngân hàng cũng đang tiếp tục thực hiện các giải pháp cơ cấu danh mục tài sản có và tái cấu trúc Ngân hàng để ổn định hoạt động và nâng cao thanh khoản của Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng đã lên kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 10.583.801 triệu đồng lên 13.583.801 triệu đồng trong năm 2013 nhằm tăng cường năng lực tài chính của Ngân hàng. Tính đến thời điểm lập các báo cáo tài chính này Ngân hàng cũng đã thanh toán được 19.466.230 triệu đồng tiền gốc và lãi liên quan đến khoản vay tái cấp vốn từ NHNN. Phương án cơ cấu lại nguồn huy động từ thị trường 2 do Ngân hàng xây dựng cũng đã được NHNN phê duyệt. Ban Điều hành của Ngân hàng tin tưởng rằng với việc thực hiện các biện pháp nêu trên thì Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Vì vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.


Cổng ty TNHH Ernst & Young Việt Nam


Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2013


Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1103/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	5	4.334.887	2.027.901
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	3.198.842	294.747
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	7	1.832.676	7.248.244
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	7.1	547.336	7.248.244
Cho vay các TCTD khác	7.2	1.285.340	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
Chứng khoán kinh doanh	8	-	18.772
Chứng khoán kinh doanh		-	72.676
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(53.904)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	97.192	828.409
Cho vay khách hàng		87.165.574	64.418.900
Cho vay khách hàng	10	88.154.900	66.070.088
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(989.326)	(1.651.188)
Chứng khoán đầu tư	12	11.314.978	13.898.501
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.386.236	6.801.098
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		7.000.000	7.100.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(71.258)	(2.597)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	71.558	541.887
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác		71.784	553.674
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(226)	(11.787)
Tài sản cố định	14	2.589.928	2.196.888
Tài sản cố định hữu hình	14.1	916.626	887.266
Nguyên giá tài sản cố định		1.256.728	1.114.967
Hao mòn tài sản cố định		(340.102)	(227.701)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	14.2	1.673.302	1.309.622
Nguyên giá tài sản cố định		1.703.678	1.328.003
Hao mòn tài sản cố định		(30.376)	(18.381)
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-	-
Tài sản có khác	15	38.599.925	53.339.889
Các khoản phải thu	15.1	10.167.273	43.492.345
Các khoản lãi, phí phải thu	15.3	17.027.462	9.466.723
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
Tài sản có khác	15.4	11.482.518	550.182
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15.5	(77.328)	(169.361)
TỔNG TÀI SẢN		149.205.560	144.814.138

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	16	9.772.303	18.133.852
Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	18.250.965	33.899.198
Tiền gửi của các TCTD khác	17.1	15.369.503	30.806.871
Vay các TCTD khác	17.2	2.881.462	3.092.327
Tiền gửi của khách hàng	18	79.192.921	58.633.444
Các công cụ tài chính phải sinh và các công nợ tài chính khác		-	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	19	6.672	10.203
Phát hành giấy tờ có giá	20	11.949.302	19.331.272
Các khoản nợ khác	21	18.663.332	3.471.666
Các khoản lãi, phí phải trả		2.851.142	2.659.197
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác		15.809.343	806.068
Dự phòng rủi ro khác		2.847	6.401
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		137.835.495	133.479.635
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ	23	11.370.065	11.334.503
Vốn		10.592.049	10.592.049
Vốn điều lệ	23.1	10.583.801	10.583.801
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	23.1	45	45
Thặng dư vốn cổ phần	23.1	95.912	95.912
Cổ phiếu quỹ	23.1	(87.709)	(87.709)
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Trái phiếu chuyển đổi		-	-
Vốn khác		-	-
Các quỹ dự trữ	23.1	415.941	414.459
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	23.1	362.075	327.995
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		149.205.560	144.814.138

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		22.639	24.992
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		85.884	88.039
Bảo lãnh khác		152.109	685.953
		260.632	798.984
Trừ: giá trị ký quỹ		(23.684)	(49.212)
	37	236.948	749.772

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:







Ông Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc Kế toán

Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán trưởng

Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm 2012 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	17.317.298
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	27	(14.121.347)
Thu nhập lãi thuần		3.195.951
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		28.405
Chi phí hoạt động dịch vụ		(37.285)
Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	28	(8.880)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	(1.104.279)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	(41.153)
Thu nhập từ hoạt động khác	31	1.272.472
Chi phí từ hoạt động khác		(12.754)
Lãi thuần từ hoạt động khác		1.259.718
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	9.504
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		3.310.861
Chi phí nhân viên		(693.078)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(125.047)
Chi phí hoạt động khác		(1.535.294)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	33	(2.353.419)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		957.442
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	11	(880.243)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		77.199
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.1	(13.364)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(13.364)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU		63.835
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	24	61

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:


Ông Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc Kế toán


Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán trưởng


Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2013
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm 2012 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		6.459.370
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả		(13.929.178)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(8.880)
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		(384.933)
Thu nhập khác		165.999
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		9.058
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(2.126.356)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	22.1	(20.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		(9.835.680)
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		756.645
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		508.800
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		731.217
Giảm các khoản cho vay khách hàng		2.938.605
Giảm khác về tài sản hoạt động		7.111.622
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(8.361.549)
Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		(13.487.783)
Tăng tiền gửi của khách hàng		14.085.786
Giảm phát hành giấy tờ có giá		(7.450.207)
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng chịu rủi ro		(3.531)
Tăng khác về công nợ hoạt động		14.091.557
Chi từ các quỹ của TCTD	23.1	(7.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.077.766

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm 2012 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định		(511.955)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		120
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	32	9.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(502.331)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		575.435
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	34	7.528.906
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		(23.276)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	34	8.081.065

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc Kế toán

Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán trưởng

Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn với tên tiếng Anh là Saigon Commercial Bank được Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước chính thức cấp Giấy phép số 283/GP-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2011 về việc thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn trên cơ sở hợp nhất tự nguyện của ba ngân hàng là Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Đệ Nhất và Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa. Ngân hàng TMCP Sài Gòn (ngân hàng hợp nhất) chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà Nước cho phép.

Vốn điều lệ

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 283/GP-NHNN, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012, vốn điều lệ của Ngân hàng là 10.583.801 triệu đồng. Vốn điều lệ của Ngân hàng không thay đổi trong năm 2012.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một (01) Sở Giao dịch, bốn mươi chín (49) Chi nhánh, một trăm hai mươi mốt (121) Phòng Giao dịch, năm mươi bảy (57) Quỹ Tiết kiệm và hai (02) Điểm Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012, Ngân hàng có ba (03) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309818866 ngày 12/9/2011	Quản lý nợ, mua bán nợ, xác định giá trị tài sản, khai thác và quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309893373 ngày 30/3/2010	Quản lý nợ, mua bán nợ, xác định giá trị tài sản, khai thác và quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Đệ Nhất	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310342437 ngày 27/9/2010	Quản lý nợ, mua bán nợ, xác định giá trị tài sản, khai thác và quản lý tài sản	100%

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG (TIẾP THEO)

Công ty con (tiếp theo)

Được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà Nước theo Công văn số 6758/NHNN-TTGSNH ngày 17 tháng 10 năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện việc hợp nhất ba công ty con nói trên thành Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Công ty này chính thức hoạt động kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312083851 và tiếp nhận toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của ba công ty trước khi hợp nhất.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.995 nhân viên (tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 là 4.185 nhân viên).

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Do Ngân hàng chính thức hoạt động vào ngày 1 tháng 1 năm 2012 nên kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là kỳ kế toán năm đầu tiên của Ngân hàng sau khi hợp nhất.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng và công ty con là đồng Việt Nam (“VNĐ”).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Điều hành của Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

3.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không được cung cấp các thông tin về các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam, và ngoài ra những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

3.3 Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó.

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4.1 Hoạt động liên tục

Như được trình bày trong *Thuyết minh 42.3. - Rủi ro thanh khoản*, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có các khoản nợ đã quá hạn thanh toán bao gồm tiền vay NHNN, tiền gửi và vay các TCTD khác và các khoản nợ khác, Ngân hàng đồng thời cũng có một số khoản phải thu đã quá hạn nhưng chưa thu hồi được gây ra khó khăn về thanh khoản và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Ban Điều hành của Ngân hàng đã nhận biết được các vấn đề này và đã thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì hoạt động kinh doanh liên tục như tăng cường thu hồi các khoản nợ đến hạn và nợ xấu, duy trì tiền gửi của các khách hàng cũ và tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới, tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các TCTD khác, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động... Đồng thời, Ngân hàng cũng đang tiếp tục thực hiện các giải pháp cơ cấu danh mục tài sản có và tái cấu trúc Ngân hàng để ổn định hoạt động và nâng cao thanh khoản của Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng đã lên kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 10.583.801 triệu đồng lên 13.583.801 triệu đồng trong năm 2013 nhằm tăng cường năng lực tài chính của Ngân hàng. Tính đến thời điểm lập các báo cáo tài chính này Ngân hàng cũng đã thanh toán được 19.466.230 triệu đồng tiền gốc và lãi liên quan đến khoản vay tái cấp vốn từ NHNN. Phương án cơ cấu lại nguồn huy động từ thị trường 2 do Ngân hàng xây dựng cũng đã được NHNN phê duyệt. Ban Điều hành của Ngân hàng tin tưởng rằng với việc thực hiện các biện pháp nêu trên thì Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Vì vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.5 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ dưới đây:

Vào ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo qui định của Thông tư này, riêng năm 2012, doanh nghiệp được sử dụng số dư Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT- BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính đến 31/12/2011 (nếu có) để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động. Nếu số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ hoặc doanh nghiệp không có số dư Quỹ để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc làm trong năm 2012) doanh nghiệp hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của doanh nghiệp, doanh nghiệp không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng.

Trong năm 2012, Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 180. Xem Thuyết minh 4.20.2 - Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, cho vay và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4.2 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.3 Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, các tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản cho vay sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính.

Ngày 23 tháng 4 năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 780/QĐ- NHNN về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Theo đó, các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Ngân hàng đã tuân thủ quy định này trong năm.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng chung

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ- NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

4.4 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và chứng khoán khác được Ngân hàng và công ty con mua hần và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi và cổ tức thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
 B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.10 Thuê tài sản

Ngân hàng hoặc công ty con đi thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tiền thuê phải trả được hạch toán theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục chi phí hoạt động khác trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.11 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 25 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

4.12 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “*Chi phí hoạt động*” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.13 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo đối ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và các công ty con mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại *Thuyết minh 47*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VNĐ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- » Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- » Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- » Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- » Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.16 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.17 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại *Thuyết minh 4.3*. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục *"Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng"* trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.18 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VNĐ của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản – khoản mục *"Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác"* nếu dương hoặc khoản mục công nợ – khoản mục *"Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác"* nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục *"Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối"* trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục *"Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối"*.

4.19 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.20 Lợi ích của nhân viên

4.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.20 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

4.20.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64/1999/TT-BTC, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bằng 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82/2003/TT-BTC. Theo đó, Ngân hàng và công ty con đã trích lập dự phòng trợ cấp mất việc theo tỷ lệ là 1-3% cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Trong năm 2012, Ngân hàng và công ty con đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào thu nhập trong năm theo qui định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Trong năm 2012, Ngân hàng cũng đã thống kê số lượng nhân viên đã tham gia làm việc tại ba Ngân hàng trước hợp nhất từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 đến nay và tỷ lệ thôi việc hàng năm của những nhân viên này. Tuy nhiên kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ thôi việc hàng năm của nhân viên không đáng kể. Theo đó, Ngân hàng không thực hiện việc trích lập quỹ Dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm 2012.

4.20.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC VÀ ĐÁ QUÝ

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	600.924	1.195.325
Tiền mặt bằng ngoại tệ	235.073	140.533
Vàng	3.498.890	692.043
	4.334.887	2.027.901

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, tiền mặt bằng ngoại tệ và vàng được quy đổi sang VND theo tỷ giá như trình bày tại *Thuyết minh 47 - Tỷ giá một số loại ngoại tệ so với VND*.

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
Bằng VND	2.772.560	260.291
Bằng ngoại tệ	426.282	34.456
	3.198.842	294.747

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,05%/năm.

Mức dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN tại thời điểm đầu ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

- Đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng của khách hàng bằng VND và bằng ngoại tệ có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 3,00% và 8,00%.
- Đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên của khách hàng bằng VND và bằng ngoại tệ có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 1,00% và 6,00%.

7. TIỀN, VÀNG GỬI VÀ CHO VAY TẠI CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	547.336	7.248.244
Cho vay các TCTD khác	1.285.340	-
	1.832.676	7.248.244

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

7. TIỀN, VÀNG GỬI VÀ CHO VAY TẠI CÁC TCTD KHÁC (TIẾP THEO)

7.1 Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng VNĐ	219.973	2.136.993
Bằng ngoại tệ	327.363	58.136
	547.336	2.195.129
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn		
Bằng VNĐ	-	1.931.162
Bằng ngoại tệ, vàng	-	3.121.953
	-	5.053.115
	547.336	7.248.244

Tiền, vàng gửi không kỳ hạn ("KKH") tại các TCTD bao gồm:

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng VND	219.973	2.136.993
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	202.603	42.671
Tiền gửi KKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	124.760	15.465
	547.336	2.195.129

Mức lãi suất của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 %/năm	1/1/2012 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	0,00 - 2,40	0,24 - 2,40
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, vàng	0,00- 1,50	0,00 - 0,10
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	Không áp dụng	8,70 - 19,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ, vàng	Không áp dụng	0,10 - 5,00

Theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18/06/2012, các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thực hiện các hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác kể từ ngày có hiệu lực của Thông tư này (ngày 01/09/2012). Theo đó, để đảm bảo việc tuân thủ quy định của Thông tư này, Ngân hàng đã tắt toán các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác.

7.2 Cho vay các TCTD khác

Đây là khoản cho vay bằng USD với thời hạn là 273 ngày, và hưởng lãi suất từ 3,02% đến 3,50%/năm. Lãi suất được điều chỉnh hàng quý.

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Chứng khoán Vốn		
Do các TCTD khác phát hành	-	-
Do các TCKT trong nước phát hành	-	72.676
	-	72.676
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(53.904)
		18.772

Trong năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện phân loại lại toàn bộ danh mục chứng khoán kinh doanh sang chứng khoán sẵn sàng để bán (*Thuyết minh 12.2 - Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán*).

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá cuối kỳ kế toán)	
		Tài sản triệu đồng	Nợ phải trả triệu đồng
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.334.760	97.192	-
Số thuần		97.192	
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 1 tháng 1 năm 2012			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	21.508.101	833.821	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	2.011.908	-	(5.412)
	23.520.009	833.821	(5.412)
Số thuần		828.409	

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	88.005.471	65.329.019
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	123.647	-
Các khoản trả thay khách hàng	23.068	84.935
Cho vay bằng vốn nhận của tổ chức, cá nhân khác	2.714	6.991
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	-	649.143
	88.154.900	66.070.088

Mức lãi suất cho vay khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 %/năm
Cho vay khách hàng bằng VNĐ	12,00 - 22,50
Cho vay khách hàng bằng ngoại tệ	6,50 - 10,50

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	80.390.550	57.589.981
Nợ cần chú ý	1.391.065	3.690.045
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.810.805	551.692
Nợ nghi ngờ	1.613.404	1.617.490
Nợ có khả năng mất vốn	2.949.076	2.620.880
	88.154.900	66.070.088

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	19.861.817	25.143.627
Nợ trung hạn	51.159.318	36.213.062
Nợ dài hạn	17.133.765	4.713.399
	88.154.900	66.070.088

10.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2012		1/1/2012	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Hộ kinh doanh, cá nhân	69.079.312	78,36	40.693.954	61,59
Công ty cổ phần khác	10.562.439	11,98	9.123.874	13,81
Công ty TNHH khác	5.599.363	6,35	11.979.048	18,13
Công ty TNHH nhà nước	1.127.028	1,28	1.166.872	1,77
Doanh nghiệp tư nhân	1.661.736	1,89	258.376	0,39
Công ty Cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	100.257	0,11	115.596	0,18
Công ty Nhà nước	24.326	0,03	23.068	0,03
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	439	0,00	131.125	0,20
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	-	0,00	2.575.176	3,90
Khác	-	0,00	2.999	0,00
	88.154.900	100,00	66.070.088	100,00

10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2012		1/1/2012	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Hoạt động dịch vụ khác	61.629.507	69,91	28.581.035	43,26
Hoạt động kinh doanh bất động sản	8.264.988	9,38	8.842.629	13,37
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	7.138.809	8,10	9.077.365	13,74
Xây dựng	4.533.570	5,14	5.910.951	8,95
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	2.542.875	2,88	7.407.337	11,21
Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.677.120	1,90	2.887.105	4,37
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	636.000	0,72	1.184.312	1,79
Giáo dục và đào tạo	536.664	0,61	697.384	1,06
Dịch vụ lưu trú ăn uống	481.605	0,55	496.906	0,75
Vận tải kho bãi	288.333	0,33	484.850	0,73
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	189.793	0,22	191.269	0,29
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	105.504	0,12	143.191	0,22
Khai khoáng	105.091	0,12	109.945	0,17
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	19.993	0,02	33.408	0,05
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	2.023	0,00	3.453	0,01
Thông tin và truyền thông	1.984	0,00	13.946	0,02
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	600	0,00	-	0,00
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	441	0,00	4.802	0,01
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	-	0,00	200	0,00
	88.154.900	100,00	66.070.088	100,00

11. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, Quyết định số 780/2012/QĐ-NHNN. Theo đó hàng năm dự phòng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 được trích lập dựa trên kết quả phân loại nợ cho vay và các khoản mục ngoại bảng tại ngày 30 tháng 11.

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	989.326	1.651.188
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng	2.847	6.401
	992.173	1.657.589

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

11. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP THEO)

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm hiện hành như sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1/1/2012	1.154.491	503.098	1.657.589
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	1.042.915	52.074	1.094.989
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(143.726)	(71.020)	(214.746)
Số dự phòng đã dùng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(1.339.526)	-	(1.339.526)
Số dư tại ngày 30/11/2012	714.154	484.152	1.198.306
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(206.133)	-	(206.133)
Số dư tại ngày 31/12/2012	508.021	484.152	992.173

Chi tiết phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay và các cam kết ngoại bảng tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định số 493/2005/QĐ- NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

	Dư nợ triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng số dự phòng triệu đồng
<i>Các khoản cho vay khách hàng</i>				
Nợ đủ tiêu chuẩn	59.974.229	-	443.403	443.403
Nợ cần chú ý	534.152	7.963	7.218	15.181
Nợ dưới chuẩn	6.015.830	146.487	15.078	161.565
Nợ nghi ngờ	3.915.025	352.241	15.606	367.847
Nợ có khả năng mất vốn	3.138.967	207.463	-	207.463
	73.578.203	714.154	481.305	1.195.459
<i>Các cam kết ngoại bảng</i>				
Nợ đủ tiêu chuẩn	379.588	-	2.847	2.847
Nợ cần chú ý	-	-	-	-
Nợ dưới chuẩn	-	-	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	261	-	-	-
	379.849	-	2.847	2.847
Tổng cộng	73.958.052	714.154	484.152	1.198.306

Được sự chấp thuận của NHNN theo Công văn số 171/NHNN-TGS.SCB.m ngày 7 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng đã tiến hành nhận tài sản để cầm trự nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay tương ứng với tổng dư nợ là 8.222.555 triệu đồng, trong đó có 6.265.173 triệu đồng dư nợ đã bị quá hạn tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2012 (1.957.382 triệu đồng dư nợ còn lại đến hạn trong tháng 12 nhưng không có khả năng thu hồi). Theo đó, Ngân hàng đã không trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản vay với tổng dư nợ 6.265.173 triệu đồng nói trên tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2012. Xem thêm tại *Thuyết minh 15.4 - Tài sản có khác*.

Trong năm 2012, theo hướng dẫn của Quyết định số 780/QĐ-NHNN, Ngân hàng đã thực hiện việc phân loại nợ với đối với các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Tổng số dư nợ được phân loại nợ theo hướng dẫn của Quyết định số 780/QĐ-NHNN tính đến thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2012 là 19.330.475 triệu đồng, đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 22.387.301 triệu đồng.

Ngoài ra, trong năm 2012, được sự chấp thuận của NHNN Việt Nam đối với Đề án hợp nhất và tái cấu trúc ngân hàng của Ngân hàng, Ngân hàng đã thực hiện việc thu hồi và cơ cấu các khoản nợ xấu, các khoản ủy thác đầu tư và các khoản tạm ứng có chất lượng thấp để thay thế bằng khoản vay mới có chất lượng tín dụng và chất lượng tài sản đảm bảo tốt hơn dựa trên cơ sở kết quả định giá độc lập tài sản đảm bảo. Như trình bày ở trên, Ngân hàng cũng nhận tài sản đảm bảo để cầm trự nghĩa vụ trả nợ của một số khoản nợ xấu. Theo đó, tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, 7.376.742 triệu đồng dư nợ xấu đã được thu hồi và thay thế bằng các khoản vay mới, 8.222.555 triệu đồng dư nợ xấu đã được thu hồi và cầm trự với giá trị tài sản đảm bảo, 25.316.675 triệu đồng bao gồm các khoản tài sản có khác có rủi ro tín dụng cao cũng đã được thu hồi và thay thế bằng các khoản vay mới. Các khoản vay mới sẽ được phân loại nợ theo hướng dẫn của Quyết định số 493/2005/QĐ- NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán Nợ</i>		
Chứng khoán Chính phủ	116.496	2.480.685
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	4.104.444	4.137.462
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	-	140.000
	4.220.940	6.758.147
<i>Chứng khoán Vốn</i>		
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	146.629	3.233
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	18.667	39.718
	165.296	42.951
Tổng	4.386.236	6.801.098
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(71.258)	(2.597)
Giá trị thuần	4.314.978	6.798.501
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
<i>Chứng khoán Nợ</i>		
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	7.000.000	7.000.000
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	-	100.000
	7.000.000	7.100.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Giá trị thuần	7.000.000	7.100.000
TỔNG CỘNG	11.314.978	13.898.501

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
 B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

12.1 Chứng khoán Nợ đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2012		1/1/2012	
	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị hiện tại triệu đồng	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị hiện tại triệu đồng
<i>Chứng khoán Nợ do Chính phủ phát hành</i>				
Trái phiếu chính phủ (a)	116.496	116.496	2.475.612	2.480.685
<i>Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Trang (b)	2.424.444	2.424.444	2.457.462	2.457.462
Công ty Cổ phần Vincom (c)	500.000	500.000	500.000	500.000
Công ty Cổ phần XNK Hà Anh (d)	300.000	300.000	300.000	300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Haco (d)	300.000	300.000	300.000	300.000
Công ty Cổ phần Phát triển dự án Biển Đông (d)	300.000	300.000	300.000	300.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Lương (d)	280.000	280.000	280.000	280.000
	4.104.444	4.104.444	4.137.462	4.137.462
<i>Chứng khoán Nợ do các TCTD trong nước phát hành</i>				
Trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	140.000	140.000
TỔNG CỘNG	4.220.940	4.220.940	6.753.074	6.758.147

- (a) Trái phiếu Chính phủ bằng VND có thời hạn từ 2 năm đến 5 năm và có lãi suất từ 9,65%/năm đến 11,1%/năm, lãi được trả hàng năm.
- (b) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Địa ốc Ô tô Phương Trang phát hành ngày 30 tháng 10 năm 2009, có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 30 tháng 10 năm 2014 nhằm mục đích đầu tư vào vào Dự án khu phức hợp thương mại đô thị cao tầng tại Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng. Trái phiếu này được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất thuộc quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng và một phần tài sản của dự án. Lãi suất áp dụng trong năm 2012 của trái phiếu do Công ty Cổ phần Địa ốc Ô tô Phương Trang phát hành là 15,50%/năm. Ngân hàng hiện đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thu hồi trước hạn các trái phiếu này theo yêu cầu của NHNN do Công ty Phương Trang sử dụng nguồn vốn không đúng mục đích đầu tư ban đầu. Ngoài ra, trái phiếu này hiện đang được cầm cố tại một TCTD khác để đảm bảo cho các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến Hợp đồng tiền gửi của TCTD này tại Ngân hàng.
- (c) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Vincom phát hành có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 6 tháng 5 năm 2013. Trái phiếu này không có tài sản đảm bảo. Tiền gốc của các trái phiếu này sẽ được hoàn trả một lần khi đáo hạn đúng bằng mệnh giá trái phiếu. Lãi suất áp dụng trong năm 2012 của trái phiếu do Công ty Cổ phần Vincom phát hành là 15,50%/năm, lãi được trả hàng năm.
- (d) Các trái phiếu này phát hành ngày 29 tháng 6 năm 2009 có thời hạn 5 năm đáo hạn ngày 29 tháng 6 năm 2014 nhằm mục đích đầu tư vào các dự án Hạ tầng khu đô thị mới Cao Xanh - Hà Khánh C - Hạ Long, dự án thủy điện Minh Lương - Lào Cai, dự án Kỳ quan thế giới và du lịch nghỉ dưỡng cao cấp - Đà Lạt, dự án công viên hoa - Kỳ quan thế giới và nghỉ dưỡng sinh thái tại Hồ Tuyền Lâm - Đà Lạt. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án bao gồm quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trên đất. Lãi suất áp dụng trong năm 2012 của các trái phiếu này là 22,00%/năm, lãi được trả hàng năm. Ngân hàng hiện đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thu hồi trước hạn các trái phiếu này theo yêu cầu của NHNN do tập đoàn Haco sử dụng nguồn vốn không đúng mục đích đầu tư ban đầu. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, lãi dự thu của các trái phiếu này là 463.032 triệu đồng. Ngân hàng đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho phần lãi dự thu của năm 2011 với số tiền là 60.632 triệu đồng tương ứng với

tỷ lệ 30% Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Ngày 17 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình Haco đã gửi công văn số 17.12/HACO.12 về kế hoạch trả gốc và lãi trái phiếu công trình. Theo đó, Tập đoàn Haco đề nghị được thanh toán các khoản lãi phát sinh bắt đầu từ Quý I/2013. Vào ngày 28 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng đã có văn bản chấp thuận đề nghị của Tập đoàn Haco.

12.2 Chứng khoán Vốn đầu tư sẵn sàng để bán

Thay đổi khoản chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	Năm 2012 triệu đồng
Số dư đầu năm	42.951
Kết chuyển từ chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	72.676
Kết chuyển từ đầu tư dài hạn (Thuyết minh 13)	81.890
Giảm trong năm	(32.221)
Số dư cuối năm	165.296

Chi tiết danh mục chứng khoán Vốn đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	31/12/2012		1/1/2012	
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng
<i>Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành</i>				
Quỹ đầu tư Việt Nam (VIF)	30.000	18.120	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTT)	15.772	6.798	-	-
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	10.619	3.357	-	-
Công ty Cổ phần Cơ điện và xây dựng Việt Nam (MCG)	9.352	1.235	-	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	9.196	9.196	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà Đà Nẵng (NDN)	9.180	4.860	-	-
Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na	9.000	9.000	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng số 1 (VC1)	8.731	2.068	-	-
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	7.500	7.500	-	-
Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại (PPC)	6.815	2.779	-	-
Công ty Cổ phần vận tải biển và Bất động sản Việt Hải (VSP)	5.956	140	-	-
Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO (VIP)	4.446	1.040	-	-
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và xây dựng (MCV)	4.337	1.810	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Sông Đà (SIC)	4.272	666	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Bình Chánh (BCI)	3.233	657	3.233	636
Công ty Cổ phần dịch vụ thẻ Smartlink	3.000	3.000	-	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Trí Việt	2.845	2.845	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn(SCJ)	2.375	300	-	-
	146.629	75.371	3.233	636
<i>Chứng khoán Vốn do các TCTD trong nước phát hành</i>				
Ngân hàng TMCP Bản Việt	18.140	18.140	6.970	6.970
Ngân hàng TMCP Á Châu	527	527	527	527
Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	-	32.221	32.221
	18.667	18.667	39.718	39.718
Tổng cộng	165.296	94.038	42.951	40.354
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(71.258)		(2.597)	
Giá trị thuần	94.038		40.354	

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

12.3 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2012		1/1/2012	
	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị hiện tại triệu đồng	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị hiện tại triệu đồng
<i>Chứng khoán Nợ do TCKT trong nước phát hành</i>				
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An (*)	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Thanh Phú (*)	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Sóng Đà	200.000	200.000	200.000	200.000
	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000
<i>Chứng khoán Nợ do TCTD trong nước phát hành</i>				
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	-	100.000	100.000
	7.000.000	7.000.000	7.100.000	7.100.000

(*) Đây là các trái phiếu được phát hành nhằm mục đích đầu tư vào Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Dân cư - tái định cư và khai thác hầm đất Đại Lộc và Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp - Khu dân cư sinh thái Tân Thành tại tỉnh Long An. Các trái phiếu này phát hành ngày 18 tháng 10 năm 2011, có thời hạn 5 năm, lãi suất mỗi năm điều chỉnh 1 lần vào ngày thanh toán lãi (lãi suất năm thứ nhất là 22%/năm), định kỳ trả lãi hàng năm.

12.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Chi tiết thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong kỳ như sau:

	Năm 2012 triệu đồng
<i>Số dư đầu năm</i>	2.597
Số dự phòng đã trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	8.820
Số dự phòng hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 31)	(5.535)
Tăng do phân loại lại từ chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	53.904
Tăng do phân loại lại từ đầu tư dài hạn (Thuyết minh 13)	11.472
<i>Số dư cuối năm</i>	71.258

12.5 Tình trạng niêm yết của chứng khoán đầu tư

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>		
<i>Chứng khoán Nợ</i>		
Chứng khoán Chính phủ		
<i>Đã niêm yết</i>	-	-
<i>Chưa niêm yết</i>	116.496	2.480.685
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành		
<i>Đã niêm yết</i>	-	-
<i>Chưa niêm yết</i>	-	140.000
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành		
<i>Đã niêm yết</i>	-	-
<i>Chưa niêm yết</i>	4.104.444	4.137.462
<i>Chứng khoán Vốn</i>		
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành		
<i>Đã niêm yết</i>	527	527
<i>Chưa niêm yết</i>	18.140	39.191
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành		
<i>Đã niêm yết</i>	74.795	3.233
<i>Chưa niêm yết</i>	71.834	-
<i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành		
<i>Đã niêm yết</i>	-	-
<i>Chưa niêm yết</i>	-	100.000
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành		
<i>Đã niêm yết</i>	-	-
<i>Chưa niêm yết</i>	7.000.000	7.000.000
	11.386.236	13.901.098

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác	71.784	553.674
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(226)	(11.787)
	71.558	541.887

Biến động khoản đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2012 triệu đồng
Số dư đầu năm	553.674
Phân loại lại sang chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 12.2)	(81.890)
Phân loại lại sang tài sản Có khác (Thuyết minh 15.4)	(400.000)
	71.784
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(226)
Số dư cuối năm	71.558

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2012			1/1/2012		
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty CP Chứng khoán Tân Việt	38.500	38.500	11,00	38.500	38.500	11,00
Công ty CP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	9.900	9.900	9,00	9.900	9.900	9,00
Công ty CP Đầu tư PCB	7.962	7.962	9,84	7.962	7.962	9,84
Công ty CP Sài Gòn Kim Liên	7.326	7.326	9,90	7.326	7.326	9,90
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Qui Nhơn	6.250	6.250	8,33	6.250	6.250	8,33
Công ty CP Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long	1.846	1.620	4,63	1.846	1.531	8,33
Công ty TNHH Tân Thuận Nam (*)	-	-	-	400.000	400.000	11,00
Quỹ Đầu tư Việt Nam (*)	-	-	-	30.000	18.528	2,22
CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng (*)	-	-	-	9.180	9.180	10,00
Công ty CP Thủy Điện Hủa Na (*)	-	-	-	9.000	9.000	1,05
Công ty CP Dây và Cáp điện Việt Thái (*)	-	-	-	7.500	7.500	10,00
Công ty CP Thẻ Smartlink (*)	-	-	-	3.000	3.000	6,00
Ngân hàng TMCP Bản Việt (*)	-	-	-	11.169	11.169	0,37
Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rộng (*)	-	-	-	9.196	9.196	2,73
Công ty CP Chứng khoán Thái Bình Dương (*)	-	-	-	2.845	2.845	2,92
	71.784	71.558		553.674	541.887	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(226)			(11.787)		
	71.558			541.887		

(*) Trong năm, Ngân hàng đã thực hiện việc phân loại lại các khoản góp vốn đầu tư dài hạn sang chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và tài sản Có khác với giá trị lần lượt là 81.890 triệu đồng và 400.000 triệu đồng.

Tình hình biến động của số dư dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2012 triệu đồng
Số dư đầu năm	11.787
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(89)
Giảm do phân loại lại chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 12.4)	(11.472)
Số dư cuối năm	226

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Thiết bị, dụng cụ quản lý triệu đồng	TSCĐ khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	698.083	192.124	142.593	66.863	15.304	1.114.967
Mua trong năm	5.573	121.607	704	4.281	3.320	135.485
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.132	-	-	-	-	6.132
Thanh lý, nhượng bán	(86)	(254)	-	(260)	(147)	(747)
Phân loại lại	729	1.351	(268)	(1.210)	289	891
Số dư cuối năm	710.431	314.828	143.029	69.674	18.766	1.256.728
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	64.452	83.266	41.519	31.610	6.854	227.701
Khấu hao trong năm	40.393	38.395	17.970	13.139	3.155	113.052
Thanh lý, nhượng bán	(67)	(245)	-	(242)	(97)	(651)
Phân loại lại	(79)	1.226	(82)	(1.214)	149	-
Số dư cuối năm	104.699	122.642	59.407	43.293	10.061	340.102
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	633.631	108.858	101.074	35.253	8.450	887.266
Số dư cuối năm	605.732	192.186	83.622	26.381	8.705	916.626

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Cam kết mua TSCĐ có giá trị lớn trong tương lai	282.872	124.327
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	1.171.762	-
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	50.138	14.793

14.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất triệu đồng	Phần mềm máy vi tính triệu đồng	Tài sản khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.289.427	38.263	313	1.328.003
Mua trong năm	301.604	74.962	-	376.566
Phân loại lại	(891)	313	(313)	(891)
Số dư cuối năm	1.590.140	113.538	-	1.703.678
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	947	17.304	130	18.381
Phân loại lại	-	130	(130)	-
Khấu hao trong năm	798	11.197	-	11.995
Số dư cuối năm	1.745	28.631	-	30.376
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.288.480	20.959	183	1.309.622
Số dư cuối năm	1.588.395	84.907	-	1.673.302

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Các khoản phải thu, trong đó:	10.167.273	43.492.345
- Các khoản phải thu (Thuyết minh 15.1)	8.814.067	41.870.401
- Mua sắm tài sản cố định (Thuyết minh 15.2)	1.320.683	1.583.720
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	32.523	38.224
Các khoản lãi, phí phải thu (Thuyết minh 15.3)	17.027.462	9.466.723
Tài sản có khác (Thuyết minh 15.4)	11.482.518	550.182
	38.677.253	53.509.250
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (Thuyết minh 15.5)	(77.328)	(169.361)
	38.599.925	53.339.889

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (TIẾP THEO)

15.1 Các khoản phải thu

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (a)	4.807.128	6.278.033
Cầm cố vàng tại các TCTD khác (b)	2.263.270	10.410.900
Lãi phải thu từ Hợp đồng đặt cọc mua chứng khoán (c)	724.272	-
Tạm ứng cho hợp đồng mua vàng kỳ hạn (d)	513.181	6.059.744
Phải thu bán cổ phiếu trả chậm (e)	326.282	526.282
Tạm ứng thuế TNDN	70.831	71.216
Đặt cọc môi giới chứng khoán	-	17.976.007
Các khoản phải thu khác từ góp vốn đầu tư	-	204.000
Thanh toán mua tài sản có thời hạn chuộc lại	-	170.000
Các khoản phải thu khác	109.103	174.219
	8.814.067	41.870.401
Trừ: Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(77.328)	(169.361)
	8.736.739	41.701.040

- (a) Đây là các hợp đồng Ngân hàng mua và cam kết bán lại cổ phiếu (repo) đối với các cá nhân với thời hạn dưới 12 tháng. Trong năm 2012, được sự phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước theo Công văn số 35/NHNN-TTGSNH.m ngày 21 tháng 1 năm 2013, Ngân hàng đã thực hiện việc cơ cấu lại một phần danh mục repo với số tiền là 1.437.493 triệu đồng và thay thế bằng các khoản cho vay có chất lượng tài sản đảm bảo tốt hơn. Các hợp đồng repo còn lại đã được Ngân hàng gia hạn đến tháng 6 năm 2013.
- (b) Đây là số vàng đang được cầm cố tại các TCTD khác để đảm bảo nghĩa vụ phát sinh liên quan đến các hợp đồng tiền gửi của các TCTD này tại Ngân hàng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, các hợp đồng cầm cố này đã được gia hạn.
- (c) Đây là khoản lãi phải thu phát sinh từ hợp đồng đặt cọc mua chứng khoán tại các công ty quản lý quỹ. Trong năm 2012, được sự phê duyệt của NHNN theo Công văn số 950/NHNN-TTGSNH.m ngày 26 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện cơ cấu lại các khoản đặt cọc nói trên và một phần lãi dự thu để thay thế bằng các khoản cho vay mới.
- (d) Đây là khoản ứng trước cho mục đích thực hiện các hợp đồng mua vàng kỳ hạn được Ngân hàng ký kết với Doanh nghiệp tư nhân Kinh doanh vàng trang sức Kim Huy ("Kim Huy"). Theo điều khoản của các hợp đồng này, Ngân hàng sẽ ứng trước một khoản tiền cho Kim Huy và sẽ nhận vàng vào ngày thực hiện hợp đồng của hợp đồng mua vàng kỳ hạn. Trường hợp Kim Huy không thực hiện giao dịch theo đúng như cam kết của hợp đồng thì sẽ chịu mức phạt từ 24% đến 27%/năm trên tổng số tiền đã ứng trước. Trong năm, được sự phê duyệt của NHNN theo Công văn số 950/NHNN-TTGSNH.m ngày 26 tháng 12 năm 2012 và Công văn số 35/NHNN-TTGSNH.m ngày 21 tháng 1 năm 2013, Ngân hàng đã thực hiện xử lý và cơ cấu lại một số hợp đồng kỳ hạn và thay thế bằng các khoản vay mới. Theo đó một phần số tiền ứng trước cho mục đích thực hiện hợp đồng kỳ hạn là 5.546.000 triệu đồng đã được tất toán. Các hợp đồng kỳ hạn còn lại và số tiền ứng trước tương ứng đã được Ngân hàng gia hạn thực hiện trong năm 2013.
- (e) Đây là các khoản phải thu còn lại phát sinh từ nghiệp vụ chuyển nhượng cổ phiếu cho các cá nhân trong năm 2011 và được gia hạn thanh toán đến tháng 6 năm 2013.

15.2 Mua sắm tài sản cố định

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Nhà số 50-52 Phạm Hồng Thái, Quận 1, TP HCM (a)	434.022	417.825
Tòa nhà Hội sở 927 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP HCM (a)	365.800	348.542
Nhà số 54 - 56 Đồng Khởi, Quận 1, TP HCM (a)	302.100	302.118
Công trình tại 1F Láng Hạ, Hà Nội (a)	90.000	90.000
Hệ thống ngân hàng lõi (b)	40.125	50.604
Nhà số 17 Đồng Du, Quận 1, TP HCM (a)	34.000	34.000
Nhà số 46/1 Phạm Hồng Thái, Quận 1, TP HCM (a)	19.656	19.656
Hệ thống Master Card (c)	15.987	-
Các khoản khác	18.993	320.975
	1.320.683	1.583.720

- (a) Đây là các tài sản đã được Ngân hàng ký hợp đồng mua, thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị hợp đồng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng vẫn đang trong quá trình tiến hành các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sở hữu.
- (b) Đây là chi phí của hệ thống ngân hàng lõi mới của Ngân hàng. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng đã triển khai sử dụng hệ thống mới và chưa thực hiện nghiệm thu tổng thể dự án.
- (c) Đây là chi phí của hệ thống thẻ quốc tế mới của Ngân hàng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng đang trong giai đoạn triển khai hệ thống.

15.3 Các khoản lãi, phí phải thu

Bao gồm trong các khoản lãi, phí phải thu là số tiền lãi dự thu trị giá 4.744.259 triệu đồng của các khoản vay có thời hạn trả lãi hàng năm và trên một năm vào cuối thời hạn của hợp đồng tín dụng. Ban Điều hành của Ngân hàng tin tưởng rằng số tiền lãi dự thu này sẽ được các khách hàng thanh toán đầy đủ theo lịch thanh toán thỏa thuận.

15.4 Tài sản có khác

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tài sản cần trừ nợ vay (a)	10.828.783	-
Góp vốn vào dự án (b)	400.000	-
Tài sản xiết nợ (c)	144.348	137.713
Chi phí trả trước và chờ phân bổ	100.264	379.881
Tài sản có khác	9.123	32.588
	11.482.518	550.182

15.4 Tài sản có khác (tiếp theo)

- (a) Theo phê duyệt của NHNN tại Công văn số 171/NHNN-TGS.SCB.m ngày 7 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện nhận tài sản thế chấp để cản trở nợ. Theo đó, khách hàng hoặc bên bảo lãnh (chủ sở hữu tài sản) đã ký văn bản thỏa thuận với Ngân hàng về việc bàn giao tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các văn bản thỏa thuận này đã được văn phòng Thừa phát lại lập vi bằng.
- (b) Đây là khoản góp vốn đầu tư vào Dự án “Khu nhà ở cao tầng, thương mại, văn phòng, Royal Garden, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM” do Công ty TNHH Tân Thuận Nam làm chủ đầu tư.
- (c) Tài sản xiết nợ phần lớn là đất nông nghiệp. Khách hàng đã thực hiện chuyển quyền sở hữu tài sản cho Ngân hàng với trị giá là 26.160 triệu đồng. Các tài sản còn lại vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển nhượng quyền sở hữu cho Ngân hàng.

15.5 Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác

	Năm 2012 triệu đồng
Số dư dự phòng đầu năm	169.361
Trích dự phòng trong năm	157
Hoàn nhập trong năm (<i>Thuyết minh 31</i>)	(92.190)
Số dư dự phòng cuối năm	77.328

16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tiền vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	9.772.303	18.033.070
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	-	57.886
Vay thanh toán bù trừ	-	42.896
	9.772.303	18.133.852

Đây là khoản vay tài trợ vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với kỳ hạn vay 6 tháng. Tài sản cầm cố cho các khoản vay này là các bất động sản theo các hồ sơ vay của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 trị giá 36.777.018 triệu đồng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, các khoản vay này đã quá hạn, tuy nhiên được sự chấp thuận của NHNN theo Công văn số 35/NHNN-TTGSNH.m ngày 21 tháng 1 năm 2013, các khoản vay này không phải chịu lãi suất quá hạn.

17. TIỀN, VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tiền, vàng gửi các TCTD khác (Thuyết minh 17.1)	15.369.503	30.806.871
Vay các TCTD khác (Thuyết minh 17.2)	2.881.462	3.092.327
	18.250.965	33.899.198

Một phần số dư tiền gửi từ các TCTD khác được đảm bảo bằng trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Trang với tổng mệnh giá 2.424.444 triệu đồng (Thuyết minh 12.1) và tài sản cố định của Ngân hàng là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 242 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM với tổng giá trị là 315.938 triệu đồng.

17.1 Tiền, vàng gửi các TCTD khác

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	2.016.865	13.582
Bằng ngoại tệ	668	-
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	12.716.824	29.662.342
Bằng ngoại tệ	635.146	1.130.947
	15.369.503	30.806.871

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có các khoản tiền gửi của các TCTD khác đã đến hạn nhưng chưa thanh toán là 4.269.324 triệu đồng.

17.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Bảng VNĐ (*)	2.807.285	656.674
Bảng vàng và ngoại tệ	74.177	2.435.653
	2.881.462	3.092.327

(*) Đây là các khoản vay từ các TCTD khác với lãi suất từ 13,50%/năm đến 20,25%/năm. Trong đó, có một khoản vay đã quá hạn từ ngày 31 tháng 3 năm 2012 với số tiền là 104.000 triệu đồng.

18.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

Mức lãi suất của các khoản tiền gửi của khách hàng như sau:

	Năm 2012 %/năm
Tiền gửi KKH bằng VNĐ	1,40
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VNĐ	1,40
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	0,50 - 1,00
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	0,50 - 1,00
Tiền gửi CKH bằng VNĐ	2,00 - 11,80
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VNĐ	2,00 - 11,80
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	0,50 - 4,00
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	0,50 - 4,00

Trong năm 2012, Ngân hàng đã được NHNN chấp thuận việc phát hành chứng chỉ huy động ngắn hạn bằng vàng theo Công văn số 630/NHNN-QLNH.m ngày 28 tháng 8 năm 2012 và Công văn số 7019/NHNN-QLNH ngày 26 tháng 10 năm 2012.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Các khoản lãi và phí phải trả	2.851.142	2.659.197
Các khoản phải trả và công nợ khác	15.809.343	806.068
Dự phòng rủi ro khác	2.847	6.401
	18.663.332	3.471.666

Các khoản phải trả và công nợ khác bao gồm:

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ		
Các khoản phải trả công nhân viên	102.016	32.956
Quỹ trợ cấp mất việc làm	-	7.767
Doanh thu chờ phân bổ	-	18.473
Các khoản phải trả bên ngoài		
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	15.563.147	634.465
Các khoản chờ thanh toán cho khách hàng	37.410	37.993
Các khoản phải trả khác	106.770	74.414
	15.809.343	806.068

Tiền giữ hộ và đợi thanh toán bao gồm số dư vàng giữ hộ trị giá 15.271.576 triệu đồng từ dịch vụ giữ hộ vàng của khách hàng, bao gồm giữ hộ vàng có trả lợi tức cho khách hàng với giá trị 13.559.414 triệu đồng và lãi suất từ 3,95%/năm đến 5,10%/năm, và giữ hộ vàng có thu phí của khách hàng với mức phí 0,05%/năm đến 1,20%/năm. Ngân hàng đã dừng trả lợi tức giữ hộ vàng cho khách hàng từ tháng 5 năm 2012 theo đúng quy định của NHNN tại Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2011 về việc chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của TCTD và Thông tư số 12/2012/TT-NHNN ngày 27 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11.

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	(Tạm ứng)/ Phải trả đầu năm triệu đồng	Điều chỉnh số liệu đầu kỳ triệu đồng	Phát sinh trong năm		(Tạm ứng)/ Phải trả đầu năm triệu đồng
			Số phải nộp triệu đồng	Số đã nộp triệu đồng	
Thuế giá trị gia tăng	(9.489)	-	1.089	(703)	(9.103)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(71.086)	7.651	13.364	(20.760)	(70.831)
Thuế thu nhập cá nhân	30.430	-	69.232	(88.453)	11.209
	(50.145)	7.651	83.685	(109.916)	(68.725)

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2011: 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2012 triệu đồng
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	77.199
Điều chỉnh cho các khoản:	
Trừ:	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty con	(817)
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(9.504)
Hoàn quỹ lương dự phòng năm 2011 không chi hết trong năm 2012	(37.642)
Cộng:	
Chi phí khác không được khấu trừ thuế	22.135
Tổng thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	51.371
Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng theo thuế suất 25%	12.843
Chi phí thuế TNDN của công ty con	521
Tổng chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	13.364
Thuế TNDN tạm ứng đầu năm	(71.086)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(20.760)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	7.651
Thuế TNDN tạm ứng cuối năm	(70.831)

22.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận trong kỳ do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính hợp nhất.

23. VỐN VÀ QUỸ

23.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần triệu đồng	Cổ phiếu quỹ triệu đồng	Quỹ đầu tư phát triển triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng	Quỹ khác triệu đồng	Khen thưởng, phúc lợi triệu đồng	Quỹ xây dựng cơ bản triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu năm	10.583.801	95.912	(87.709)	2.444	259.564	133.870	2.042	16.539	45	327.995	11.334.503
Kết chuyển chi thù lao HĐQT từ tài khoản tạm ứng (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(12.299)	(12.299)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.651)	(7.651)
Điều chỉnh trích quỹ năm trước (*)	-	-	-	-	(427)	94	-	-	-	333	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	63.835	63.835
Tạm trích quỹ trong năm	-	-	-	-	6.354	3.177	-	-	-	(9.531)	-
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(7.716)	-	-	(7.716)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(607)	(607)
Số dư cuối năm (*):	10.583.801	95.912	(87.709)	2.444	265.491	137.141	2.042	8.823	45	362.075	11.370.065

(*): của ba ngân hàng và công ty con trước hợp nhất

23.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	31/12/2012 Cổ phiếu	1/1/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.058.380.104	1.058.380.104
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.058.380.104	1.058.380.104
Cổ phiếu phổ thông	1.058.380.104	1.058.380.104
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	4.385.457	4.385.457
Cổ phiếu phổ thông	4.385.457	4.385.457
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.053.994.647	1.053.994.647
Cổ phiếu phổ thông	1.053.994.647	1.053.994.647
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

23.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo Luật các TCTD số 47/2010/QH12, Nghị định số 57/2012/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Mức trích lập	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% mức vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% mức vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tín dụng tự quyết định.

23.3. Các quỹ của công ty con

Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm được thực hiện trong năm tiếp theo, sau khi có sự thông qua của Ngân hàng mẹ - Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2012 triệu đồng
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng và công ty con	63.835
Trừ: trích lập các quỹ khác (không bao gồm quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính)	-
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu	63.835
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.053.994.647
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	61

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

25. CỔ TỨC

Trong năm 2012, Ngân hàng không thông báo và không thực hiện việc phân chia cổ tức cho các cổ đông của Ngân hàng.

26. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2012 triệu đồng
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	11.711.750
Thu nhập lãi tiền gửi	262.860
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	2.423.051
Thu khác từ hoạt động tín dụng	2.919.637
	17.317.298

Thu khác từ hoạt động tín dụng bao gồm các khoản sau:

	Năm 2012 triệu đồng
Thu lãi các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu	1.678.971
Thu lãi từ hợp đồng đặt cọc mua chứng khoán	1.238.637
Thu lãi khác	2.029
	2.919.637

27. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2012 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	9.455.451
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.358.001
Trả lãi tiền vay	2.394.547
Chi phí hoạt động khác	913.348
	14.121.347

28. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm 2012 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	
Dịch vụ thanh toán	11.342
Hoạt động ngân quỹ và bảo lãnh	9.405
Dịch vụ đại lý	1.132
Thu phí dịch vụ khác	6.526
	28.405
Chi phí hoạt động dịch vụ	
Dịch vụ thanh toán	(22.723)
Hoạt động ngân quỹ và bảo lãnh	(8.403)
Dịch vụ đại lý	(4.102)
Chi phí dịch vụ khác	(2.057)
	(37.285)
Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	(8.880)

29. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm 2012 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	18.227
Thu từ kinh doanh vàng	507.116
	525.343
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(81.913)
Chi về kinh doanh vàng	(1.309.300)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(238.409)
	(1.629.622)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(1.104.279)

30. LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm 2012 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	22.776
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(55.109)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(8.820)
	(41.153)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

31. THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2012 triệu đồng
Thu nhập từ phạt chậm thanh toán (a)	986.816
Thu phạt vi phạm hợp đồng (b)	170.062
Hoàn nhập dự phòng rủi ro khác (Thuyết minh 15.5)	92.190
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán đầu tư	5.535
Thu nhập khác	17.869
	1.272.472

- (a) Đây là thu nhập từ phạt chậm thanh toán các hợp đồng cam kết mua bán vàng với Doanh nghiệp tư nhân vàng Kim Huy (Thuyết minh 15.1).
- (b) Đây là thu phạt vi phạm hợp đồng với Công ty TNHH Phương Trang liên quan đến dự án “Khu Dân cư Đổi thánh mẫu Đà Lạt” và dự án “Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng tại Phường Linh Chiểu, Thành phố Đà Nẵng”.

32. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm 2012 triệu đồng
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần	9.504

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2012 triệu đồng
Chi phí cho nhân viên	693.078
- Chi lương và phụ cấp	626.733
- Các khoản chi đóng góp theo lương	64.360
- Chi công tác xã hội	1.428
- Chi trợ cấp	557
Chi về tài sản	146.736
- Khấu hao tài sản cố định	125.047
- Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	17.435
- Chi phí bảo hiểm tài sản của Ngân hàng	4.254
Chi phí hoạt động khác	1.513.605
- Chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động huy động vốn (*)	1.066.875
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết	146.130
- Chi phí thuê văn phòng	111.547
- Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	79.035
- Chi phí quản lý chung	65.826
- Chi phí vật liệu giấy tờ in	22.630
- Chi phí công cụ lao động và dụng cụ	7.686
- Chi phí thông tin liên lạc	5.814
- Công tác phí	5.551
- Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	2.109
- Chi phí đào tạo	245
- Chi dự phòng rủi ro khác	157
	2.353.419

(*) Trong năm, Ngân hàng đã thực hiện các chương trình khuyến mãi “Ưu đãi bán vàng”, “Chuyển đổi hôm nay - Nhận ngày ưu đãi”. Theo đó, khi khách hàng bán vàng hoặc ngoại tệ cho Ngân hàng sẽ được hưởng mức giá cao hơn giá niêm yết của Ngân hàng và được nhận quà tặng dưới dạng tiền mặt tùy vào số lượng vàng hoặc ngoại tệ khách hàng bán cho Ngân hàng.

34. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	4.334.887	2.027.901
Tiền gửi tại NHNN	3.198.842	294.747
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	547.336	2.195.129
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	3.011.129
	8.081.065	7.528.906

35. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

		Năm 2012
I.	Số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	4.105
II.	Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)	
1.	Tổng quỹ lương đã chi	583.463
2.	Tiền thưởng	4.347
3.	Thu nhập khác	76.715
4.	Tổng thu nhập (1+2+3)	664.525
5.	Tiền lương bình quân tháng/người	12
6.	Thu nhập bình quân tháng/người	13

36. TÀI SẢN THỂ CHẤP

		Giá trị sổ sách	
		31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Bất động sản		132.354.615	125.886.784
Động sản		3.078.644	2.819.837
Chứng từ có giá		21.040.074	11.365.167
Tài sản khác		41.194.034	40.531.619
		197.667.367	180.603.407

37. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	22.639	24.992
Thư tín dụng trả ngay	32.319	87.469
Thư tín dụng trả chậm	53.565	570
Cam kết bảo lãnh khác	152.109	685.953
	260.632	798.984
Trừ: giá trị ký quỹ	(23.684)	(49.212)
	236.948	749.772

38. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- » Kiểm soát Ngân hàng;
 - » Có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - » Có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý và Ban Điều hành của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Số tiền triệu đồng
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	Đầu tư góp vốn,	Tiền gửi	10.351
	mua cổ phần	Tất toán tiền gửi	1.046
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Kim Liên	Đầu tư góp vốn,	Tiền gửi	92.546
	mua cổ phần	Tất toán tiền gửi	78.818
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Đầu tư góp vốn,	Tiền gửi	2.239.469
	mua cổ phần	Tất toán tiền gửi	2.214.661
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Đà Nẵng	Đầu tư góp vốn,	Tiền gửi	30.875
	mua cổ phần	Tất toán tiền gửi	30.968
		Cho vay	20.792
		Thu tiền vay	21.009

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/ (Phải trả) triệu đồng
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	(9.305)
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Kim Liên	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	(8.183)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	(15.330)
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Việt Thái	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi	(20)
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Đà Nẵng	Đầu tư góp vốn, mua cổ phần	Tiền gửi Tiền vay	(2) 19.205

39. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Tổng dư nợ cho vay triệu đồng	Tổng tiền gửi triệu đồng	Các cam kết tín dụng triệu đồng	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng) triệu đồng	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán triệu đồng
Trong nước	89.440.240	422.576	260.632	3.334.760	11.386.236
Nước ngoài	-	124.760	-	-	-
	89.440.240	547.336	260.632	3.334.760	11.386.236

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Mục tiêu của Ngân hàng là quản lý rủi ro một cách thích đáng trong giới hạn cho phép. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết đã trở thành hoạt động mang tính then chốt của Ngân hàng. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các khoản cho vay các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau, bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ, cũng như các cam kết ngoại bảng như bảo lãnh và thư tín dụng. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả quy trình tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế chủ yếu thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tài sản dưới dạng các công cụ tài chính chất lượng cao, các tài sản tiền và tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

41. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

41.1 Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

41.2 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá được trình bày dưới đây:

	Quá hạn			
	Dưới 90 ngày triệu đồng	91-180 ngày triệu đồng	181-360 ngày triệu đồng	Trên 360 ngày triệu đồng
TÀI SẢN				
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	104.560	-	-
Cho vay khách hàng	573.291	53.013	5.381.458	330.638
Tài sản có khác				
Các khoản phải thu	119.067	532.473	-	238.358
Các khoản lãi, phí phải thu	1.811.393	-	-	-

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá bởi vì Ngân hàng hiện đang nắm giữ đầy đủ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này hoặc tài sản quá hạn dưới 6 tháng và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009-TT-BTC. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

42.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng thu nhập hoặc giá trị tài sản của Ngân hàng bị ảnh hưởng khi lãi suất trên thị trường biến động.

Rủi ro lãi suất của Ngân hàng có thể xuất phát từ: Hoạt động đầu tư, huy động vốn và cho vay.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- » Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không chịu lãi.
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xem như khoản mục không chịu lãi do lãi suất của khoản mục này rất thấp và hầu như cố định trong một khoảng thời gian dài.
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của từng loại chứng khoán.
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

42.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro dựa trên thời gian định lại lãi suất theo quy định trên hợp đồng (nếu có) hoặc thời gian đáo hạn thực tế của giao dịch.
- » Với quan điểm thận trọng cho rằng huy động từ Thị trường 1 đã đến hạn trước thời điểm chốt sổ liệu (nhưng khách hàng chưa đến tất toán) là các nghĩa vụ nợ mà Ngân hàng phải ưu tiên với mức độ cao nhất để thanh toán cho đối tác hoặc khách hàng. Theo nguyên tắc thận trọng toàn bộ số dư của các món huy động này được Ngân hàng đặt lại kỳ tái định giá ngay để đảm bảo đo lường kịp thời và đầy đủ tác động của thay đổi lãi suất thị trường đến lợi nhuận của Ngân hàng.

Chính sách lãi suất của Ngân hàng:

Đối với hoạt động cho vay trên thị trường liên ngân hàng (ngắn hạn), lãi suất đầu tư được xác định tùy thuộc vào diễn biến thị trường và chi phí vốn của Ngân hàng. Các khoản cho vay trên thị trường liên ngân hàng thường có kỳ hạn ngắn (dưới 3 tháng).

Căn cứ vào dự báo về diễn biến lãi suất trên thị trường, và khả năng cân đối vốn, Ngân hàng sẽ đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.

Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh của ban lãnh đạo, cân đối vốn của Ngân hàng và quy định của Ngân hàng nhà nước. Nguồn vốn huy động của Ngân hàng chủ yếu có thời hạn định lại lãi suất ngắn.

Đối với hoạt động cho vay, Ngân hàng quy định mức lãi suất cho vay trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý, trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản bảo đảm, lãi suất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Trụ sở chính quy định mức sàn lãi suất cho vay trong từng thời kỳ; các đơn vị kinh doanh được chủ động xác định lãi suất cho vay đối với khách hàng trong từng kỳ đảm bảo không thấp hơn sàn lãi suất trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro tín dụng và phải đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao.

Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất ở cả 2 cấp độ giao dịch và danh mục.

Với kinh nghiệm và khả năng nhạy bén trong quản trị điều hành, Ngân hàng đã điều hành thận trọng, linh hoạt cơ chế lãi suất tiền gửi, tiền vay đảm bảo an toàn, hiệu quả, tăng trưởng quy mô và mở rộng thị phần.

Chịu ảnh hưởng do định lại lãi suất trong khoảng thời gian

	Quá hạn triệu đồng	Không chịu lãi triệu đồng	Đến 1 tháng triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng triệu đồng	Từ 3 đến 6 tháng triệu đồng	Từ 6 đến 12 tháng triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm triệu đồng	Trên 5 năm triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	4.334.887	-	-	-	-	-	-	4.334.887
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	3.198.842	-	-	-	-	-	-	3.198.842
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	547.336	1.285.340	-	-	-	-	1.832.676
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.538.012	-	1.940.128	-	-	-	-	-	3.478.140
Cho vay khách hàng (*)	7.764.350	-	16.961.783	63.364.200	64.567	-	-	-	88.154.900
Chứng khoán đầu tư (*)	-	165.296	30.000	-	1.703.000	9.454.444	33.496	-	11.386.236
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	71.784	-	-	-	-	-	-	71.784
Tài sản cố định	-	2.589.928	-	-	-	-	-	-	2.589.928
Tài sản Có khác (*)	2.434.218	31.435.907	-	-	4.807.128	-	-	-	38.677.253
Tổng tài sản	11.736.580	41.796.644	19.479.247	64.649.540	6.574.695	9.454.444	33.496	-	153.724.646
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	9.772.303	-	-	-	-	-	-	-	9.772.303
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	4.373.324	-	3.445.487	4.238.436	4.642.718	1.551.000	-	-	18.250.965
Tiền gửi của khách hàng	399.394	-	36.759.980	20.160.267	4.856.558	13.999.690	3.016.127	905	79.192.921
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.433.452	-	1.947.496	-	-	-	-	-	3.380.948
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng chịu rủi ro	-	6.672	-	-	-	-	-	-	6.672
Phát hành giấy tờ có giá	25.977	-	6.587.005	4.083.286	1.084.656	167.873	505	-	11.949.302
Các khoản nợ khác (*)	1.486.308	3.614.513	5.185	132.305	1.340.603	12.081.571	-	-	18.660.485
Tổng nợ phải trả	17.490.758	3.621.185	48.745.153	28.614.294	11.924.535	27.800.134	3.016.632	905	141.213.596
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	(5.754.178)	38.175.459	(29.265.906)	36.035.246	(5.349.840)	(18.345.690)	(2.983.136)	(905)	12.511.050

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

42.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con cho năm 2012 như sau:

	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế triệu đồng	Ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu triệu đồng
USD	+10	(2.665)	17.103
VNĐ	+10	(28.289)	(458.534)
USD	-10	2.665	(17.103)
VNĐ	-10	28.289	458.534

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ, một phần là vàng, Đô la Mỹ, Đồng Euro và các ngoại tệ khác. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tình hình kinh tế và chính sách kinh tế vĩ mô trong năm có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Ngân hàng:

- » Với mục tiêu ổn định tỷ giá nhằm kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, NHNN siết chặt hoạt động kinh doanh ngoại hối thông qua việc thu hẹp trạng thái và giới hạn hoạt động cho vay ngoại tệ từ đầu năm 2012. Điều này đã phát huy hiệu quả khi diễn biến tỷ giá trong năm ít biến động và không có nhiều xáo trộn như các năm trước.
- » Trên thị trường vàng, NHNN cũng tiến hành tăng cường quản lý giám sát, tiến tới độc quyền vàng miếng và NHNN tham gia kinh doanh vàng miếng thông qua hoạt động đấu thầu nhằm bình ổn thị trường vàng biến động khá dữ dội trong năm.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	EUR được quy đổi triệu đồng	USD được quy đổi triệu đồng	Vàng được quy đổi triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	21.468	182.155	3.498.890	3.702.513
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	426.282	-	426.282
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	7.503	1.592.641	-	1.600.144
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	1.940.128	400.500	2.340.628
Cho vay khách hàng (*)	6.392	441.112	516.698	964.202
Tài sản Có khác (*)	31	34.613	2.264.120	2.298.764
Tổng tài sản	35.394	4.616.931	6.680.208	11.332.533
Nợ phải trả				
Tiền gửi của và vay các TCTD khác	-	95.892	614.100	709.992
Tiền gửi của khách hàng	171.923	5.256.761	-	5.428.684
Phát hành giấy tờ có giá	15.155	730.964	1.320.230	2.066.349
Các khoản nợ khác (*)	2.203	210.195	15.345.493	15.557.891
Tổng nợ phải trả	189.281	6.293.812	17.279.823	23.762.916
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(153.887)	(1.676.881)	(10.599.615)	(12.430.383)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	251	330.638	55.554	386.443
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(153.636)	(1.346.243)	(10.544.061)	(12.043.940)

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro.

Đô nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng và các công ty con đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ, EUR, XAU, AUD...

	Tăng/ giảm tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế triệu đồng
XAU	+5	(529.620)
USD	+5	(83.812)
EUR	+5	(7.681)
AUD	+5	(1.713)
XAU	-5	529.620
USD	-5	83.812
EUR	-5	7.681
AUD	-5	1.713

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với tỷ giá được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

42.3 Rủi ro thanh khoản

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

» Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

» Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.

» Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.

» Thời gian đến hạn của tài sản cố định được coi là trên năm năm do phần lớn TSCĐ của Ngân hàng là nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất.

	Quá hạn		Trong hạn				Tổng cộng triệu đồng
	Trên 3 tháng triệu đồng	Đến 3 tháng triệu đồng	Đến 1 tháng triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng triệu đồng	Từ 3 đến 12 tháng triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm triệu đồng	Trên 5 năm triệu đồng
Tài sản							
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	-	4.334.887	-	-	-	4.334.887
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	-	3.198.842	-	-	-	3.198.842
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	547.336	-	1.285.340	-	1.832.676
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.538.012	-	1.940.128	-	-	-	3.478.140
Cho vay khách hàng (*)	6.373.285	1.391.065	4.428.866	548.572	13.473.918	46.206.597	88.154.900
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	195.296	-	553.000	10.637.940	11.386.236
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	71.784	71.784
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	2.589.928
Tài sản Có khác (*)	938.218	1.496.000	1.802.451	1.849.879	10.692.271	8.745.183	38.677.253
Tổng tài sản	8.849.515	2.887.065	16.447.806	2.398.451	26.004.529	65.661.504	153.724.646
Nợ phải trả							
Tiền gửi của và vay từ NHNN	9.772.303	-	-	-	-	-	9.772.303
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	4.373.324	-	3.445.487	4.238.436	6.193.718	-	18.250.965
Tiền gửi của khách hàng	435	398.959	33.359.671	18.746.285	22.912.299	3.774.368	79.192.921
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	1.433.452	-	1.947.496	-	-	-	3.380.948
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng chịu rủi ro	-	-	6.672	-	-	-	6.672
Phát hành giấy tờ có giá	-	25.977	6.418.841	4.245.560	1.258.417	507	11.949.302
Các khoản nợ khác (*)	1.482.122	4.186	1.378.026	1.048.259	14.688.840	58.898	18.660.485
Tổng nợ phải trả	17.061.636	429.122	46.556.193	28.278.540	45.053.274	3.833.773	141.213.596
Mức chênh thanh khoản ròng	(8.212.121)	2.457.943	(30.108.387)	(25.880.089)	(19.048.745)	61.827.731	12.511.050

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

tai ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

43.2 Cam kết vốn

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	282.872	124.327

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	231.382	298.997
<i>Trong đó:</i>		
Đến hạn trong 1 năm	86.755	58.333
Đến hạn từ 2 đến 5 năm	143.567	237.596
Đến hạn sau 5 năm	1.060	3.068

Tài sản tài chính

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;

139 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 SỐ 210/2009/TT-BTC (TIẾP THEO)

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

» Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

» Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Giá trị ghi sổ					Tổng cộng giá trị ghi sổ triệu đồng	Giá trị hợp lý (*) triệu đồng
	Chứng khoán kinh doanh triệu đồng	Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng	Cho vay và phải thu triệu đồng	Chứng khoán sẵn sàng để bán triệu đồng	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ triệu đồng		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	4.334.887	4.334.887	4.334.887
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	3.198.842	3.198.842	(*)
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	1.285.340	-	547.336	1.832.676	(*)
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	97.192	97.192	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	87.165.574	-	-	87.165.574	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	4.386.236	-	4.386.236	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	7.000.000	-	-	-	7.000.000	(*)
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	71.558	-	71.558	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	36.913.050	36.913.050	(*)
	-	7.000.000	88.450.914	4.457.794	45.091.307	145.000.015	
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	9.772.303	9.772.303	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	18.250.965	18.250.965	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	79.192.921	79.192.921	(*)
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng chịu rủi ro	-	-	-	-	6.672	6.672	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	11.949.302	11.949.302	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	18.671.694	18.671.694	(*)
	-	-	-	-	137.843.857	137.843.857	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 SỐ 210/2009/TT-BTC (TIẾP THEO)

44.1 Tài sản tài chính đã cầm cố, thế chấp

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác như sau:

	31/12/2012		1/1/2012	
	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Nghĩa vụ có liên quan triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Nghĩa vụ có liên quan triệu đồng
Trái phiếu công ty	2.424.444	749.243	2.457.462	823.490
Vàng	2.263.270	1.942.378	10.410.900	9.761.917
	4.687.714	2.691.621	12.868.362	10.585.407

45. NGHIỆP VỤ PHÒNG NGỪA RỦI RO

Trong quá trình quản lý tài sản và các khoản nợ, Ngân hàng có sử dụng các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích phòng ngừa rủi ro để giảm rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường. Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro được thực hiện cho các công cụ tài chính cụ thể, tổng thể danh mục các công cụ tài chính có lãi suất cố định cũng như tổng thể trạng thái tài chính.

Phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý

Ngân hàng thực hiện phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý để giảm rủi ro phát sinh từ sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính do các biến động trong lãi suất và tỷ giá. Các công cụ tài chính được phòng ngừa rủi ro lãi suất bao gồm các khoản cho vay, chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và giấy tờ có giá phát hành. Cho mục đích phòng ngừa rủi ro tiền tệ, Ngân hàng sử dụng các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ.

46. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 27 tháng 11 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng đã thông qua Nghị quyết về phương án tăng vốn điều lệ từ 10.583.801 triệu đồng lên 13.583.801 triệu đồng theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Ngày 19 tháng 03 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã có Công văn số 1792/NHNN-TTGSNH chấp thuận kế hoạch tăng vốn của Ngân hàng.

Ngoài thông tin trên và các thông tin khác đã trình bày trong các báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

47. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ

	31/12/2012 đồng	1/1/2012 đồng
USD	20.828	20.828
EUR	27.447	27.363
CHF	22.679	22.493
JPY	241	273
SGD	16.978	16.272
CAD	20.846	20.674
AUD	21.537	21.543
XAU	4.450.000	4.250.000

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

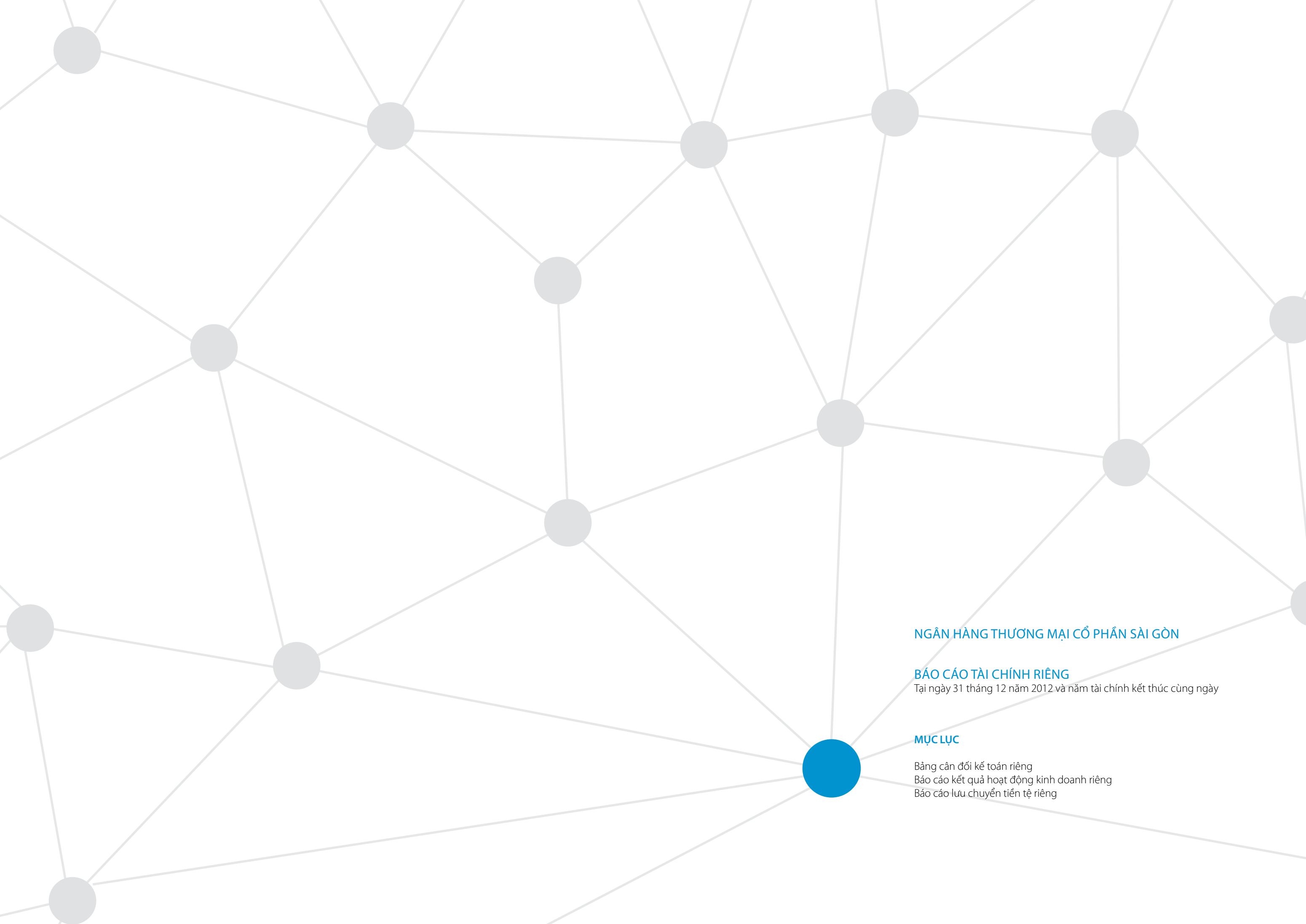
Ngày 28 tháng 03 năm 2013



Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán trưởng



Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC LỤC

- Bảng cân đối kế toán riêng
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	4.334.830	2.027.877
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.198.842	294.747
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	1.832.676	7.248.244
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	547.336	7.248.244
Cho vay các TCTD khác	1.285.340	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
Chứng khoán kinh doanh	-	18.772
Chứng khoán kinh doanh	-	72.676
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(53.904)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	97.192	828.409
Cho vay khách hàng	87.153.200	64.406.553
Cho vay khách hàng	88.142.526	66.057.742
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(989.326)	(1.651.189)
Chứng khoán đầu tư	11.314.978	13.898.501
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	4.386.236	6.801.098
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000	7.100.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(71.258)	(2.597)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	441.558	911.887
Đầu tư vào công ty con	370.000	370.000
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	71.784	553.674
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(226)	(11.787)
Tài sản cố định	2.588.656	2.195.427
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	915.382	885.823
Nguyên giá tài sản cố định	1.254.949	1.113.222
Hao mòn tài sản cố định	(339.567)	(227.399)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	-	-
Nguyên giá tài sản cố định	-	-
Hao mòn tài sản cố định	-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	1.673.274	1.309.604
Nguyên giá tài sản cố định	1.703.635	1.327.980
Hao mòn tài sản cố định	(30.361)	(18.376)
Bất động sản đầu tư	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-
Tài sản có khác	38.426.477	53.172.298
Các khoản phải thu	10.163.962	43.323.617
Các khoản lãi, phí phải thu	17.027.462	9.466.724
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Tài sản có khác	11.312.381	551.318
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(77.328)	(169.361)
TỔNG TÀI SẢN	149.388.409	145.002.715

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	9.772.303	18.133.852
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18.250.965	33.899.198
Tiền gửi của các TCTD khác	15.369.503	30.806.871
Vay các TCTD khác	2.881.462	3.092.327
Tiền gửi của khách hàng	79.379.647	58.712.507
Các công cụ tài chính phải sinh và các công nợ tài chính khác	-	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	6.672	10.203
Phát hành giấy tờ có giá	11.949.302	19.331.272
Các khoản nợ khác	18.663.083	3.584.704
Các khoản lãi, phí phải trả	2.851.511	2.659.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	15.808.725	918.961
Dự phòng rủi ro khác	2.847	6.401
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	138.021.972	133.671.736
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ		
Vốn	10.592.049	10.592.049
Vốn điều lệ	10.583.801	10.583.801
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	45	45
Thặng dư vốn cổ phần	95.912	95.912
Cổ phiếu quỹ	(87.709)	(87.709)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
Vốn khác	-	-
Các quỹ dự trữ	414.894	413.415
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	359.494	325.515
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11.366.437	11.330.979
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	149.388.409	145.002.715

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	31/12/2012 triệu đồng	1/1/2012 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Bảo lãnh vay vốn	22.639	24.992
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	85.884	88.039
Bảo lãnh khác	152.109	685.953
	260.632	798.984
Trừ: giá trị ký quỹ	(23.684)	(49.212)
	236.948	749.772

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc Kế toán

Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán trưởng

Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03/TCTD

	Năm 2012 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	17.317.213
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(14.129.917)
Thu nhập lãi thuần	3.187.296
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	27.753
Chi phí hoạt động dịch vụ	(37.285)
Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	(9.532)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(1.104.279)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(41.153)
Thu nhập từ hoạt động khác	1.272.385
Chi phí từ hoạt động khác	(12.730)
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.259.655
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9.504
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	3.301.491
Chi phí nhân viên	(685.256)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(124.787)
Chi phí hoạt động khác	(1.534.823)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(2.344.866)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	956.625
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(880.243)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	76.382
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(12.843)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.843)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	63.539

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc Kế toán

Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán trưởng

Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B04/TCTD

	Năm 2012 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	6.459.285
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả	(13.937.748)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	(9.532)
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	(384.932)
Thu nhập khác	165.935
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	9.058
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(2.118.063)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(20.566)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	(9.836.563)
Những thay đổi về tài sản hoạt động	
Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	756.645
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	508.799
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	731.217
Giảm các khoản cho vay khách hàng	2.938.632
Giảm khác về tài sản hoạt động	7.117.482
Những thay đổi về công nợ hoạt động	
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(8.361.549)
Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(13.487.783)
Tăng tiền gửi của khách hàng	14.193.449
Giảm phát hành giấy tờ có giá	(7.450.207)
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	(3.531)
Tăng khác về công nợ hoạt động	13.978.787
Chi từ các quỹ của TCTD	(7.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.077.662

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B04/TCTD

	Năm 2012 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
Mua sắm tài sản cố định	(511.884)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	120
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	9.504
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(502.260)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	575.402
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	7.528.882
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	(23.276)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	8.081.008

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:


Ông Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc Kế toán
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2013


Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán trưởng


Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc





Kết nối **KHÁCH HÀNG**
lan tỏa **VƯỜN XA**

Không ngừng hợp tác, đẩy mạnh mở rộng,
Chúng tôi quyết tâm phát huy hết sức mạnh, hòa
cùng thời cuộc cho sự phát triển của xã hội vươn
tới một cộng đồng thịnh vượng và hạnh phúc.

230

điểm giao dịch /26 tỉnh thành
Trên **10.000** máy ATM của SCB và
ngân hàng liên minh cùng mạng lưới
hàng trăm máy POS trên toàn quốc

Không ngừng phục vụ và đem lại các giá trị gia tăng cho khách hàng là kim chỉ nam trong suốt quá trình hoạt động và phát triển của SCB. Thừa hưởng mạng lưới hoạt động rộng khắp của ba ngân hàng tiền nhiệm, trong năm 2012, SCB liên tục thực hiện rà soát, quy hoạch lại hệ thống mạng lưới theo hướng hợp lý và hiệu quả với mục tiêu đưa sản phẩm, dịch vụ của SCB đến với mọi miền đất nước, đến với mọi khách hàng một cách nhanh chóng và tiện dụng nhất.

CÔNG TY LIÊN QUAN VÀ MẠNG LƯỚI

Công ty liên quan 156
Mạng lưới hoạt động 158



CÔNG TY LIÊN QUAN



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN

Lĩnh vực hoạt động:

Hoạt động mua bán nợ và quản lý tài sản.

Tỷ lệ SCB tham gia góp vốn: **100%**

370 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Lĩnh vực hoạt động:

Môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính, lưu ký chứng khoán.

Tỷ lệ SCB tham gia góp vốn: **11%**

350 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN DỤNG VIỆT NAM

Lĩnh vực hoạt động:

Cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng.

Tỷ lệ SCB tham gia góp vốn: **9,84%**

81 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KHÁCH SẠN SÀI GÒN HẠ LONG

Lĩnh vực hoạt động:

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch.

Tỷ lệ SCB tham gia góp vốn: **9%**

100 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

Lĩnh vực hoạt động:

Xây dựng công trình, kinh doanh bất động sản.

Tỷ lệ SCB tham gia góp vốn: **10,13%**

115 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Lĩnh vực hoạt động:

Sản xuất kinh doanh các mặt hàng kim loại, xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng.

Tỷ lệ SCB tham gia góp vốn: **10%**

50 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN KIM LIÊN

Lĩnh vực hoạt động:

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch.

Tỷ lệ SCB tham gia góp vốn: **9,9%**

74 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH SÀI GÒN QUY NHƠN

Lĩnh vực hoạt động:

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch.

Tỷ lệ SCB tham gia góp vốn: **8,33%**

75 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THẺ SMARTLINK

Lĩnh vực hoạt động:

Cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán tiện ích trên các kênh giao dịch điện tử ATM, POS, điện thoại di động, Internet.

Tỷ lệ SCB tham gia góp vốn: **6%**

50 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

KHU VỰC MIỀN BẮC

09 Chi nhánh
26 Phòng Giao dịch
16 Quỹ Tiết kiệm

KHU VỰC MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

08 Chi nhánh
13 Phòng Giao dịch
03 Quỹ Tiết kiệm

KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

04 Chi nhánh
07 Phòng Giao dịch

KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

13 Chi nhánh
10 Phòng Giao dịch
03 Quỹ Tiết kiệm
01 Điểm Giao dịch

KHU VỰC TP. HỒ CHÍ MINH

01 Hội sở
01 Sở Giao dịch
15 Chi nhánh
65 Phòng Giao dịch
35 Quỹ Tiết kiệm
01 Điểm Giao dịch

Mạng lưới ngân hàng đại lý gồm: 7530 Ngân hàng tại 84 Quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới

15 tài khoản Nostro với hầu hết các ngoại tệ mạnh

STT	ĐIỂM GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	DIỆN THOẠI	FAX
Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh				
1	Hội sở	927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Tp. HCM	08.39230666	08.39225888
2	Sở Giao dịch	927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Tp. HCM	08.39230666	08.39225371
3	PGD Trần Hưng Đạo	715 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Tp. HCM	08.38383192	08.39246711
4	PGD Hồ Tùng Mậu	25 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM	08.39142526	08.39151414
5	PGD Cách Mạng Tháng 8	959 (số cũ 203A) Cách Mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.39770353	08.38656413
6	Chi nhánh Bến Thành	50 Bis - 52 và 46/10 Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM	08.38279797	08.38245599
7	Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch	50-52 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM	08.38243395	08.382434
8	PGD Nguyễn Thị Thập	525 Nguyễn Thị Thập, Quận 7, Tp. HCM	08.37753558	08.37753557
9	QTK Ngã Tư Bảy Hiền	996 Lạc Long Quân, Phường 8, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.39771287	08.39771355
10	QTK Võ Văn Tấn 1	407 Võ Văn Tấn, Phường 5, Quận 3, Tp. HCM	08.39293469	08.39293471
11	QTK Lê Văn Sỹ 1	110 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	08.39910916	08.39910586
12	QTK Hòa Hưng	358 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Tp. HCM	08.35261035	08.35261903
13	QTK Cát Lái	340A Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp. HCM	08.37425412	08.37425416
14	QTK Hàng Xanh	87 Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.35142960	08.35142749
15	QTK Thị Nghè	147 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.38408731	08.38408702
16	PGD Hai Bà Trưng	372 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. HCM	08.38206597	08.38206394
17	PGD Nguyễn Công Trứ	50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. HCM	08.38212563	08.38212549
18	QTK Quận 4	23 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, Tp. HCM	08.39435732	08.39435731
19	PGD Trần Nãi	124 Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, Tp. HCM	08.62607042	08.62607041
20	PGD Phan Bội Châu	54 Phan Bội Châu, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM	08.38246084	08.38246080
21	Chi nhánh Phú Đông	98B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	08.39977509	08.39977510
22	PGD Phú Nhuận	176 Phan Đình Phùng, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	08.39954407	08.39954460
23	QTK Gia Định	38 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	08.39902794	08.39950400
24	QTK Văn Thánh	số 111 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.38997958	08.38997927
25	QTK Lê Quang Định	452 Lê Quang Định, Phường 11, Q Bình Thạnh, Tp. HCM	08.35157038	08.35151326
26	QTK Nguyễn Thái Sơn 1	76 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM	08.39940286	08.39940285
27	QTK Võ Văn Ngân	96A Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, Tp. HCM	08.37228486	08.37228489
28	QTK Nguyễn Oanh	34 Nguyễn Oanh, Phường 7, Quận Gò Vấp, Tp. HCM	08.39899539	08.39899436
29	PGD Phan Xích Long	182 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	08.38434541	08.35173714
30	QTK Quang Trung	201E Quang Trung, Quận Gò Vấp, Tp. HCM	08.39899362	08.39899358

STT	ĐIỂM GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	DIỆN THOẠI	FAX
31	QTK Phan Đăng Lưu	49C Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.35515327	08.35515330
32	QTK Bạch Đằng	231 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.38997791	08.38997794
33	Chi nhánh 6	23-24 Lô Q Cư xá Phú Lâm D, Bình Phú, Phường 10, Quận 6, Tp. HCM	08.37554012	08.37554011
34	PGD Lê Quang Sung	2N Lê Quang Sung, Phường 2, Quận 6, Tp. HCM	08.3960.6094	08.39606093
35	PGD Hậu Giang	1075 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Tp. HCM	08.37555913	08.37555911
36	PGD Đinh Tiên Hoàng	41 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.35174503	08.35174421
37	PGD Minh Phụng	447-449 Minh Phụng, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM	08.39637973	08.39637972
38	PGD Châu Văn Liêm	44-46 Châu Văn Liêm, Phường 10, Quận 5, Tp. HCM	08.39509023	08.39506190
39	Chi nhánh Gia Định	101 Hoàng Văn Thụ, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	08.38455770	08.38424285
40	PGD Bà Chiểu	25K Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.35510886	08.38418954
41	PGD Thanh Đa	744 (số cũ 632) Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.35119618	08.35119638
42	PGD Lê Quang Định	94 Lê Quang Định, Phường14, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.35512956	08.35512957
43	PGD Nguyễn Thái Sơn	240 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Tp. HCM	08.35886989	08.35886990
44	PGD Quận 9	241A-243 Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Tp. HCM	08.37309746	08.37309745
45	PGD Thủ Đức	707 Kha Vạm Cân, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Tp. HCM	08.37205156	08.37205158
46	PGD Gò Vấp	624-626 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Tp. HCM	08.39897346	08.39897344
47	Chi nhánh 20/10	221 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, Tp. HCM	08.39414372	08.39414371
48	PGD Phú Mỹ	679-681 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, Tp. HCM	08.37733770	08.37733774
49	PGD Quận 7	251 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM	08.37712014	08.37711658
50	PGD Phú Mỹ Hưng	1411 Khu phố Mỹ Toàn II, Phú Mỹ Hưng, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM	08.54122680	08.54121601
51	Chi nhánh Củ Chi	294 Tỉnh lộ 8,Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp. HCM	08.37925286	08.37925285
52	PGD Hóc Môn	số 4/22 ấp Nam Thới, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Tp. HCM	08.37106425	08.37106427
53	PGD Củ Chi	851 Quốc lộ 22, Khu phố 5,Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp. HCM	08.38921234	08.38924045
54	PGD Trung Chánh	135/4 ấp Trung Chánh 1, Xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn, Tp. HCM	08.37185660	08.37185661
55	Chi nhánh Cống Quỳnh	242 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. HCM	08.39206501	08.62917145
56	QTK Cò Giang	193-203 Trần Hưng Đạo, Phường Cò Giang, Quận 1, Tp. HCM	08.39206502	08.39206539
57	Chi nhánh Nhà Rong	155 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM	08.38216818	08.38216821
58	PGD Tô Hiến Thành	190 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Tp. HCM	08.38681185	08.38681187
59	PGD Quận 2	3A5 Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, Tp. HCM	08.62872202	08.62872132
60	PGD Hòa Bình	63 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 5, Quận 5, Tp. HCM	08.39244341	08.39244346
61	PGD Quận 10	133 đường 3 tháng 2, Phường 11, Quận 10, Tp. HCM	08.38339576	08.38339572

STT	ĐIỂM GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	DIỆN THOẠI	FAX
62	Chi nhánh Bình Tây	25 Lê Quang Sung, Phường 02, Quận 6, Tp. HCM	08.62931378	08.62931379
63	QTK Hồng Bàng	311 Hồng Bàng, Phường11, Quận 5, Tp. HCM	08.62610277	08.62610266
64	QTK Hậu Giang 1	176B Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, Tp. HCM	08.62988227	08.62988188
65	PGD Tùng Thiện Vương	338 Tùng Thiện Vương, Quận 8, Tp. HCM	08.39516237	08.39516242
66	QTK Tên Lửa	75 đường số 1, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp. HCM	08.62691316	08.62691225
67	QTK Nhật Tảo	371 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, Tp. HCM	08.62645371	08.62645413
68	PGD Tạ Uyên	237 Tạ Uyên, Phường 6, Quận 11, Tp. HCM	08.39561746	08.39561749
69	QTK Phú Lâm	766 Hồng Bàng, Quận 11, Tp. HCM	08.62641616	08.62641768
70	PGD Mỹ Toàn	1463, KP Mỹ Toàn 1-H3, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM	08.54123491	08.54123494
71	QTK Bình Phú	766 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Tp. HCM	08.62931722	08.62931782
72	PGD An Dương Vương	59C An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, Tp. HCM	08.38339211	08.38339213
73	QTK Trung Sơn	273 - 275 đường 9A, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM	08.54318298	08.54317405
74	Chi nhánh Tân Bình	341 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.38108986	08.38108993
75	PGD Tân Sơn Nhất	92 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.62968557	08.62968516
76	PGD An Sương	301 (số cũ 135/3) Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. HCM	08.62561145	08.62561146
77	PGD Phạm Văn Hai	91A8 Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.39919351	08.39919353
78	PGD Lý Thường Kiệt	85 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.39717806	08.39717809
79	PGD Tân Sơn Nhì	211 Tân Sơn Nhì, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp. HCM	08.62692418	08.62692417
80	PGD An Hội	49/1C Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Tp. HCM	08.38311505	08.38311507
81	PGD Trường Chinh	318 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.38122483	08.38122484
82	Chi nhánh 11	167 Tạ Uyên, Phường 4, Quận 11, Tp. HCM	08.39561766	08.39561765
83	ĐGD Nguyễn Huệ	56-66 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM	08.38226801	08.38226802
84	PGD Xô Viết Nghệ Tĩnh	298 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.35127704	08.35127710
85	PGD Nguyễn Kiệm	402B Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	08.39956270	08.39956274
86	PGD Nguyễn Chí Thanh	463 Nguyễn Chí Thanh, Phường 15, Quận 5, Tp. HCM	08.39562434	08.39562436
87	PGD 10	312 Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	08.38683531	08.38683534
88	PGD Huỳnh Văn Bánh	319 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	08.38423381	08.38423384
89	PGD Tân Phú	192 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. HCM	08.3973 8792	08.39738791
90	PGD Ngô Quyền	92 Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, Tp. HCM	08.39520685	08.39520690
91	Chi nhánh Chợ Lớn	76-78-80 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Tp. HCM	08.39520840	08.39520843
92	PGD Lạc Long Quân	417-419 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Tp. HCM	08.39752191	08.39752193

STT	ĐIỂM GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
93	PGD Tân Tạo	24 đường số 1, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Tp. HCM	08.54072584	08.54070984
94	PGD An Đông Plaza	Trung tâm thương mại An Đông Plaza, số 18 An Dương Vương, Phường 9, Quận 5, Tp. HCM	08.62935708	08.62935709
95	PGD Quận 11	1337-1339 đường 3/2, Phường 12, Quận 11, Tp. HCM	08.39609371	08.39609384
96	PGD Quận 8	344 Tùng Thiện Vương, Phường 13, Quận 8, Tp. HCM	08.39515705	08.39515703
97	PGD An Đông	97K Nguyễn Duy Dương, Phường 9, Quận 5, Tp. HCM	08.38337542	08.38308003
98	PGD Kinh Dương Vương	37 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Tp. HCM	08.38170377	08.38710378
99	PGD Hậu Giang 1	164B Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, Tp. HCM	08.39698290	08.39698289
100	Chi nhánh Tân Định	348 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. HCM	08.38207853	08.38206779
101	PGD Võ Văn Tần	432 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Tp. HCM	08.38181966	08.38181967
102	PGD Bắc Hải	757 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.39770418	08.39770420
103	PGD Lê Văn Sỹ	185 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	08.39910798	08.39910799
104	PGD Điện Biên Phủ	259 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	08.35127494	08.35127497
105	PGD Nguyễn Thông	69 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Tp. HCM	08.35264211	08.35264300
106	Chi nhánh Thống Nhất	453 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.39713275	08.39711182
107	QTK 3 Tháng 2	358 Đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, Tp. HCM	08.38683924	08.38683923
108	QTK Cộng Hòa	324-326 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.38132753	08.38132752
109	QTK Trương Vĩnh Ký	186 Trương Vĩnh Ký, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp. HCM	08.38496052	08.38496051
110	QTK Đầm Sen	161 Hòa Bình, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Tp. HCM	08.39618974	08.39618972
111	QTK Trường Chinh 1	354A Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.38132094	08.38132093
112	QTK Lạc Long Quân 1	359 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Tp. HCM	08.39753696	08.39753694
113	QTK Lý Thái Tổ	97B Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 10, Tp. HCM	08.38300042	08.38300026
114	QTK Lữ Gia	113 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.38687174	08.38687173
115	QTK Lũy Bán Bích	761 Lũy Bán Bích, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, Tp. HCM	08.39721348	08.39721347
116	QTK Thành Thái	245 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Tp. HCM	08.39797414	08.39797417
117	PGD Chí Linh	176 Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.39917250	08.39917253
118	PGD Hoàng Văn Thụ	340H-K Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. HCM	08.38441653	08.38422013
Khu vực miền Bắc				
119	Chi nhánh Hà Nội	214 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	04.62732073	04.62732072
120	QTK Lê Trọng Tấn	10 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội	04.62857324	04.62857310
121	QTK Hồ Tùng Mậu	386 Hồ Tùng Mậu, Thị trấn Cầu Diễn, Huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội	04.62822667	04.62822665

STT	ĐIỂM GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
122	QTK Hàng Cót	63 Hàng Cót, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	04.62722686	04.62722685
123	QTK Giảng Võ	159 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	04.37368797	04.37368807
124	PGD Khâm Thiên	219D- 219E Khâm Thiên, Phường Thổ Quang, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	04.62706686	04.62706685
125	PGD Cống Vị	363 Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	04.62506883	04.62506885
126	PGD Dịch Vọng	352 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	04.62711686	04.62711685
127	PGD Bùi Thị Xuân	103 Bùi Thị Xuân, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	04.62783709	04.62783710
128	PGD Bạch Mai	470 Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	04.62606683	04.62606685
129	PGD Lạc Long Quân	391 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	04.62821686	04.62821685
130	PGD Ngô Thì Nhậm	32 Ngô Thì Nhậm, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	04.62701686	04.62701685
131	PGD Nguyễn Trãi	148 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội	04.62721686	04.62721685
132	PGD Tôn Đức Thắng	63B Tôn Đức Thắng, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	04.62606266	04.62606265
133	QTK Trần Khát Chân	482 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	04.62726266	04.62726265
134	QTK Nguyễn Thị Định	36 Nguyễn Thị Định, PhườngTrung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	04.35558540	04.35558545
135	QTK Gia Lâm	161 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội	04.62721867	04.62721865
136	QTK Lương Ngọc Quyến	45A Lương Ngọc Quyến, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	04.62709996	04.62709995
137	QTK Kim Đồng	25 Kim Đồng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	04.62710686	04.62710685
138	QTK Hoàng Quốc Việt	156 Hoàng Quốc Việt, Xã Cổ Nhuế, Huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội	04.62692763	04.62692765
139	QTK Hàng Mành	5 Hàng Mành, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	04.62722866	04.62722865
140	Chi nhánh Cầu Giấy	số 12, Lô 11A, Khu ĐTM Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	04.37834609	04.37834611
141	QTK Tây Hồ	366 Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội	04.37586511	04.37586513
142	QTK Đội Cấn	207 Phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	04.37228240	04.37228243
143	Chi nhánh Hai Bà Trưng	37 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	04.39438732	04.39438734
144	PGD Ba Đình	14 Phố Nguyễn Biểu, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	04.37345578	04.37345581
145	PGD Đội Cấn	153D Phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	04.37227453	04.37227452
146	PGD Đống Đa	136 Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	04.35114912	04.35115980
147	PGD Hoàn Kiếm	83 Hàng Gà, Phường Hàng Bó, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	04.39232918	04.39232921
148	PGD Láng Hạ	9 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	04.35140971	04.35140974
149	PGD Long Biên	409 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội	04.38737128	04.38737129
150	PGD Nguyễn Khuyến	54-56 Phố Nguyễn Khuyến, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	04.37475415	04.37475417

STT	ĐIỂM GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
151	PGD Thanh Nhàn	529 Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	04.36368046	04.36368048
152	PGD Thanh Xuân	167 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội	04.35575225	04.35575226
153	PGD Trần Hưng Đạo	92 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	04.39335340	04.39335342
154	PGD Cầu Giấy	233 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	04.37675570	04.37675573
155	Chi nhánh Thăng Long	1F Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	04.35190151	04.35190152
156	Chi nhánh Hải Dương	97 Ngô Quyền, Phường Thanh Bình, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	0320.3898899	0320.3898896
157	Chi nhánh Hồng Bàng	5A Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng	031.3569516	031.3569517
158	PGD Lạch Tray	310 Lạch Tray, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng	031.3613156	031.3613157
159	PGD Trần Nguyên Hãn	266N Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng	031.3786202	031.3786203
160	PGD Đông Bắc	76-78 Trung Hành, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng	031.3625555	031.3559629
161	Chi nhánh Bắc Ninh	316 Trần Hưng Đạo, Phường Đại Phúc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	0241.3856736	0241.3856738
162	Chi nhánh Quảng Ninh	20 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	033.3518111	033.3518222
163	PGD Bãi Cháy	Lô 9, tổ 9, Khu 9 Cái Dăm, Phường Bãi Cháy, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	033.3515075	033.3515076
164	PGD Hạ Long	Tổ 36, Khu 2B, Phường Bạch Đằng, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	033.3518851	033.3518383
165	PGD Uông Bí	439 tổ 37, Khu 2, Phường Quang Trung,Thị xã Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh	033.3566058	033.3566059
166	Chi nhánh Hải Phòng	14 Trần Phú, Phường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	031.3250098	031.3250099
167	QTK Tô Hiệu	377 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng	031.3956935	031.3956936
168	QTK Đình Đồng	161-163 Đình Đồng, Phường Đồng Hải, Quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng	031.3639557	031.3639558
169	QTK An Biên	161 Hai Bà Trưng, Phường An Biên, Quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng	031.3518658	031.3518659
170	Chi nhánh Nghệ An	25 Quang Trung, Phường Quang Trung, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	038.3588500	038.3588501
171	PGD Nguyễn Sỹ Sách	02 Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Bình, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	038.3567768	038.3567769

Khu vực miền Trung - Tây Nguyên

172	Chi nhánh Bình Định	01 Nguyễn Tất Thành, Phường Lý Thường Kiệt, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	056.3822288	056.3822333
173	PGD An Nhơn	23 Quang Trung, Thị trấn Bình Định, Huyện An Nhơn, Tỉnh Bình Định	056.3635883	056.3635884
174	PGD Ngô Mỹ	45-47 Ngô Mỹ, Phường Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	056.3946867	056.3946865
175	PGD 20/10	252 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	056.3818558	056.3818600
176	Chi nhánh Đà Nẵng	256 Trần Phú, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Hải châu, Tp. Đà Nẵng	0511.3565544	0511.3565956
177	PGD Liên Chiểu	715 Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng	0511.3796888	0511.3796889
178	PGD Hàm Nghi	37 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	0511.3586888	0511.3586889
179	PGD Hoàng Diệu	340 Hoàng Diệu, Phường Bình Hiên, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	0511.3575668	0511.3575669

STT	ĐIỂM GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
180	PGD Lê Duẩn	247 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	0511.3752886	0511.3752887
181	PGD Phan Đăng Lưu	142 Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	0511.3644666	0511.3644466
182	PGD Sơn Trà	530K Ngô Quyền, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	0511.3831888	0511.3945668
183	Chi nhánh Bình Thuận	487 Trần Hưng Đạo, Phường Lạc Đạo, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	062.3722400	062.3722401
184	PGD Mũi Né	345 Huỳnh Thúc Kháng, Khu phố 5, Phường Mũi Né, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	062.3748865	062.3748864
185	Chi nhánh Khánh Hòa	78 Lý Thánh Tôn, Phường Phương Sài, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	058.3563405	058.3563400
186	PGD Vĩnh Phước	47 đường 2/4, Phường Vĩnh Phước, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	058.3544242	058.3544244
187	Chi nhánh Chợ Hàn	4 Hùng Vương & 106 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	0511.3891888	0511.3891979
188	QTK Hòa Khê	351 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	0511.3720666	0511.3720357
189	QTK Đống Đa	313 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	0511.3652666	0511.3652668
190	QTK Núi Thành	179 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	0511.3629666	0511.3629668
191	Chi nhánh Gia Lai	78 Hai Bà Trưng, Phường Yên Đỗ, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	059.3871500	059.3871522
192	Chi nhánh Đắk Lắk	83 Phan Bội Châu, PhườngThống Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	0500.3843027	0500.3843029
193	PGD Nguyễn Tất Thành	53 Nguyễn Tất Thành, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	0500.3959268	0500.3959368

Khu vực miền Đông Nam bộ

194	Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	89 Lê Lợi, Phường 6, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	064. 3577334	064.3577336
195	Chi nhánh Vũng Tàu	45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	064.3533737	064.3533733
196	PGD Bà Rịa	46 Bạch Đằng, Phường Phước Trung,Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	064.3717631	064.3717632
197	PGD Thăng Nhất	128 đường 30/4, Phường Thăng Nhất, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	064.3593893	064.3594059
198	PGD Tân Thành	QL 51, Thôn Quảng Phú, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	064.3923507	064.3923508
199	Chi nhánh Bình Dương	464 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0650.3872601	0650.3872608
200	PGD Bến Cát	Ô 20, Lô NP 33, Khu tái định cư Mỹ Phước 2, Đại lộ Bình Dương, thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	0650.3567274	0650.3567275
201	PGD Dĩ An	12/22 Trần Hưng Đạo, Phường Dĩ An,Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	0650.3736833	0650.3736834
202	Chi nhánh Đồng Nai	54 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	061.3943625	061.3943624
203	PGD Tân Biên	119/7A Khu phố 5B, xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	061.3880648	061.3880649
204	PGD Biên Hòa	111 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Hòa Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	061.3840122	061.3840112

Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long

205	Chi nhánh Trà Vinh	23 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	074.3753699	074.3753700
206	Chi nhánh Tiền Giang	134-136 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	073.3976288	073.397629
207	PGD Gò Công	17Đ Trương Định, Phường 1, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang	073.3514566	073.3514567

STT	ĐIỂM GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
208	PGD Cai Lậy	1/2C đường 30/4, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	073.3919777	073.3919779
209	PGD Cái Bè	Tổ 18, Khu 3, Tỉnh lộ 875, Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	073.3924666	073.3924777
210	Chi nhánh Trà Vinh 1	86 Nguyễn Đăng, Khóm 6, Phường 7, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	074.3860677	074.3860680
211	Chi nhánh Cà Mau	137 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	0780.3616111	0780.3616333
212	Chi nhánh Kiên Giang	468 Nguyễn Trung Trực, Phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	077.3929001	077.3929005
213	Chi nhánh Tân An	68A, Hùng Vương, Phường 2, Tp. Tân An, Tỉnh Long An	072.3550059	
214	ĐGD Đức Hòa	KCN Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	072.3779791	072.3779790
215	Chi nhánh Long An	60 Nguyễn Trung Trực, Phường 2, Tp. Tân An, Tỉnh Long An	072.3525588	072.6252259
216	PGD Bến Lức	125 Nguyễn Hữu Thọ, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	072.3655828	072.3655838
217	Chi nhánh Vĩnh Long	11-11A-11B-11C Phạm Thái Bường, Phường 4, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	070.3852781	070.3852784
218	PGD Vũng Liêm	06B khóm2, Tỉnh lộ 902, Thị trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	070.3971971	070.3970444
219	Chi nhánh Đồng Tháp	60-62 tổ 12, Đốc Binh Kiều, Phường 2, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	067.3876878	067.3876858
220	PGD Sa Đéc	15 Âu Cơ, Khóm 1, Phường 2, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	067.3772838	067.3772858
221	Chi nhánh Cần Thơ	209C đường 30/04, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	0710.3781490	0710.3781492
222	PGD An Cư	36 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	0710.3733754	0710.3733752
223	PGD An Hòa	36/42-36/44 Trần Việt Châu, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	0710.3895775	0710.3895773
224	Chi nhánh Bến Tre	30C Đại lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	075.3510740	075.3560222
225	Chi nhánh Ninh Kiều	19-21A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	0710.3819977	0710.3819989
226	QTK Trần Phú	35 Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	0710.3825789	0710.3825788
227	QTK An Hòa	86 Mậu Thân, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	0710.3759989	0710.3759977
228	QTK Cái Răng	164A Quốc Lộ 1A, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ	0710.3527577	0710.3527576
229	Chi nhánh An Giang	4+5KT Hà Hoàng Hổ, Phường Mỹ Xuyên, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	076.3945235	076.3945236
230	PGD Mỹ Phước	100/5N Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Phước, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	076.3940637	076.3940638
231	PGD Châu Đốc	28/30 Quang Trung, Phường Châu Phú B, Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang	076.3550101	076.3550103